

Số: 229 /2026/CBTT-AST

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ  
HÀNG  
KHÔNG  
TASECO

Digitally signed by CÔNG TY CỔ  
PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG  
TASECO  
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ  
NỘI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG  
TASECO,  
OID.2.5.2.342.19200300.100.1.1=  
MST-0107007230  
Reason: I am the author of this  
document  
Location: your signing location  
here  
Date: 2026.04.18 10:37:39+0700  
Foxit PhantomPDF Version:  
10.1.4

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.**

**1. Tên tổ chức:** CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO

**- Mã chứng khoán:** AST

**- Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao,  
đường Xuân Tảo, phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội.

**- Điện thoại:** 024 3587 6678

**- Fax:** 024 3587 6683

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco công bố Báo cáo thường niên  
năm 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ  
phần Dịch vụ Hàng không Taseco vào ngày 18/04/2026 tại đường dẫn  
<https://tasecoairs.vn/bao-cau-thuong-nien.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn  
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2025.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Bằng**

TASECOAIRS

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
2025

INTERNATIONAL AIRPORT



[www.tasecoairs.vn](http://www.tasecoairs.vn)

# MỤC LỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025

|                                           |   |
|-------------------------------------------|---|
| 01                                        | 1 |
| THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ |   |

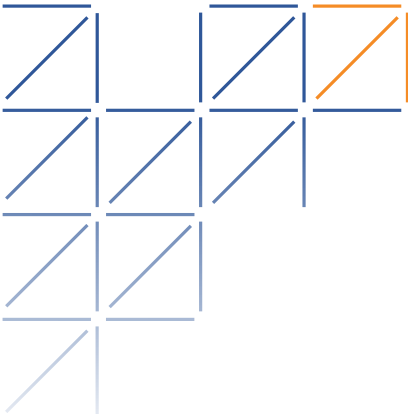
|                                  |    |
|----------------------------------|----|
| 02                               | 3  |
| THÔNG TIN CHUNG                  |    |
| Thông tin cơ bản                 | 5  |
| Hình thành và phát triển         | 7  |
| Tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị | 9  |
| Ngành nghề và sản phẩm dịch vụ   | 11 |
| Thị trường kinh doanh            | 19 |
| Mô hình tổ chức                  | 20 |
| Hội đồng quản trị                | 21 |
| Ban Tổng Giám đốc                | 22 |
| Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng  | 23 |
| Thông tin cổ đông                | 24 |
| Công ty con và công ty liên kết  | 25 |
| Định hướng phát triển            | 26 |
| Quản trị rủi ro                  | 27 |

|                                         |    |
|-----------------------------------------|----|
| 03                                      | 31 |
| BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2025                  |    |
| Tổng quan thị trường kinh doanh         | 33 |
| Nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động | 35 |
| Báo cáo hoạt động kinh doanh            | 36 |
| Tình hình tài chính                     | 37 |
| Tình hình đầu tư                        | 43 |
| Kế hoạch sản xuất kinh doanh            | 45 |

|                                  |    |
|----------------------------------|----|
| 04                               | 47 |
| BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2025            |    |
| Báo cáo Hội đồng quản trị        | 49 |
| Báo cáo Ban kiểm soát            | 57 |
| Công khai các giao dịch, lợi ích | 61 |

|                                                        |    |
|--------------------------------------------------------|----|
| 05                                                     | 63 |
| PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG & TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI |    |

|                                  |    |
|----------------------------------|----|
| 06                               | 71 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025 |    |



# 01 THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco,

**T**hay mặt Hội đồng Quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Quý vị đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Taseco Airs trong suốt chặng đường phát triển.

Năm 2025 ghi nhận những kết quả tăng trưởng ấn tượng, phản ánh rõ nét hiệu quả trong chiến lược và năng lực vận hành của Công ty. Doanh thu hợp nhất đạt gần **1.727 tỷ đồng**, tăng hơn 30% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt **326 tỷ đồng**, tăng trưởng hơn 60% và là mức cao nhất kể từ khi thành lập. Đây là nền tảng quan trọng để Taseco Airs tiếp tục củng cố vị thế trong lĩnh vực dịch vụ phi hàng không tại Việt Nam.

Bên cạnh kết quả kinh doanh, Công ty đã chủ động nâng cao năng lực quản trị, kiện toàn tổ chức, triển khai các cơ chế vận hành linh hoạt nhằm tối ưu hiệu quả và thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo trong toàn hệ thống. Việc mở rộng và nâng cấp các mô hình dịch vụ tiếp tục góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng và gia tăng giá trị thương hiệu.

**1.727** TỶ ĐỒNG

Doanh thu

**326** TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận sau thuế

Bước sang năm 2026, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn tiềm ẩn nhiều biến động, Hội đồng Quản trị xác định tiếp tục theo đuổi định hướng phát triển bền vững, lấy chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành làm trọng tâm. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, khả năng thích ứng linh hoạt cùng triển vọng tích cực của ngành hàng không, chúng tôi tin tưởng Taseco Airs sẽ duy trì đà tăng trưởng và mở rộng hệ sinh thái dịch vụ tại các cảng hàng không.

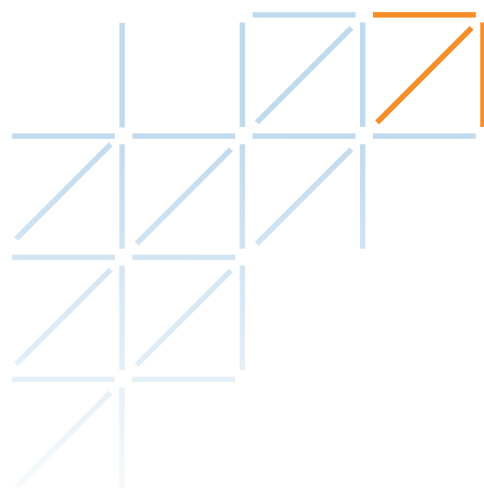
Hội đồng Quản trị cam kết tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, minh bạch và hiệu quả, hướng tới việc tạo dựng giá trị bền vững cho cổ đông, đối tác và cộng đồng.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM NGỌC THANH



# 02

## THÔNG TIN CHUNG

- 1 Thông tin cơ bản
- 2 Quá trình hình thành và phát triển
- 3 Tâm nhìn, sứ mệnh và các giá trị
- 4 Ngành nghề và sản phẩm dịch vụ
- 5 Thị trường kinh doanh
- 6 Mô hình tổ chức
- 7 Hội đồng quản trị
- 8 Ban Tổng Giám đốc
- 9 Kế toán trưởng và Ban kiểm soát
- 10 Thông tin cổ đông
- 11 Công ty con và công ty liên kết
- 12 Định hướng phát triển
- 13 Quản trị rủi ro



# THÔNG TIN CƠ BẢN

## TASECOAIRS

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO**  
Tên tiếng Anh: **TASECO AIR SERVICES JOINT STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt: **TASECO AIRS**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0107007230** do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 28/09/2015, thay đổi lần thứ 8 ngày 12/08/2025

Vốn điều lệ: **450.000.000.000 ĐỒNG**

## Thông tin liên hệ

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu đoàn ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng giao dịch: Tầng 3, Sảnh B, Khu Văn phòng, Nhà ga T1, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, đường Võ Nguyên Giáp, Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3587 6683 Fax: (84-24) 3587 6678 Website: [www.tasecoairs.vn](http://www.tasecoairs.vn)

# THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã cổ phiếu: **AST**

Sàn niêm yết: **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)**

Ngày giao dịch đầu tiên: **04/01/2018**

Số lượng cổ phiếu niêm yết: **45.000.000 cổ phiếu**

# HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

# TASECOAIRS

|      |                                                                                                                                           |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |                                                                                                                                                                                                                                                      |      |                                                                                                                                                                                                                                   |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2005 | Taseco được thành lập – đặt nền móng cho Taseco Airs                                                                                      | 2016 | <ul style="list-style-type: none"><li>Thành lập Taseco Sài Gòn, hoạt động kinh doanh tại sân bay Tân Sơn Nhất</li><li>Tăng vốn điều lệ lên 160,48 tỷ đồng</li></ul>                                                                                                                                   | 2019 | <ul style="list-style-type: none"><li>Jalux Taseco chính thức trở thành công ty con của Taseco Airs</li><li>Quý STIC – Hàn Quốc chính thức trở thành cổ đông nước ngoài lớn thứ 2 của Taseco Airs</li><li>Tăng vốn điều lệ lên 450 tỷ đồng</li></ul> | 2023 | <ul style="list-style-type: none"><li>Tăng vốn điều lệ Taseco Đà Nẵng lên 50 tỷ đồng</li><li>Nhận chuyển nhượng 2,63% cổ phần tại VinaCS</li></ul>                                                                                |
| 2011 | Thành lập CN Taseco Đà Nẵng, hoạt động kinh doanh tại sân bay Đà Nẵng                                                                     | 2017 | <ul style="list-style-type: none"><li>Đổi tên thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco</li><li>Tăng vốn điều lệ lên 360 tỷ đồng</li><li>Nhận chuyển nhượng cổ phần tại VinaCS và Taseco Media</li><li>Quý Penm IV chính thức trở thành cổ đông lớn của Taseco Airs</li></ul>                   | 2020 | Thành lập Chi nhánh của Jalux Taseco tại Phú Quốc                                                                                                                                                                                                    | 2024 | <ul style="list-style-type: none"><li>Tăng vốn điều lệ Taseco Sài Gòn lên 50 tỷ đồng</li><li>Công ty VinaCS thành lập Công ty TNHH Suất ăn Hàng không VinaCS Long Thành</li></ul>                                                 |
| 2013 | Thành lập Taseco Oceanview Đà Nẵng, quản lý khách sạn Á La Carte Đà Nẵng                                                                  | 2018 | <ul style="list-style-type: none"><li>Taseco Airs niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh – HOSE. Mã cổ phiếu: AST</li><li>Mở rộng hoạt động kinh doanh tại sân bay Cam Ranh, Vân Đồn</li><li>Nhận chuyển nhượng 49% phần vốn góp, trở thành bên liên doanh tại Jalux Taseco</li></ul> | 2021 | <ul style="list-style-type: none"><li>Thành lập Công ty CP Dịch vụ Hàng không Taseco Phú Quốc</li><li>Thành lập Chi nhánh của Jalux Taseco tại Tân Sơn Nhất</li></ul>                                                                                | 2025 | <ul style="list-style-type: none"><li>Mở rộng hoạt động kinh doanh tại sân bay Tân Sơn Nhất</li><li>Tái cấu trúc chuyển đổi Công ty Taseco Oceanview thành Chi nhánh Taseco Oceanview trực thuộc Công ty Taseco Đà Nẵng</li></ul> |
| 2015 | Chi nhánh Nội Bài Công ty Taseco tách ra thành Công ty độc lập với tên gọi Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài (VĐL: 30 tỷ) |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2022 | Hà Linh chính thức trở thành công ty con của Taseco Airs                                                                                                                                                                                             |      |                                                                                                                                                                                                                                   |

# TẦM NHÌN, SỨ MỆNH & CÁC GIÁ TRỊ



## Tầm nhìn

Trở thành một Công ty cung cấp dịch vụ thương mại phi hàng không, du lịch nghỉ dưỡng có uy tín và quy mô hàng đầu tại Việt Nam với mạng lưới kinh doanh phủ kín các sân bay quốc tế trong cả nước và các địa bàn du lịch trọng điểm, kết hợp việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng với việc quảng bá các giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc.



## Sứ mệnh

Không ngừng sáng tạo, đổi mới, phấn đấu tạo ra những sản phẩm và dịch vụ phong phú, chất lượng tốt nhất làm hài lòng khách hàng; chia sẻ lợi ích, đồng hành cùng khách hàng, xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững, mang lại lợi ích thiết thực cho tập thể người lao động, làm tốt trách nhiệm với cổ đông, nhà nước và xã hội.



## Giá trị cốt lõi

- Coi trọng chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng, đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu.
- Giữ uy tín, bảo đảm niềm tin của khách hàng.
- Tôn trọng các cam kết với khách hàng, đối tác.
- Đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực.
- Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.



## Triết lý kinh doanh

- Bảo đảm sự phát triển bền vững trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp – khách hàng – xã hội;
- Chung sức tạo thành công.

# NGÀNH NGHỀ & SẢN PHẨM DỊCH VỤ

## 1 Kinh doanh Bách hóa lưu niệm



Hệ thống cửa hàng **LUCKY RETAIL** hiện diện tại 6 Cảng hàng không quốc tế lớn trên cả nước, từ Bắc vào Nam, là “điểm chạm văn hóa” đầu tiên và cuối cùng của mỗi vị khách khi tới Việt Nam. Với sứ mệnh tôn vinh và lan tỏa giá trị văn hóa Việt, chúng tôi không chỉ cung cấp những món quà lưu niệm đơn thuần mà còn là những sản phẩm được tuyển chọn kỹ lưỡng, mang đậm bản sắc địa phương – dân tộc tại mỗi vùng đất mà quý khách hàng đặt chân tới.

Hệ thống cửa hàng **KADOO** hiện diện tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh là một hướng phát triển mới đa dạng sản phẩm cho dịch vụ Bách hóa lưu niệm của công ty. Khởi đầu với 2 cửa hàng được đưa vào vận hành trong năm 2025, sản phẩm của Kadoo hướng tới sự tiện lợi, đáp ứng đa dạng các nhu cầu thiết yếu và tiêu dùng nhanh của khách hàng tại sân bay. Chúng tôi tập trung vào 3 mảng sản phẩm chính là:

- Đồ dùng thiết yếu: Pin sạc dự phòng, gối cổ, đồ vệ sinh cá nhân, ... hỗ trợ tối đa cho hành trình bay.
- Thực phẩm nhanh: Đồ uống, bánh kẹo, đồ ăn nhẹ được đóng gói tiện lợi để theo hành khách lên máy bay.
- Quà tặng & đồ lưu niệm: Các sản phẩm được tuyển chọn kỹ lưỡng, mang tính bản địa cao, đưa hình ảnh, giá trị của Nha Trang nói riêng, Việt Nam nói chung tới hành khách trong nước và bạn bè quốc tế.



LUCKY RETAIL không ngừng mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng dịch vụ để mang đến một không gian và trải nghiệm mua sắm chuẩn quốc tế, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam và tiếp tục là một trong những cầu nối văn hóa, quảng bá hình ảnh Việt Nam thịnh vượng và giàu bản sắc ra thế giới.



Theo kịp xu hướng tiêu dùng hiện đại tại sân bay, Kadoo định vị là điểm đến “Tất cả trong một” (One-stop-shop) với cam kết: Sản phẩm chất lượng, dịch vụ đồng nhất và thiết kế mở hiện đại. Chúng tôi tối ưu hóa quy trình thanh toán nhanh, giúp khách hàng tận hưởng trải nghiệm mua sắm tiện lợi mà không lo trễ chuyến.

## 2 Dịch vụ ăn nhanh – giải khát

Các cửa hàng **Fastfood** trong hệ thống **Taseco Airs** nằm tại những vị trí thuận tiện trong sân bay giúp khách hàng dễ dàng tìm kiếm. Chúng tôi mang đến không gian nghỉ ngơi và thưởng thức ẩm thực lý tưởng cho hành khách. Hiện nay, **Taseco Airs** đang vận hành hai thương hiệu chủ lực, đáp ứng trọn vẹn mọi nhu cầu của thực khách:

- **Lucky Fastfood:** Thương hiệu lâu năm khẳng định vị thế của Taseco Airs, nơi giao thoa giữa hương vị truyền thống Việt Nam và phong cách đồ ăn nhanh quốc tế. Với quy trình vận hành nghiêm ngặt, quản lý chặt chẽ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và tiêu chuẩn món ăn, Lucky Fastfood là điểm đến tin cậy của hành khách tìm kiếm sự nhanh chóng nhưng vẫn đảm bảo sự tinh tế trong hương vị.

- **Sky (Thương hiệu thuộc Công ty Hà Linh – Thành viên Taseco Airs):** Đại diện cho sự hiện đại và năng động. Sky tập trung vào các dòng sản phẩm xu hướng như bánh ngọt cao cấp, trà sữa và đồ uống sáng tạo, phục vụ thị hiếu đa dạng của thực khách.



Hệ thống cửa hàng của **Taseco Airs** không chỉ là nơi thưởng thức ẩm thực, mà còn là “trạm dừng chân” – nơi hành khách có thể tạm rời xa sự náo nhiệt của sân bay để tận hưởng một tách cà phê đậm đà và nạp lại năng lượng cho những hành trình kế tiếp.

## 3 Dịch vụ nhà hàng

Tọa lạc tại những vị trí đắc địa trong các Cảng hàng không, hệ thống nhà hàng của **Taseco Airs** là điểm giao thoa giữa phong cách hiện đại và dấu ấn bản sắc vùng miền. Với sức chứa ấn tượng, không gian của chúng tôi đáp ứng trọn vẹn nhu cầu của thực khách, từ những người yêu thích hương vị thuần Việt tinh tế đến những ai tìm kiếm nét lãng mạn, ấm áp tại chuỗi **Bistro** phong cách Tây Âu.

Mỗi món ăn tại đây đều là tâm huyết của đội ngũ đầu bếp chuyên nghiệp, được phục vụ theo **tiêu chuẩn 5 sao** với mức giá hợp lý. **Taseco Airs** không chỉ phục vụ một bữa ăn, chúng tôi mang đến một khoảnh khắc thư giãn đẳng cấp, góp phần làm nên sự trọn vẹn cho mỗi hành trình.





## 4 Dịch vụ phòng chờ thương gia

Không gian đẳng cấp  
dành riêng cho hành khách ưu tiên

Mạng dịch vụ Phòng chờ thương gia là minh chứng cho sự hợp tác chiến lược giữa Taseco Airs và các định chế tài chính hàng đầu như Vietcombank, Nam Á Bank và Techcombank. Hiện diện tại các sân bay quốc tế Nội Bài, Đà Nẵng và Tân Sơn Nhất. Các phòng chờ của ba thương hiệu "Vietcombank Priority Lounge", "Nam Á Bank Premier Lounge" và "Techcombank Private Lounge" thiết lập nên một chuẩn mực mới về sự sang trọng và tiện nghi dành riêng cho khách hàng ưu tiên.

Hệ thống phòng chờ được thiết kế tinh tế, tích hợp đa tiện ích từ khu vực làm việc yên tĩnh đến không gian nghỉ ngơi riêng tư tuyệt đối. Điểm nhấn đặc sắc nằm ở thực đơn Buffet Á – Âu tinh tuyển, mang lại trải nghiệm ẩm thực đa dạng cho thực khách. Taseco Airs không chỉ cung cấp một điểm dừng chân, mà còn kiến tạo tâm thế thư thái nhất để mỗi phút giây chờ đợi đều trở thành một trải nghiệm nghỉ dưỡng thu nhỏ, chuẩn bị cho quý khách một tinh thần tràn đầy năng lượng trước mỗi chuyến bay.



## 5 Dịch vụ hỗ trợ thủ tục đón, tiễn hành khách

Hành trình thoải mái, đẳng cấp  
ngay từ sân bay

Với cam kết **mang đến trải nghiệm thuận tiện, sang trọng và đẳng cấp**, Taseco Airs không ngừng đổi mới, hoàn thiện dịch vụ nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Dịch vụ **hỗ trợ thủ tục đón, tiễn hành khách** tại các sân bay được thiết kế để giúp hành trình của quý khách trở nên **nhẹ nhàng, nhanh chóng và không còn lo âu**.

Lợi ích khi sử dụng dịch vụ:

✓ **Tiết kiệm thời gian** – Loại bỏ việc xếp hàng chờ đợi tại quầy thủ tục.

✓ **Không còn lo trễ chuyến** – Được hỗ trợ nhanh chóng, hạn chế ảnh hưởng của tình trạng tắc đường hay các sự cố phát sinh.

✓ **Trải nghiệm dịch vụ chuyên nghiệp** – Được đón tiếp và hỗ trợ tận tâm trong không gian sang trọng, tiện nghi.



Với dịch vụ đón, tiễn chuyên nghiệp của **Taseco Airs**, mỗi hành khách sẽ tận hưởng **sự thoải mái tuyệt đối**, khởi đầu chuyến đi một cách nhẹ nhàng, suôn sẻ và trọn vẹn hơn.



Không chỉ kết nối **các Cảng hàng không** với trung tâm thành phố, dịch vụ xe VIP còn là lựa chọn lý tưởng cho **các chuyến công tác, du lịch**, đưa khách hàng đến **những địa danh nổi tiếng** với sự thuận tiện tối đa. Với **Taseco Airs**, mỗi chuyến đi không chỉ là di chuyển, mà còn là một **trải nghiệm chất lượng và đẳng cấp**.

## 7 Dịch vụ Quảng cáo thương mại

Giải pháp truyền thông hiệu quả  
tại các sân bay

Là một trong những đơn vị tiên phong trong lĩnh vực **quảng cáo thương mại tại các Cảng Hàng không Quốc tế**, Taseco Airs cung cấp những giải pháp quảng bá thương hiệu hiệu quả, giúp doanh nghiệp tiếp cận trực tiếp với hàng triệu lượt hành khách mỗi năm.

Với hệ thống **vị trí quảng cáo chiến lược tại sân bay Nội Bài và Đà Nẵng**, Taseco Airs đảm bảo mức độ hiển thị cao, gia tăng khả năng nhận diện thương hiệu một cách mạnh mẽ. Nhờ lợi thế này, nhiều tập đoàn và thương hiệu lớn trong và ngoài nước đã lựa chọn hợp tác, bao gồm **Samsung, Vietcombank, Viettel, TPBank, ...**

Không ngừng đổi mới và tối ưu hiệu quả truyền thông, Taseco Airs cam kết mang đến **giải pháp quảng cáo chuyên nghiệp**, giúp doanh nghiệp tạo dấu ấn mạnh mẽ trong tâm trí khách hàng và khẳng định vị thế trên thị trường.



## 6 Dịch vụ xe vip Di chuyển thoải mái, an toàn trên mọi hành trình

Với mong muốn mang đến trải nghiệm di chuyển **tiện nghi, an toàn và đẳng cấp**, Taseco Airs đã phát triển **dịch vụ xe VIP** với các dòng xe sang trọng như **Camry, Fortuner**, đáp ứng nhu cầu đi lại đa dạng của khách hàng.

Hệ thống xe luôn sẵn sàng phục vụ **24/7**, được vận hành bởi **đội ngũ tài xế chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, thông thạo ngoại ngữ** và tận tâm hỗ trợ khách hàng. Chúng tôi cam kết mang lại những chuyến đi **êm ái, nhanh chóng**, giúp hành khách tận hưởng sự thư thái và yên tâm trong mọi hành trình.

## 8 Dịch vụ viễn thông

Kết nối tiện lợi ngay tại sân bay



Nhằm đáp ứng nhu cầu **liên lạc và kết nối** của hành khách ngay khi đặt chân đến sân bay, **Taseco Airtel** đã bố trí hệ thống **quầy dịch vụ viễn thông, SIM, thẻ** tại các khu vực **quốc tế và quốc nội** của các sân bay lớn: **Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất**.

Tại mỗi quầy, **Taseco Airtel** cung cấp đa dạng các sản phẩm và dịch vụ tiện ích như:

- ✓ **SIM điện thoại** với nhiều gói cước linh hoạt, phù hợp cho cả khách trong nước và quốc tế.
- ✓ **Dịch vụ Internet tốc độ cao**, đảm bảo kết nối liên tục.
- ✓ **Thẻ nạp tiền** của tất cả các nhà mạng lớn, cùng nhiều dịch vụ viễn thông khác.

Với vị trí thuận tiện, thủ tục nhanh chóng và sản phẩm đa dạng, dịch vụ viễn thông của **Taseco Airtel** giúp hành khách **dễ dàng kết nối, liên lạc thông suốt** và sẵn sàng cho mọi hành trình.

## 9 Dịch vụ Thông tin du lịch

Người bạn đồng hành trên mọi chặng đường

Với mong muốn mang đến cho du khách những trải nghiệm tuyệt vời và **góp phần quảng bá vẻ đẹp du lịch Việt Nam**, **Taseco Airtel** đã triển khai **trung tâm thông tin du lịch và khách sạn** tại **sảnh đến** của các **sân bay Nội Bài, Đà Nẵng** (quốc tế và nội địa).

Tại đây, đội ngũ nhân viên **tận tâm, chuyên nghiệp, am hiểu sâu sắc về du lịch** luôn sẵn sàng hỗ trợ du khách:

- ✓ **Tư vấn lộ trình, điểm đến**, giúp du khách lên kế hoạch khám phá phù hợp với sở thích cá nhân.
- ✓ **Đặt tour du lịch đa dạng**, từ trải nghiệm văn hóa, ẩm thực đến các hành trình nghỉ dưỡng cao cấp.
- ✓ **Hỗ trợ đặt phòng khách sạn**, đảm bảo lựa chọn phù hợp về vị trí, tiện nghi và ngân sách.



Cung cấp dịch vụ **chu đáo, nhanh chóng**, **Taseco Airtel** không chỉ giúp hành khách có chuyến đi suôn sẻ mà còn tạo ra những khoảnh khắc đáng nhớ trong hành trình khám phá Việt Nam.

## 10

### Kinh doanh Hàng miễn thuế

Trải nghiệm mua sắm quốc tế

Là đơn vị sở hữu **51% vốn góp** tại **Công ty TNHH Hàng miễn thuế Jalux Taseco (Jalux Taseco)**, **Taseco Airtel** tự hào mang đến **dịch vụ hàng miễn thuế** chất lượng cao tại các sân bay lớn của Việt Nam, đáp ứng nhu cầu mua sắm của du khách trong nước và quốc tế.

Với sự hợp tác cùng **Công ty JALUX Inc.**, – thương hiệu hàng miễn thuế uy tín của Nhật Bản, **Jalux Taseco** cung cấp đa dạng các sản phẩm từ những thương hiệu nổi tiếng trên thế giới. Sự kết hợp giữa **các sản phẩm Nhật Bản được ưa chuộng** và những nhãn hàng quốc tế danh tiếng mang đến trải nghiệm mua sắm phong phú, tiện lợi ngay tại sân bay.

Tất cả các mặt hàng tại **Jalux Taseco** đều **đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt**, trải qua **quy trình kiểm định khắt khe** về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo quản, đảm bảo sự yên tâm tuyệt đối cho khách hàng. Không chỉ là điểm mua sắm lý tưởng, **Jalux Taseco** còn góp phần nâng cao trải nghiệm du lịch, mang đến sự thuận tiện và hài lòng trên từng hành trình.



## 11 Kinh doanh Dịch vụ khách sạn

Trải nghiệm lưu trú hiện đại tại Đà Nẵng

Nằm bên bờ biển Mỹ Khê thơ mộng, **khách sạn căn hộ Ả La Carte Đà Nẵng** mang đến không gian lưu trú hiện đại, tiện nghi với **tiêu chuẩn phục vụ bốn sao**. Được thiết kế theo phong cách **trẻ trung, năng động**, khách sạn tạo nên một không gian nghỉ dưỡng linh hoạt, nơi du khách có thể tận hưởng kỳ nghỉ theo cách riêng của mình.

Hơn **10 năm đi vào hoạt động**, **Ả La Carte Đà Nẵng** đã **ghi dấu ấn qua năm tháng**, trở thành điểm đến yêu thích của du khách trong và ngoài nước. Không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, khách sạn đã vinh dự nhận được **nhiều giải thưởng danh giá** trong lĩnh vực lưu trú, khẳng định uy tín và đẳng cấp trên thị trường du lịch.

Với sự kết hợp giữa **vị trí đắc địa, cơ sở vật chất hiện đại và dịch vụ chuyên nghiệp**, **Ả La Carte Đà Nẵng** không chỉ là điểm dừng chân lý tưởng mà còn là **biểu tượng của sự hiếu khách và tinh thần đổi mới không ngừng** tại thành phố biển xinh đẹp này.



## 12

### Kinh doanh dịch vụ Đóng gói hành lý

An tâm trên mọi hành trình

Với mục tiêu hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ hàng không tại nhà ga T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, dịch vụ Đóng gói hành lý chính thức được triển khai từ năm 2025.

Nắm bắt được nhu cầu gộp các hành lý nhỏ thành một kiện hàng và nỗi lo về việc hành lý ký gửi bị trầy xước, bung khóa, thấm nước do thời tiết hoặc nghiêm trọng hơn là rủi ro bị kẻ gian xâm nhập, công ty đã đưa vào kinh doanh dịch vụ quấn màng PE (Stretch Film) tự động đa lớp, có khả năng chịu lực căng cao và chống thấm hoàn hảo. Quá trình được thực hiện bán tự động bằng máy quấn màng PE mỗi kiện hàng sẽ được bao bọc bởi một lớp "giáp" bảo vệ chắc chắn trong chưa đầy 60 giây.

Nằm ngay bên trái cửa ra vào D6 tại tầng 3 nhà ga T3, vị trí đảm bảo sự thuận tiện cho tất cả hành khách trước khi vào check-in đi kèm với đội ngũ nhân sự được đào tạo bài bản về thái độ phục vụ tận tâm và kỹ thuật vận hành máy móc an toàn, dịch vụ đóng gói hành lý của chúng tôi là một mảnh ghép nhỏ nhưng thiết yếu, biến những lo âu về hành lý thành sự thành thơi để hành khách tận hưởng trọn vẹn hành trình của mình.



## 13

### Kinh doanh Suất ăn hàng không

Chuẩn mực chất lượng & an toàn

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam (VinaCS)** – đơn vị liên kết của **Taseco Airs**, được thành lập bởi các cổ đông giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ hàng không. Hiện nay, VinaCS vận hành **hai nhà máy suất ăn hàng không tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài và Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh**, chuẩn bị đưa vào **vận hành nhà máy suất ăn hàng không tại Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành** cung cấp dịch vụ ẩm thực chất lượng cao cho các chuyến bay trong nước và quốc tế.

Với quy trình sản xuất tuân thủ **tiêu chuẩn ISO 22000, HALAL**, cùng những nỗ lực không ngừng trong việc **đổi mới và sáng tạo sản phẩm**, VinaCS đã trở thành **đối tác tin cậy** của nhiều **hãng hàng không lớn** như **Qatar Airways, Vietjet Air, Malaysia Airlines, Okay Airways, Bamboo Airways...**

Sự kết hợp giữa **chất lượng, an toàn thực phẩm và dịch vụ chuyên nghiệp** giúp VinaCS không chỉ đáp ứng mà còn nâng cao trải nghiệm ẩm thực trên không, mang đến những hành trình trọn vẹn cho hành khách.



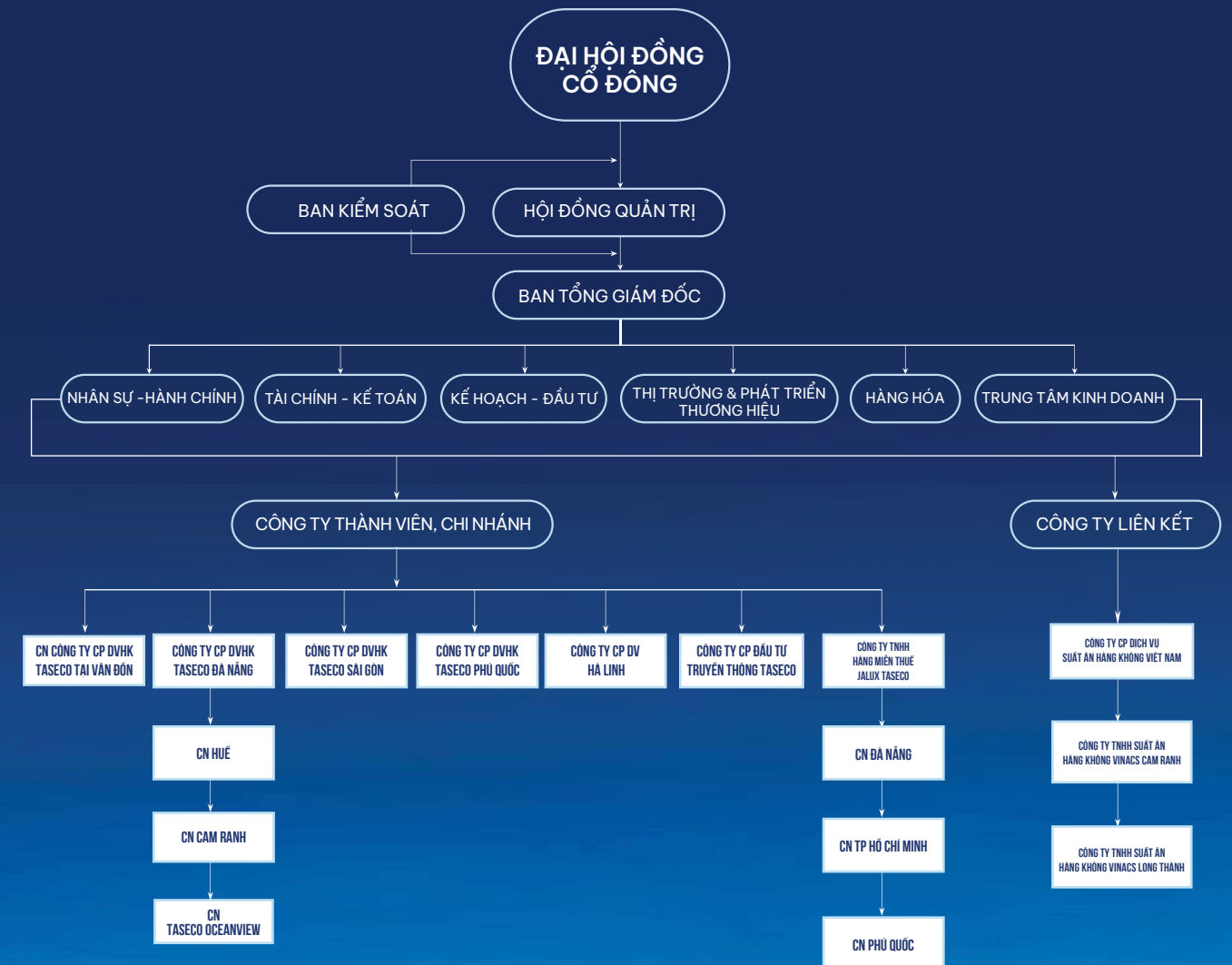
# THỊ TRƯỜNG KINH DOANH

Mạng lưới kinh doanh của Taseco Airs trải dài trên khắp các sân bay quốc tế lớn của cả nước và các thành phố năng động từ Bắc đến Nam.



# MÔ HÌNH TỔ CHỨC

**TASECOAIRS**



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT gồm 07 thành viên, trong đó có 02 thành viên HĐQT độc lập bao gồm:

| STT | Thành viên      | Chức vụ                                           | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------|
| 1   | Phạm Ngọc Thanh | Chủ tịch Hội đồng Quản trị                        | 125.000           | 0,28%        |
| 2   | Nguyễn Minh Hải | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị                    | 62.500            | 0,14%        |
| 3   | Lê Anh Quốc     | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 62.500            | 0,14%        |
| 4   | Lars Kjaer      | Thành viên Hội đồng Quản trị                      | 0                 | 0            |
| 5   | Kim HongJin     | Thành viên Hội đồng Quản trị                      | 0                 | 0            |
| 6   | Đặng Huy Khôi   | Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập              | 0                 | 0            |
| 7   | Lê Đức Long     | Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập              | 0                 | 0            |

Những thay đổi của Hội đồng quản trị trong năm 2025: Không có

## Ông Phạm Ngọc Thanh

Chủ tịch HĐQT

Ông Phạm Ngọc Thanh tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội, đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong ngành Hàng không. Ông là nhà đồng sáng lập của Tập đoàn Taseco và đã song hành với công ty từ ngày đầu thành lập với vai trò Chủ tịch HĐQT. Ông Thanh hiện cũng là Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Taseco, Chủ tịch HĐQT Taseco Land, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng.

## Ông Nguyễn Minh Hải

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Minh Hải tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội, Thạc sĩ QTKD (MBA), đã có trên 25 năm kinh nghiệm và có những hiểu biết chuyên sâu về ngành hàng không, đặc biệt là lĩnh vực xuất ăn hàng không. Hiện tại ông Hải đang nắm giữ một số chức vụ quan trọng tại các công ty như: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Taseco, Phó Chủ tịch HĐQT Taseco Land, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam (VinaCS).

## Ông Lê Anh Quốc

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Ông Lê Anh Quốc có trên 30 năm kinh nghiệm trong ngành dịch vụ hàng không. Với vai trò điều hành, quản lý và điều phối các nguồn lực, Ông Quốc cùng với Ban điều hành Công ty không ngừng tìm kiếm, mở rộng các thị trường mới, đưa ra các biện pháp tháo gỡ khó khăn trước những biến động của kinh tế thị trường, thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Đặc biệt, ông Quốc là người nắm rõ các điều kiện tiêu chuẩn về an ninh an toàn trong điều hành kinh doanh tại môi trường có tính đặc thù tại các cảng hàng không.

## Ông Kim HongJin

Thành viên HĐQT

Ông Kim HongJin hiện đang là Người đại diện pháp luật Quỹ đầu tư STIC tại Việt Nam. Với hơn 20 năm kinh nghiệm làm quản lý cấp cao tại các Công ty, quỹ tư nhân lớn tại Hàn Quốc như KPMG, PwC, STIC Investment, ông Kim đã góp phần tích cực trong việc hỗ trợ công ty áp dụng các phương pháp quản trị tiên tiến nhằm phát triển kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh hàng miễn thuế, dịch vụ phòng chờ và bán lẻ hàng hóa,...

## Ông Lars Kjaer

Thành viên HĐQT

Ông Lars Kjaer hiện đang nắm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc quỹ đầu tư PENM III và IV. Ông có nhiều kinh nghiệm về thị trường mới nổi, chiến lược tăng trưởng doanh nghiệp, phát triển hoạt động kinh doanh, tái cấu trúc và mua bán sáp nhập. Ông đã có hơn 15 năm làm việc tại Việt Nam và tham gia HĐQT của nhiều tập đoàn lớn tại Việt Nam.

## Ông Lê Đức Long

Thành viên HĐQT độc lập

Ông Lê Đức Long có hơn 25 năm kinh nghiệm điều hành quản trị tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Với vai trò là thành viên HĐQT độc lập, ông sẽ hỗ trợ HĐQT tăng cường công tác giám sát đối với hoạt động của bộ máy quản lý, từ đó làm tăng tính minh bạch của Công ty. Hiện tại ông đang là Giám đốc điều hành Công ty TNHH Cầu Vồng Việt và Giám đốc Công ty TNHH thương mại và sản xuất Minh Việt.

## Ông Đặng Huy Khôi

Thành viên HĐQT độc lập

Ông Đặng Huy Khôi là Thạc sĩ kinh tế với hơn 45 năm kinh nghiệm làm việc tại các Công ty dịch vụ hàng không. Ông Khôi đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như: Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính đến Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập,... Bằng kiến thức chuyên môn sâu rộng cùng với bề dày kinh nghiệm trong việc quản lý các vấn đề tài chính – kế toán và điều hành doanh nghiệp, ông Khôi đã có những đóng góp quan trọng, mang tính độc lập, khách quan vì mục tiêu ổn định và phát triển của Công ty.

# BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| STT | Thành viên              | Chức vụ           | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------------|-------------------|-------------------|--------------|
| 1   | Lê Anh Quốc             | Tổng Giám đốc     | 62.500            | 0,14%        |
| 2   | Nguyễn Quang Huy        | Phó Tổng Giám đốc | 0                 | 0            |
| 3   | Nguyễn Thị Thanh Phương | Phó Tổng Giám đốc | 21.250            | 0,047%       |
| 4   | Nguyễn Xuân Bằng        | Phó Tổng Giám đốc | 0                 | 0            |

Những thay đổi của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025: Không có

**Ông Lê Anh Quốc**  
Tổng giám đốc

Nội dung như phần thông tin HĐQT

**Ông Nguyễn Quang Huy**  
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huy có hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực thương mại, phi hàng không. Không chỉ tham gia công tác điều hành kinh doanh, Ông Huy còn thường xuyên phát động các phong trào thi đua, động viên người lao động tích cực lao động sản xuất, xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, với cương vị Chủ tịch Công đoàn, Ông Huy cũng tích cực tham gia các hoạt động Đoàn thể, các hoạt động thiện nguyện gắn với trách nhiệm xã hội, trách nhiệm cộng đồng.

**Bà Nguyễn Thị Thanh Phương**  
Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Phương là một trong những cổ đông sáng lập của Công ty, là người đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển của Taseco Airs qua các giai đoạn. Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực cung ứng hàng hóa, kinh doanh, Bà Phương có vai trò rất quan trọng trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh, điều phối hàng hóa, giám sát đảm bảo chất lượng dịch vụ.

**Ông Nguyễn Xuân Bằng**  
Phó Tổng Giám đốc  
kiêm người phụ trách quản trị

Ông Nguyễn Xuân Bằng tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm tích lũy những hiểu biết sâu sắc về ngành hàng không. Với vai trò Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực Tài chính – Kế toán và Kế hoạch – Đầu tư, ông Bằng đã có những đóng góp rất quan trọng trong công tác điều hành và quản trị hệ thống. Ngoài ra, ông Bằng còn nắm giữ một số vị trí khác như trong hệ thống Taseco Airs như: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh, Giám đốc Chi nhánh Taseco Airs tại Vân Đồn, thành viên HĐQT và là người đại diện vốn của Taseco Airs tại các Công ty Taseco Đà Nẵng và Taseco Sài Gòn.



## TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

**Bà Trần Thị Loan**  
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Loan có trên 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp tại các công ty kinh doanh dịch vụ Hàng không. Hiện bà Loan đang giữ chức vụ Trưởng ban Tài chính – Kế toán kiêm Kế toán trưởng của Tập đoàn Taseco và được bổ nhiệm là Trưởng Ban kiểm soát Taseco Airs từ tháng 12/2017.

**Ông Đào Ngọc Thiết**  
Kế toán trưởng

Với hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán tại các công ty liên quan đến thương mại và phi hàng không, ông Đào Ngọc Thiết đã có những đóng góp quan trọng trong công tác kế toán, kiểm soát chi phí, tài sản, hàng hóa của Công ty.

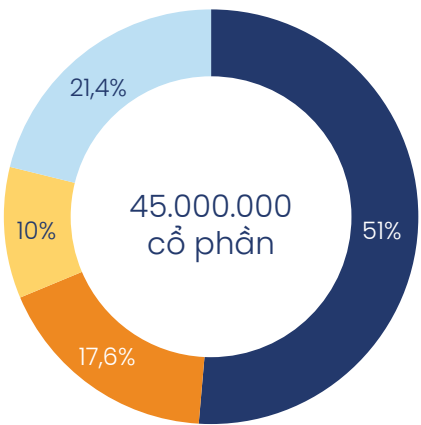
# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

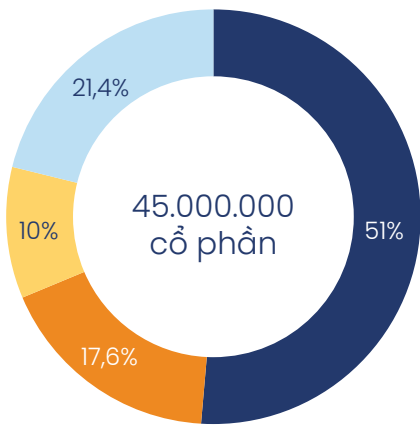
| Phân loại cổ đông  | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
|--------------------|------------|--------------|
| Cổ đông nhà nước   | 0          | 0%           |
| Cổ đông khác       | 45.000.000 | 100%         |
| Cổ đông trong nước | 24.600.816 | 54,67%       |
| Cổ đông nước ngoài | 20.399.184 | 45,33%       |
| Cổ đông lớn        | 35.389.300 | 78,64%       |
| Cổ đông nhỏ        | 9.610.700  | 21,36%       |
| Cổ đông tổ chức    | 43.244.808 | 96,10%       |
| Cổ đông cá nhân    | 1.755.192  | 3,90%        |

(Căn cứ danh sách cổ đông ngày 31/12/2025 )

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm  
31/12/2024



Cơ cấu cổ đông tại thời điểm  
31/12/2025



- Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco (\*)
- STIC PAN-ASIA 4TH INDUSTRY GROWTH PRIVATE EQUITY FUND
- PENM IV Germany GmbH & Co. KG
- Khác



DANH SÁCH  
CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

| STT | Công ty con-<br>Liên kết                                  | Tên viết tắt       | Trụ sở chính                                                                                           | Ngành<br>nghề kinh<br>doanh<br>chính                | Vốn điều lệ<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>của<br>Taseco<br>Airs |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------|
| 1   | Công ty Cổ phần<br>Đầu tư Truyền thông<br>Taseco          | TASECO<br>MEDIA    | Tầng 1 Tòa N02-T1, Khu<br>Đoàn Ngoại Giao,<br>đường Xuân Tảo,<br>Phường Xuân Đình, Thành<br>phố Hà Nội | Dịch vụ<br>hàng không<br>& Quảng cáo<br>tại sân bay | 15.000.000.000       | 99,9%                                    |
| 2   | Công ty Cổ phần<br>Dịch vụ Hàng không<br>Taseco Đà Nẵng   | TASECO<br>ĐÀ NẴNG  | Số 99 Phan Đăng Lưu,<br>Phường Hòa Cường,<br>Thành phố Đà Nẵng                                         | Dịch vụ phi<br>hàng không                           | 155.000.000.000      | 99,968%                                  |
| 3   | Công ty Cổ phần<br>Dịch vụ Hàng không<br>Taseco Sài Gòn   | TASECO<br>SÀI GÒN  | 57 Bạch Đằng,<br>Phường Tân Sơn Hòa,<br>Thành phố Hồ Chí Minh                                          | Dịch vụ phi<br>hàng không                           | 50.000.000.000       | 65%                                      |
| 4   | Công ty Cổ phần<br>Dịch vụ Hàng không<br>Taseco Phú Quốc  | TASECO<br>PHÚ QUỐC | SS26-S06 Khu du lịch<br>Sonasea villas & Resort,<br>Đặc khu Phú Quốc,<br>Tỉnh An Giang                 | Dịch vụ phi<br>hàng không                           | 10.000.000.000       | 65%                                      |
| 5   | Công ty TNHH<br>Hàng miễn thuế<br>Jalux Taseco            | JALUX<br>TASECO    | 4-W07E1 tầng 4, nhà ga T2,<br>Cảng HKQT Nội Bài,<br>Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội                       | Dịch vụ hàng<br>miễn thuế                           | 36.550.000.000       | 51%                                      |
| 6   | Công ty<br>Cổ phần Dịch vụ<br>Hà Linh                     | HÀ LINH            | Tầng 3, nhà ga T1, Cảng<br>Hàng không Quốc tế Nội Bài,<br>Xã Nội Bài,<br>Thành phố Hà Nội,             | Dịch vụ phi<br>hàng không                           | 20.000.000.000       | 51%                                      |
| 7   | Công ty Cổ phần<br>Dịch vụ Suất ăn<br>Hàng không Việt Nam | VINACS             | Cảng hàng không quốc tế Nội<br>Bài, Xã Nội Bài,<br>Thành phố Hà Nội                                    | Cung cấp suất<br>ăn hàng<br>không                   | 360.000.000.000      | 29,29%                                   |

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

“Trở thành một Công ty cung cấp dịch vụ đa ngành, có uy tín và quy mô lớn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phi hàng không và du lịch nghỉ dưỡng”

## 1 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Từng bước mở rộng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ phi hàng không đến các sân bay quốc tế trong cả nước, kết hợp cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng với việc quảng bá các giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc.
- Đầu tư mở rộng các điểm kinh doanh tại các sân bay, đa dạng hóa chuỗi dịch vụ phi hàng không.

## 2 Các mục tiêu phát triển bền vững

Công ty luôn ý thức cao và hành động vì sự phát triển bền vững với mục tiêu và triết lý:

- Từng bước mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh, tập trung vào những ngành nghề kinh doanh Công ty có kinh nghiệm và lợi thế;
- Chung sức tạo thành công, phát triển bền vững trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp – khách hàng – xã hội;
- Bảo đảm sự tuân thủ các quy định pháp luật, quy định đặc thù trong kinh doanh;
- Giữ gìn và phát triển uy tín và hình ảnh của Công ty;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh;
- Không ngừng quan tâm cải thiện điều kiện vật chất và tinh thần cho người lao động;
- Thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

# TASECCAIRS



# QUẢN TRỊ RỦI RO

## Nguyên tắc chung

Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được thực hiện xuyên suốt từ trên xuống dưới và được hình thành trên các nguyên tắc cơ bản như sau:

- **Xác định rủi ro đặc thù của Công ty, các hoạt động kinh doanh thường xuyên và hoạt động đầu tư.**
- **Xây dựng các hệ thống thông tin và phòng vệ để kiểm soát và hạn chế rủi ro.**
- **Đánh giá các rủi ro tác động đến chiến lược kinh doanh của đơn vị.**

Taseco Airs đã và đang xây dựng một cơ chế hướng tới việc xây dựng một hệ thống nhận định các rủi ro, và đưa ra các giải pháp mang tính đan xen ở các cấp khác nhau. Công ty luôn hướng tới tổ chức các hoạt động quản lý rủi ro tiếp cận các thông lệ quốc tế, áp dụng mô hình ba tuyến phòng vệ nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các sự kiện rủi ro có thể phát sinh gây ra những thiệt hại cho công ty.



## Rủi ro từ các biến động trong khu vực và trên thế giới

Hoạt động kinh doanh của Công ty gắn liền với hoạt động của ngành Hàng không dân dụng và ngành du lịch, nên hoạt động của Taseco Airs rất nhạy cảm và bị ảnh hưởng bởi các chính sách hạn chế/khuyến cáo du lịch hoặc những căng thẳng về địa chính trị trong khu vực và thế giới, đặc biệt là các khu vực và các quốc gia có nhiều khách du lịch tới Việt Nam.

## Rủi ro từ chính sách

Các biến động và rủi ro về chính sách luôn hiện hữu và nằm ngoài khả năng của Taseco Airs, nhưng việc đánh giá và nhận định các rủi ro này luôn được Taseco Airs đề cập tới và cũng là cơ sở để Taseco Airs điều chỉnh các chiến lược kinh doanh, hoạt động cho phù hợp với tình hình. Bên cạnh đó, Taseco Airs cũng đang cố gắng đa dạng hoá các loại hình dịch vụ kinh doanh nhằm giảm thiểu các tác động này tới tình hình hoạt động của Taseco Airs.

## Rủi ro cạnh tranh

Dù việc hoạt động kinh doanh của Taseco Airs trong lĩnh vực đặc thù, tuy nhiên Công ty cũng không thể tránh khỏi việc sẽ phải cạnh tranh theo cơ chế thị trường.

Taseco Airs hiểu trong sự cạnh tranh đó, Công ty sẽ luôn phải củng cố và phát huy hết những yếu tố then chốt là kinh nghiệm và năng lực của mình. Ngoài việc kế thừa kinh nghiệm kinh doanh nhiều năm trong lĩnh vực phi hàng không từ Công ty mẹ - Tập đoàn Taseco, Taseco Airs cũng liên tục đào tạo và tuyển dụng, trẻ hoá bộ máy lãnh đạo để chuẩn bị đáp ứng các yêu cầu hoạt động của Cảng hàng không đặc biệt là trong các giai đoạn sắp tới.

Ngoài ra, sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử cũng như các điểm bán hàng trong những trung tâm thương mại hiện đại đã tác động rất lớn đến các kênh bán hàng truyền thống nói chung và các điểm kinh doanh của Taseco Airs nói riêng. Hiện nay, khách hàng có thể dễ dàng mua các món quà lưu niệm, đặc sản các vùng miền ngay trên kênh bán online thay vì đến trực tiếp tại các điểm bán. Đây vừa là thách thức nhưng cũng là động lực để Taseco Airs có những bước chuyển đổi trong hoạt động kinh doanh của mình. Một mặt, Công ty tiếp tục phát huy lợi thế của kênh bán truyền thống, gia tăng trải nghiệm của khách hàng với sản phẩm – không chỉ là về thị giác, khách hàng được chạm, được thử, được cảm nhận hương vị mà còn tư vấn chuyên sâu ý nghĩa văn hóa của từng sản phẩm. Mặt khác, Công ty cũng triển khai các phương án bán hàng linh hoạt, kết nối các điểm kinh doanh từ nhiều vùng miền, sân bay trong hệ thống để gia tăng tính thuận tiện khi mua sắm cho khách hàng.

## Rủi ro về hàng hóa, nguyên vật liệu

Về mặt lĩnh vực kinh doanh phi hàng không, Công ty luôn cần duy trì một lượng hàng hóa tồn kho nhất định, trong đó một số mặt hàng tồn kho có hạn sử dụng, hạn tờ khai, có tính chất vùng miền. Do đó luôn tồn tại các rủi ro phải xử lý đối với các hàng tồn kho chậm luân chuyển, không phù hợp với thị hiếu, hết hạn tờ khai, hết hạn sử dụng.

Đối diện với vấn đề này, Taseco Airs đã chủ động nghiên cứu nhu cầu và tâm lý của khách hàng, để đưa ra cơ cấu các danh mục phù hợp, tập trung vào các hàng hoá có tính luân chuyển cao được các khách hàng ưa chuộng và tạo ra một bộ quy chế tồn kho hợp lý. Công ty cũng liên tục kiểm tra hàng tồn kho để có những chính sách phù hợp nhằm xử lý tiêu thụ đối với các mặt hàng tồn cũng như việc thương thảo với nhà cung cấp để hỗ trợ các mặt hàng này.

## Rủi ro về lao động và tuân thủ

Với lĩnh vực kinh doanh của mình tập trung vào dịch vụ, Taseco Airs sử dụng rất nhiều lao động, có rất nhiều lao động nắm các vị trí quan trọng quản lý trực tiếp các tài sản của công ty, vì vậy biến động nhân sự và rủi ro nhân sự vi phạm quy trình là vấn đề đặc biệt cần quan tâm giải quyết.

Con người là một trong những yếu tố quan trọng trong việc quản lý và vận hành của Taseco Airs, do đó Công ty luôn luôn có những chính sách phát triển cho người lao động cả về nghiệp vụ lẫn tạo ra cả một môi trường thuận lợi để người lao động có thể phát triển.

Taseco Airs cũng ban hành và tiếp tục hoàn thiện cập nhật pháp lý, cơ chế nhân sự, các hướng dẫn nhân sự cho các phòng ban và toàn hệ thống, từng bước nâng cao đội ngũ nhân sự, tạo môi trường để nhân viên coi Taseco Airs là ngôi nhà thứ hai của mình, từ đó hạn chế và phòng ngừa các rủi ro về lao động.

## Rủi ro bất khả kháng

Một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về động đất, hỏa hoạn, hạn hán, chiến tranh,... Công ty luôn chủ động đưa ra những giải pháp ứng phó kịp thời nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động, an toàn tài chính và tránh những rủi ro tiềm ẩn.



# 03

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2025

- 1 Tổng quan thị trường kinh doanh
- 2 Nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động
- 3 Báo cáo hoạt động kinh doanh
- 4 Tình hình tài chính
- 5 Tình hình đầu tư
- 6 Kế hoạch sản xuất kinh doanh



# TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG KINH DOANH

Taseco Airs là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực phi Hàng không, hiện tại Taseco Airs có 6 Công ty con và 1 Công ty liên kết, các Công ty này có vị trí trải dài trên cả nước và tập trung chủ yếu tại các sân bay, các thành phố lớn nơi qua lại của một lượng lớn khách du lịch trong nước và quốc tế.



Các loại hình kinh doanh chính của Taseco Airs bao gồm:

- Kinh doanh nhà hàng, ăn nhanh, giải khát.
- Kinh doanh hàng bách hóa lưu niệm.
- Kinh doanh phòng chờ hạng thương gia.
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo, du lịch, viễn thông, vận tải.
- Kinh doanh Hàng miễn thuế.
- Sản xuất suất ăn Hàng không và kinh doanh Khách sạn.

Với các đặc thù trên, ngoài việc nỗ lực của bản thân, kết quả kinh doanh của Taseco Airs cũng phụ thuộc khá nhiều vào định hướng phát triển thị trường vận tải Hàng không, sự phát triển của thị trường du lịch trong đó tình hình phát triển kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, quan hệ ngoại giao thương mại giữa các nước là những yếu tố tác động quan trọng.

## Kinh tế vĩ mô năm 2025

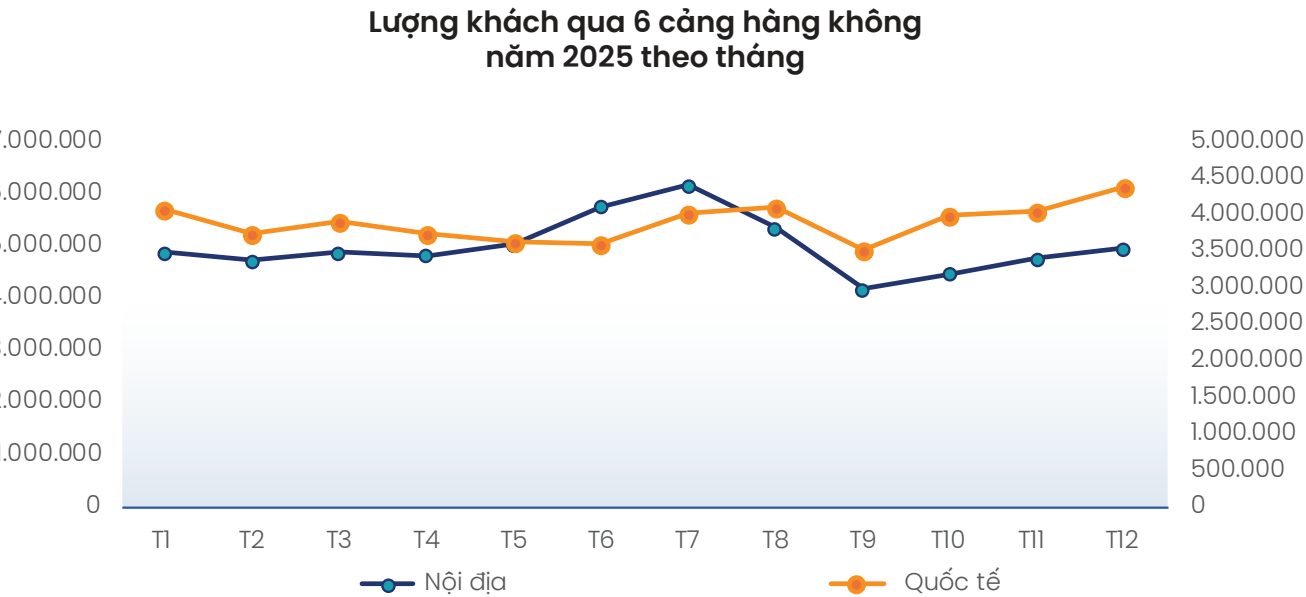
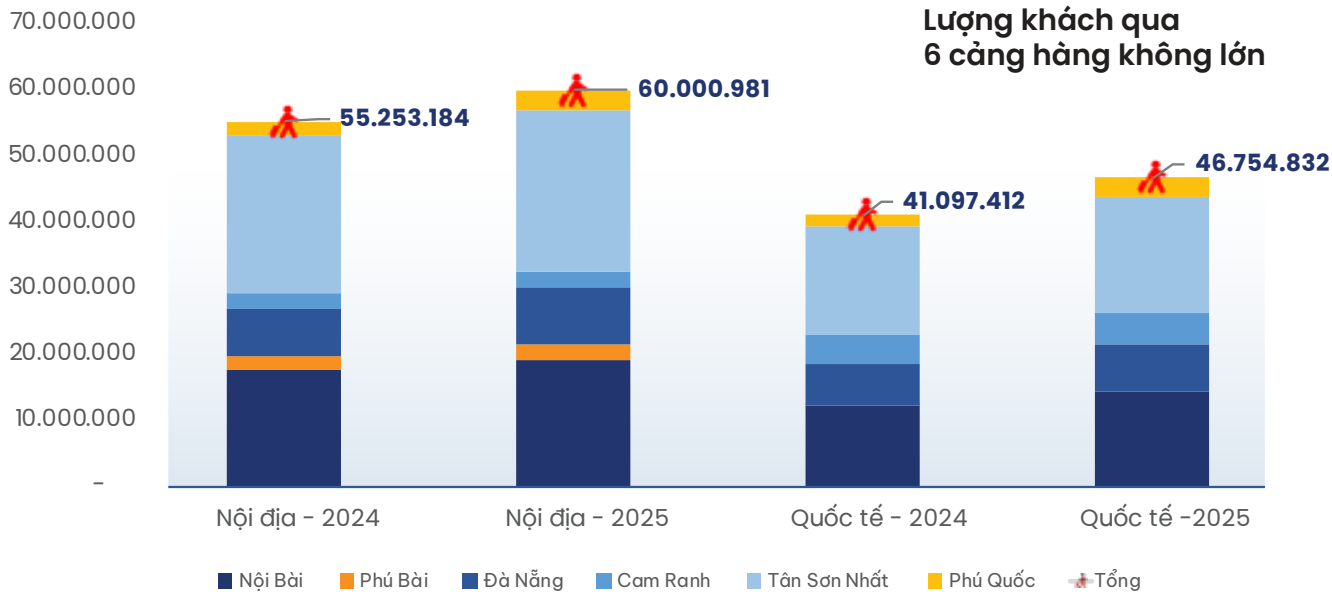
Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi với tốc độ tăng trưởng ổn định trong bối cảnh vẫn tồn tại các rủi ro địa chính trị. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 3,2% trong năm 2025 và giảm xuống 3,1% trong năm 2026. Lạm phát toàn cầu đã giảm đáng kể, từ mức 5,8% năm 2024 xuống còn 4,2% trong năm 2025.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khó khăn hơn thuận lợi, song kinh tế năm 2025 của nước ta vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 7,05%; quý II tăng 8,16%; quý III tăng 8,25%; quý IV tăng 8,46%), vượt mục tiêu Quốc hội đề ra, thuộc nhóm ít các nước tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới.

↑ 8,02% | 125,5 triệu đồng/người

### GDP bình quân đầu người

Tính chung cả năm 2025, GDP tăng 8,02% so với năm trước. GDP bình quân đầu người năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 125,5 triệu đồng/người, tương đương 5.026 USD, tăng 326 USD so với năm 2024. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 245,0 triệu đồng/lao động (tương đương 9.809 USD/lao động, tăng 626 USD so với năm 2024). Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 so với năm trước tăng 3,31%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.



## Môi trường kinh doanh năm 2025

### Tổng quan ngành hàng không thế giới năm 2025

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển ngành hàng không toàn cầu khi có lần đầu tiên cán mốc doanh thu vượt ngưỡng 1.000 tỷ USD, phản ánh sự hồi phục mạnh mẽ sau giai đoạn gián đoạn do đại dịch COVID-19 và áp lực kinh tế toàn cầu. Theo Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), tổng doanh thu ngành hàng không toàn cầu năm 2025 đạt khoảng 979 tỷ – 1.007 tỷ USD (tăng trên 4 % so với 2024), trong đó doanh thu từ hành khách chiếm phần lớn với hơn 693 tỷ – 705 tỷ USD (70 % tổng doanh thu).

Về lợi nhuận và hiệu quả hoạt động, báo cáo của IATA chỉ ra lợi nhuận hoạt động toàn ngành vào khoảng 66 – 67 tỷ USD với biên lợi nhuận ròng khoảng 3,6 %–3,7 %, tăng nhẹ so với năm 2024, cho thấy lợi nhuận phục hồi nhưng vẫn ở mức thấp so với nhiều ngành khác.

Về mức độ phục hồi nhu cầu bay, tổng lưu lượng hành khách toàn cầu năm 2025 vượt 5,2 tỷ lượt hành khách với mức tăng từ 4–6 % so với năm trước, và khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 69 – 72,5 triệu tấn. Đồng thời, hệ số lấp đầy ghế (load factor) ở mức cao kỷ lục, xấp xỉ 84%.

Báo cáo thống kê hành khách của IATA cũng cho thấy tăng trưởng nhu cầu bay mạnh mẽ ở hầu hết các thị trường lớn, với thị trường Bắc Mỹ, châu Âu và châu Á – Thái Bình Dương dẫn đầu về lưu lượng hành khách, góp phần vào đà phục hồi chung của ngành trong năm 2025.

### Tổng quan thị trường hàng không Trong nước năm 2025

Năm 2025 ghi nhận thị trường hàng không Việt Nam không chỉ phục hồi sau mà còn bắt đầu vượt qua mức trước đại dịch COVID-19, trở thành một trong những thị trường tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực.

Theo Cục Hàng không Việt Nam, tổng lưu lượng hành khách toàn thị trường đạt khoảng 83,5 triệu người, tăng 10,7 % so với năm 2024, trong đó hành khách quốc tế đạt khoảng 46,6 triệu người (tăng 12 % so với cùng kỳ) và hành khách nội địa khoảng 36,9 triệu người (tăng 8,4 % so với cùng kỳ) – những con số cao kỷ lục đối với thị trường hàng không Việt Nam. Đồng thời, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt khoảng 1,5 triệu tấn, tăng khoảng 18,5 % so với năm trước, phản ánh nhu cầu vận tải hàng không phục hồi mạnh mẽ và vai trò ngày càng lớn của vận chuyển hàng hóa trong chuỗi cung ứng quốc tế.

▲ 10,7 % 83,5 Triệu người

### Lượng khách toàn thị trường

Thị trường hàng không Việt Nam cũng mở rộng mạng lưới bay quốc tế với hơn 113 đường bay quốc tế được khai thác, góp phần thu hút gần 21,2 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam trong năm 2025 và đặt nước ta trở thành một điểm đến quan trọng trong mạng lưới hàng không châu Á – Thái Bình Dương. Những số liệu này cho thấy ngành hàng không Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn tăng trưởng bền vững hơn, không chỉ bù đắp tổn thất giai đoạn đại dịch mà còn phát triển mạnh mẽ cả về quy mô hành khách lẫn vận tải hàng hóa.

# NHÂN TỔ ẢNH HƯỞNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG



## THUẬN LỢI

- Năm 2025 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong tiến trình phục hồi và phát triển của vận tải hàng không Việt Nam. Ngành hàng không Việt Nam vận chuyển 83,5 triệu lượt hành khách, tăng 10,7% so với năm 2024, mức cao nhất từ trước đến nay. Năm qua, ngành hàng không vận chuyển khách quốc tế đạt 46,6 triệu lượt, tăng 12% so với năm trước.
- Chính phủ Việt Nam chú trọng đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng hàng không. Nhiều dự án trọng điểm như nhà ga T3 Tân Sơn Nhất và các hạng mục tại Nội Bài được triển khai, nâng cao công suất phục vụ. Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành tiếp tục được đẩy nhanh tiến độ. Hạ tầng cải thiện giúp giảm quá tải và tạo dư địa tăng trưởng dài hạn.
- Các điểm kinh doanh được mở rộng tại các Cảng hàng không lớn trên cả nước. Đồng loạt triển khai nhận diện thương hiệu tại các điểm kinh doanh – bước tiến gần hơn đến khách hàng qua ấn tượng về diện mạo và chất lượng sản phẩm. Đến cuối năm 2025, tổng số điểm kinh doanh của Công ty được nâng lên là 138 điểm.
- Nguồn lực tài chính và dòng tiền của công ty vẫn được đảm bảo; các nhân sự cán bộ quản lý chủ chốt tiếp tục gắn bó với công ty; mối quan hệ với đối tác, khách hàng được duy trì tốt.



## KHÓ KHĂN

- Xung đột địa chính trị vẫn dai dẳng đan xen với chủ nghĩa bảo hộ, cạnh tranh giữa các nước lớn; ngân hàng trung ương (NHTW) hầu hết các nước thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt để kiềm chế lạm phát; từ đó, tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế – xã hội...
- Năm 2025 vẫn ảnh hưởng bởi thiếu hụt tàu bay do lệnh triệu hồi bảo hành từ các hãng sản xuất toàn cầu. Việc chậm bàn giao máy bay mới và tình trạng thiếu động cơ thay thế ảnh hưởng đến kế hoạch khai thác. Nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao cũng là thách thức trong bối cảnh phục hồi nhanh. Điều này làm tăng chi phí thuê tàu bay và bảo dưỡng.
- Thói quen mua sắm thay đổi qua đa dạng kênh bán trở thành bài toán lâu dài của các doanh nghiệp truyền thống. Trong năm 2025, công ty đã tiếp cận nhanh chóng thị trường theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, linh hoạt chuyển đổi lĩnh vực kinh doanh tại mỗi điểm bán, chuyên nghiệp và tối ưu hóa trải nghiệm để mỗi điểm bán là điểm khách dừng chân không thể thay thế bởi các kênh bán tiếp thị khác.

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                      | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | Tăng/giảm so với 2024 | Tăng/giảm so với kế hoạch |
|-------------------------------|----------------|---------------|----------------|-----------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu                | 1.330,0        | 1.600,0       | 1.726,9        | 129,8%                | 107,9%                    |
| Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 256,1          | 300,0         | 380,2          | 148,5%                | 126,7%                    |

Năm 2025 là năm nỗ lực vươn mình mở rộng hoạt động kinh doanh bám sát tiến độ đầu tư công hạ tầng sân bay. Doanh thu đạt khoảng 1.727 tỷ đồng tăng 29,8% so với năm 2024 và đạt 107,9% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 380 tỷ đồng tăng 48,5% so với năm 2024 và vượt 26,7% kế hoạch đề ra.

## Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực

Năm 2025, ngành hàng không Việt Nam đã có những kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng nhờ thị trường quốc tế sôi động. Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực của Công ty có xu hướng phân bổ đều tại các nhóm lĩnh vực chủ lực là Bách hóa lưu niệm, Miễn thuế và nhóm Nhà hàng & Fastfood.

Kinh tế thị trường năm 2025 được đánh giá tăng trưởng ở mức tích cực nhưng chưa bùng nổ. Taseco Airs đẩy mạnh nhận diện hóa trên toàn hệ thống, thay áo mới cho hàng loạt các điểm kinh doanh. Đây là năm Công ty xúc tiến mạnh mẽ về chất lượng, hình ảnh dựa trên các dữ liệu phân tích, nghiên cứu tâm lý xu hướng tiêu dùng của khách hàng trong những năm trước. Năm 2025 là một năm khẳng định mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững, hiệu quả.

**Nhóm ngành Bách hóa lưu niệm (BHLN)** của Taseco Airs tăng thêm 07 điểm kinh doanh (trong đó 05 điểm tại nhà ga T3 Tân Sơn Nhất và 02 điểm tại Cam Ranh) trong năm 2025 nâng tổng số điểm kinh doanh hiện có lên 61 điểm, trải dài trên 06 sân bay quốc tế lớn trong nước. Doanh thu năm 2025 của mảng này đạt 470 tỷ đồng, chiếm 27,3% doanh thu toàn hệ thống, với tỷ trọng dẫn đầu trong các lĩnh vực kinh doanh.

**Nhóm nhà hàng & Fastfood** tăng 12 điểm kinh doanh trong năm 2025 (trong đó tăng mới 02 điểm tại Phú Quốc và 10 điểm tại nhà ga T3 Tân Sơn Nhất); nâng số điểm kinh doanh của mảng này lên 54 điểm. Đây đều là các nhà hàng, cửa hàng Fastfood có vị trí đẹp và được thiết kế theo tiêu chuẩn mới, mang đến trải nghiệm tối ưu cho khách hàng. Doanh thu năm 2025 đạt 389,8 tỷ đồng chiếm 22,6% doanh thu toàn hệ thống.

**Mảng kinh doanh Hàng miễn thuế** hoạt động với 8 điểm kinh doanh tại 4 CHK Nội Bài, Đà Nẵng, Sài Gòn và Phú Quốc. Doanh thu năm 2025 đạt 385,9 tỷ đồng, mặc dù là lĩnh vực có số điểm kinh doanh hạn chế nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu hợp nhất (22,3%). Đây cũng là một trong những lĩnh vực kinh doanh trọng tâm trong chiến lược dài hạn của công ty

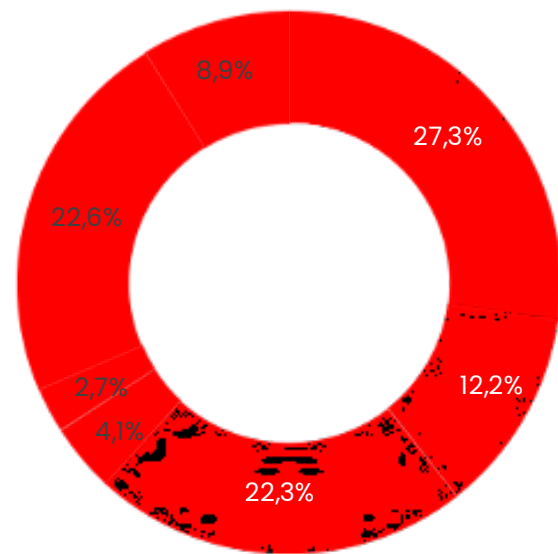
**Lĩnh vực Phòng chờ hạng thương gia (VIP Lounge)** trong năm 2025 tăng thêm 04 phòng chờ (trong đó 01 phòng tại Nội Bài và 03 phòng tại Tân Sơn Nhất). Kết quả kinh doanh phát triển mạnh mẽ trong năm 2025 đóng góp 209,9 tỷ đồng cho doanh thu công ty chiếm 12,2% doanh thu toàn hệ thống.

**Khách sạn À la carte** tiếp tục hoạt động ổn định so với năm 2024. Doanh thu khách sạn đạt 70,7 tỷ đồng, chiếm 4,1% doanh thu toàn hệ thống.

**Doanh thu mảng quảng cáo** trong năm 2025 đạt 46,7 tỷ đồng chiếm 2,7% tổng doanh thu hệ thống.

**Các dịch vụ phi hàng không khác** tại các sân bay như dịch vụ đón tiễn, viễn thông, du lịch... chiếm 8,9% tỷ trọng doanh thu toàn hệ thống.

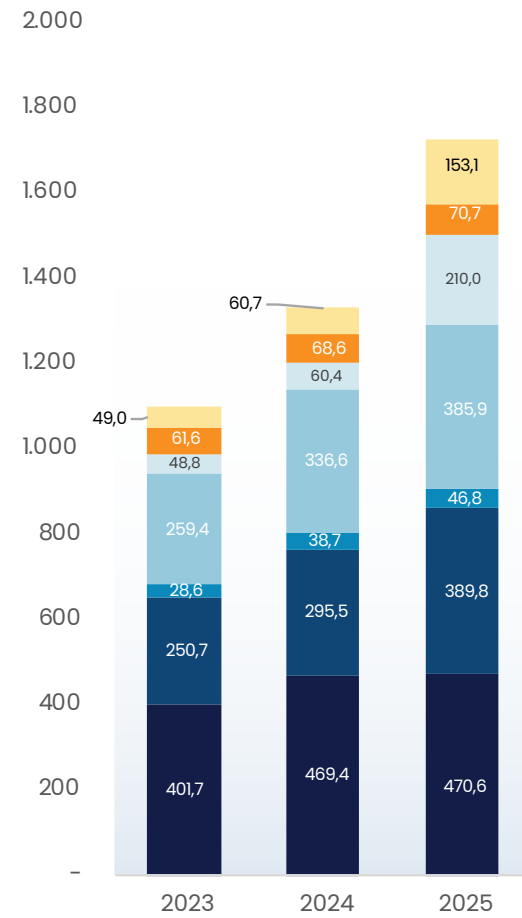
Cơ cấu doanh thu 2025 theo lĩnh vực



- Bách hóa lưu niệm
- VIP Lounge
- Hàng miễn thuế
- Khách sạn
- Quảng cáo
- Nhà hàng, Fastfood
- Dịch vụ khác

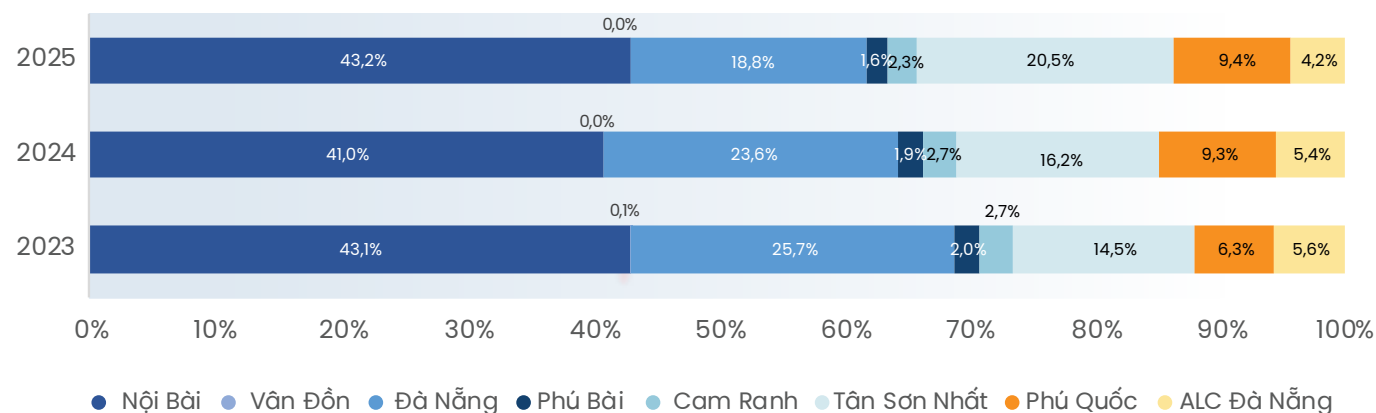
Doanh thu theo lĩnh vực 2023 - 2025

Đơn vị: Tỷ đồng



- BHLN
- Quảng cáo
- Vip Lounge
- DV phi hàng không khác
- Nhà hàng -fastfood
- Hàng miễn thuế
- KD khách sạn

Doanh thu theo địa điểm kinh doanh



- Nội Bài
- Vân Đồn
- Đà Nẵng
- Phú Bài
- Cam Ranh
- Tân Sơn Nhất
- Phú Quốc
- ALC Đà Nẵng

Kết quả kinh doanh theo từng đơn vị

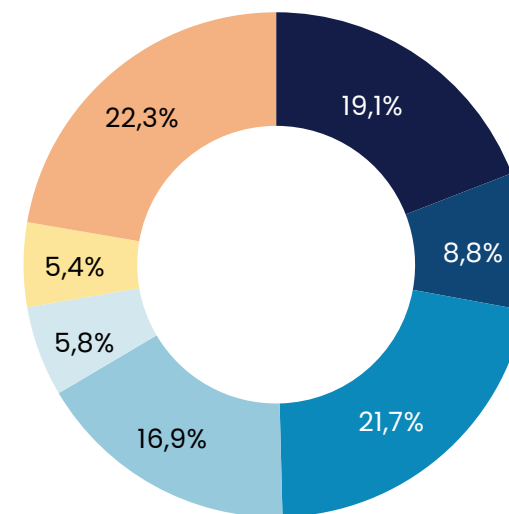
Việc sở hữu số lượng quầy lớn tại sân bay Nội Bài – một trong những sân bay có lượng hành khách lớn nhất cả nước đã giúp Taseco Airs tại Nội Bài có được kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2025, đóng góp 329,1 tỷ đồng doanh thu chiếm 19,1% tổng doanh thu hợp nhất.

Taseco Đà Nẵng thực hiện sáp nhập Taseco Oceaview là chi nhánh trực thuộc ghi nhận kết quả kinh doanh tổng thể năm 2025 là 375,1 tỷ đồng tương ứng 21,7% doanh thu toàn hệ thống. Trong đó, doanh thu mảng dịch vụ phi hàng 304,4 tỷ đồng, đóng góp 17,6% vào doanh thu hợp nhất toàn hệ thống. Doanh thu mảng khách sạn của Chi nhánh Taseco Oceanview đạt 70,7 tỷ đồng chiếm 4,1% doanh thu toàn hệ thống.

Jalux Taseco với lĩnh vực kinh doanh miễn thuế tăng trưởng ấn tượng trong năm 2025 và giữ vững kết quả kinh doanh tốt nhất trong các đơn vị. Doanh thu năm 2025 của Jalux Taseco đạt 385,9 tỷ đồng, chiếm 22,3% doanh thu hợp nhất.

Taseco Media ghi dấu mức doanh thu tăng trưởng mạnh nhờ khai thác hiệu quả hoạt động đón tiễn, quảng cáo. Doanh thu năm 2025 đạt 151,5 tỷ đồng chiếm 8,8% tổng doanh thu toàn hệ thống.

Cơ cấu doanh thu 2025 theo đơn vị



- Taseco Airs
- Taseco Đà Nẵng
- Taseco Sài Gòn
- Taseco Phú Quốc
- Jalux Taseco
- Taseco Media
- Taseco OCV
- Hà Linh

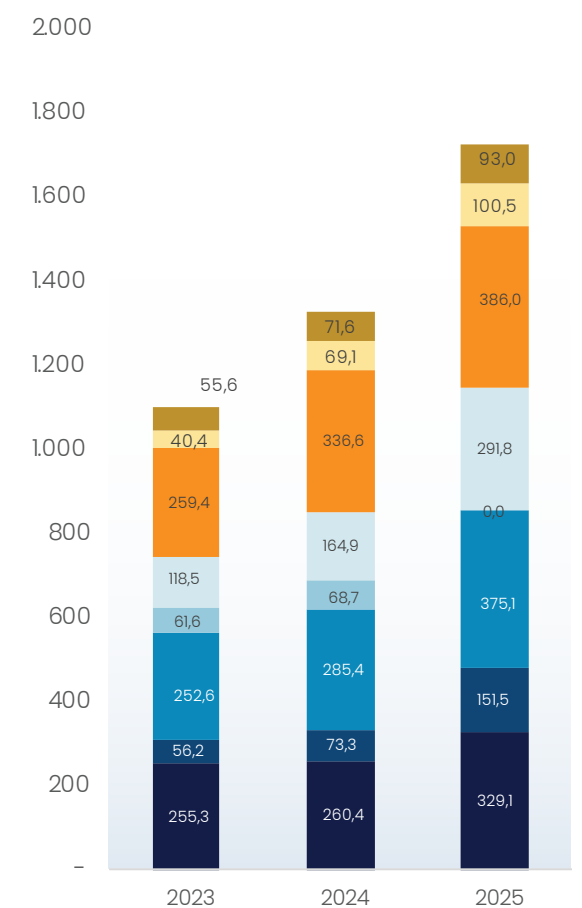
Năm 2025 tiếp tục là một năm đáng ghi nhận của Taseco Sài Gòn với mức tăng trưởng doanh thu gần 76,9% so với năm 2024 nhờ nỗ lực triển khai kinh doanh các điểm kinh doanh mới tại nhà ga T3 Tân Sơn Nhất theo đúng tiến độ khai thác của Cảng hàng không. Doanh thu cả năm Taseco Sài Gòn đạt 291,7 tỷ đồng chiếm 16,9% tổng doanh thu toàn hệ thống.

Doanh thu trong năm của Taseco Phú Quốc ghi nhận 100,5 tỷ đồng chiếm 5,8% tổng doanh thu toàn hệ thống.

Trong năm 2025 doanh thu của Hà Linh đạt 93,0 tỷ đồng chiếm 5,4% doanh thu của toàn hệ thống.

Doanh thu theo đơn vị 2023 - 2025

Đơn vị: Tỷ đồng



- Taseco Airs
- Taseco Đà Nẵng
- Taseco Sài Gòn
- Taseco Phú Quốc
- Jalux Taseco
- Taseco Media
- Taseco OCV
- Hà Linh

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính hợp nhất Taseco Airs giai đoạn 2023 – 2025 được tóm tắt như sau:



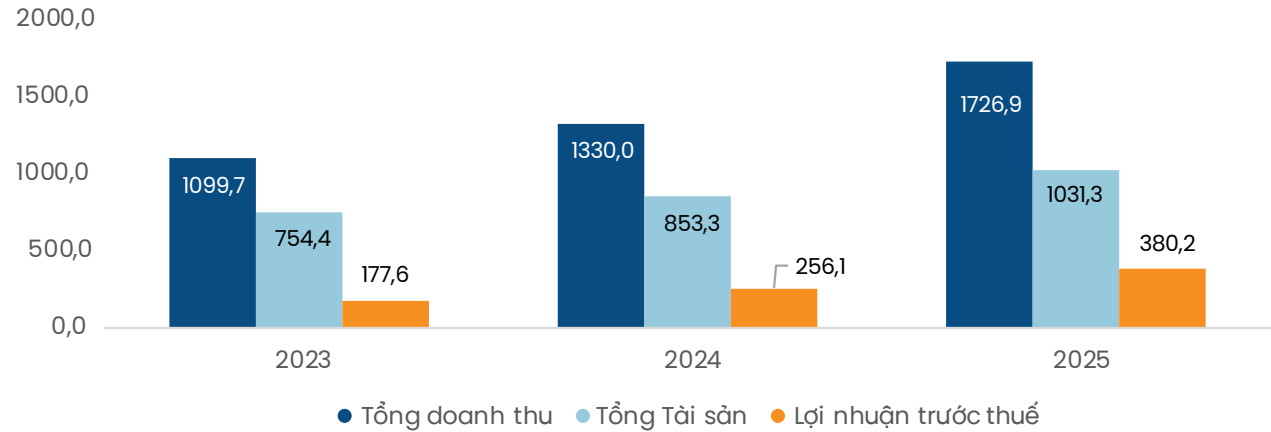
Đơn vị: Triệu đồng

|                  | Chỉ tiêu                          | 2023      | +/-     | 2024      | +/-      | 2025      | +/-      |
|------------------|-----------------------------------|-----------|---------|-----------|----------|-----------|----------|
| Báo cáo thu nhập | Doanh thu thuần                   | 1.099.692 | 82,20%  | 1.330.042 | 20,95%   | 1.726.949 | 29,84%   |
|                  | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 170.378   | 362,80% | 256.267   | 50,41%   | 385.709   | 50,51%   |
|                  | Lợi nhuận khác                    | 7.206     | 203,00% | -178      | -102,47% | -5.473    | 2974,99% |
|                  | Lợi nhuận trước thuế              | 177.584   | 353,10% | 256.088   | 44,21%   | 380.235   | 48,48%   |
|                  | Lợi nhuận sau thuế                | 150.598   | 345,50% | 202.379   | 34,38%   | 325.755   | 60,96%   |
| Cân đối kế toán  | Tổng Tài sản                      | 754.419   | 30,30%  | 853.280   | 13,10%   | 1.031.258 | 20,86%   |
|                  | Tài sản ngắn hạn                  | 513.467   | 46,70%  | 605.818   | 17,99%   | 688.377   | 13,63%   |
|                  | Tài sản dài hạn                   | 240.952   | 5,30%   | 247.462   | 2,70%    | 342.881   | 38,56%   |
|                  | Tổng nợ phải trả                  | 166.698   | 35,10%  | 234.981   | 40,96%   | 344.438   | 46,58%   |
|                  | Nợ ngắn hạn                       | 164.498   | 42,40%  | 234.425   | 42,51%   | 344.438   | 46,93%   |
|                  | Nợ dài hạn                        | 2.200     | -72,10% | 555       | -74,77%  | 0         | -100,00% |
|                  | Vốn chủ sở hữu                    | 587.721   | 29,00%  | 618.300   | 5,20%    | 686.820   | 11,08%   |

+/-: Tăng giảm so với năm trước

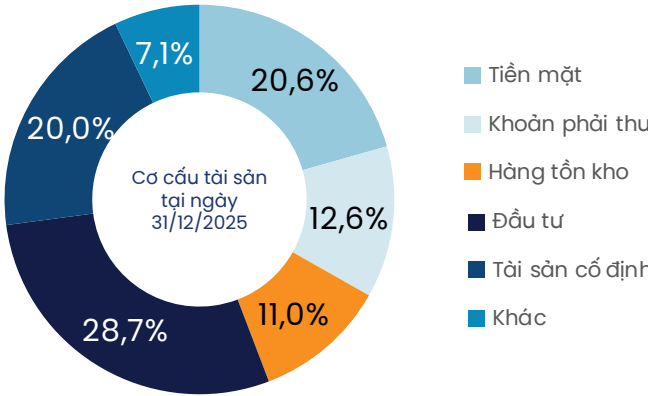
## KẾT QUẢ KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2023-2025

Đơn vị: Tỷ đồng



## Tình hình tài sản

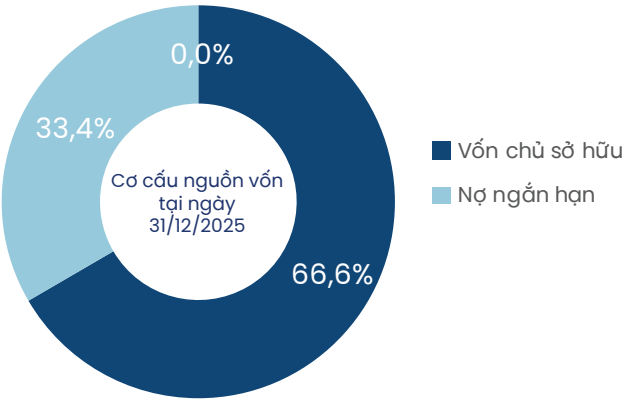
Tổng tài sản hợp nhất tại 31/12/2025 là 1.031.257.649.237 đồng, tăng 20,9% so với năm 2024. Dòng tiền ổn định và liên tục phát triển giúp Công ty tận dụng tốt cơ hội đầu tư và mở rộng dịch vụ cung cấp. Năm 2025 là năm Taseco Airs tập trung nguồn lực tài chính cho các điểm mở rộng kinh doanh tại sân bay T3 Tân Sơn Nhất.



## Tình hình nợ phải trả

Công ty luôn chủ động duy trì tình hình tài chính vững mạnh. Các hệ số nợ đều ở mức an toàn, hợp lý. Công ty không có các khoản nợ xấu phải trả ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tình hình nợ hiện tại:

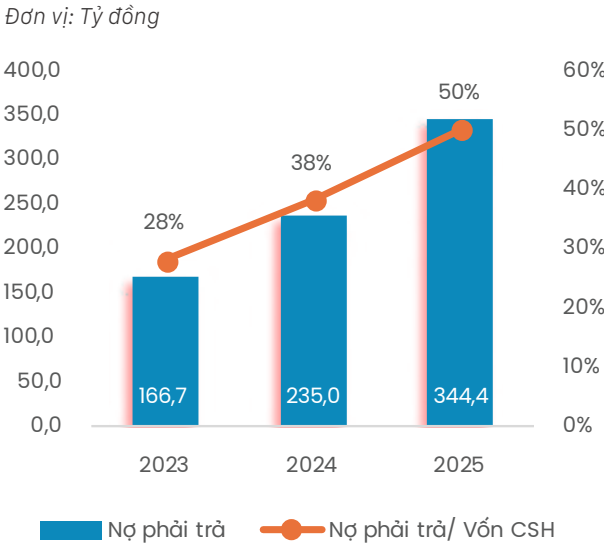
- Tổng nợ: 344.437.501.812 đồng, trong đó:  
+ Nợ ngắn hạn: 344.437.501.812 đồng  
+ Nợ dài hạn: 0 đồng



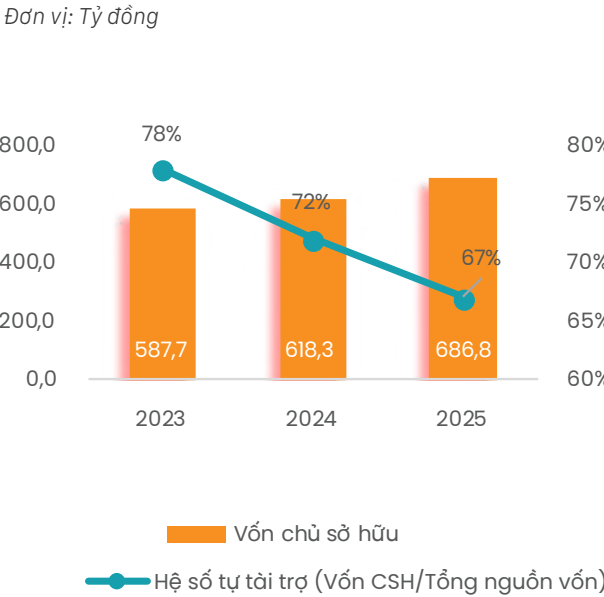
# CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu            |                                          | ĐVT     | 2023 | 2024 | 2025 |
|---------------------|------------------------------------------|---------|------|------|------|
| Khả năng thanh toán | Hệ số thanh toán ngắn hạn                | LẦN     | 3,12 | 2,58 | 2,00 |
|                     | Hệ số thanh toán nhanh                   | LẦN     | 2,55 | 2,21 | 1,75 |
| Cơ cấu vốn          | Hệ số Nợ/Tổng tài sản                    | LẦN     | 0,22 | 0,28 | 0,33 |
|                     | Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                  | LẦN     | 0,28 | 0,38 | 0,50 |
| Năng lực hoạt động  | Vòng quay hàng tồn kho                   | VÒNG/KỲ | 6,25 | 5,52 | 5,52 |
|                     | Doanh thu thuần/Tổng tài sản             | VÒNG/KỲ | 1,46 | 1,56 | 1,67 |
| Khả năng sinh lời   | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | LẦN     | 0,14 | 0,15 | 0,19 |
|                     | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | LẦN     | 0,29 | 0,33 | 0,47 |
|                     | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản    | LẦN     | 0,23 | 0,24 | 0,32 |
|                     | Hệ số lợi nhuận kinh doanh/Tổng tài sản  | LẦN     | 0,26 | 0,30 | 0,37 |

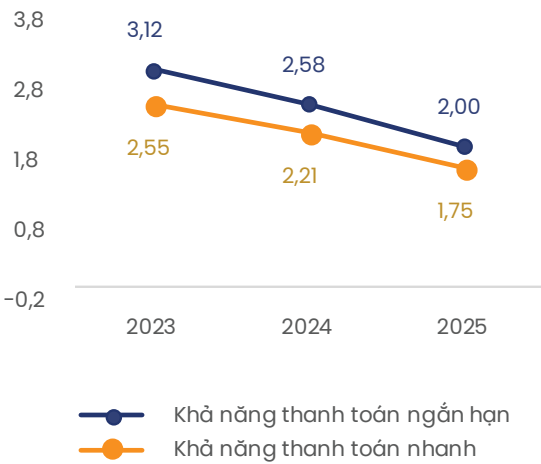
Nợ vay và Hệ số nợ



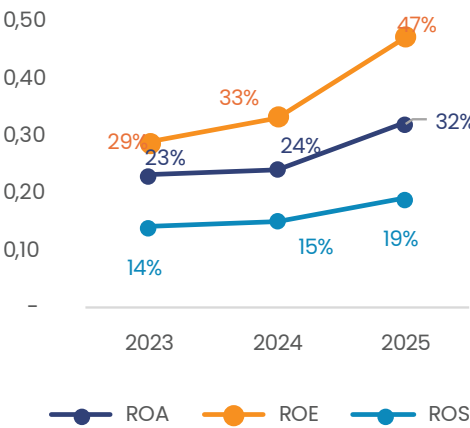
Khả năng tự chủ Nguồn vốn



Khả năng thanh toán

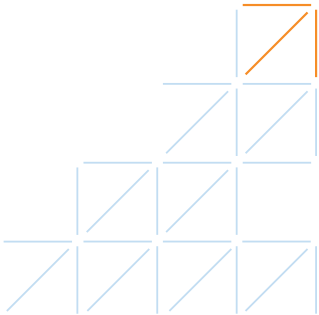


Chỉ số sinh lời



# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Taseco Airs hiện đang đầu tư vào 6 công ty con và 1 công ty liên kết, cùng hoạt động trong chuỗi giá trị phi hàng không, dịch vụ khách sạn và suất ăn hàng không tại Việt Nam, trải dài khắp 3 miền của đất nước.



99,9%

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TRUYỀN THÔNG TASECO (TASECO MEDIA)**

Taseco Media được Taseco Airs mua chiếm tỷ lệ chi phối 99,9% với mục đích đẩy mạnh vào lĩnh vực quảng cáo, kinh doanh dịch vụ sim thẻ và đón tiễn tại sân bay. Năm 2025, Taseco Media ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng thông qua khai thác hiệu quả lĩnh vực đón tiễn, quảng cáo. Tổng doanh thu năm 2025 đạt 151,5 tỷ đồng tăng trưởng mạnh mẽ vượt 106,8% so với năm 2024.

99,968%

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO ĐÀ NẴNG (TASECO ĐÀ NẴNG)**

Taseco Đà Nẵng chịu trách nhiệm vận hành và quản lý hoạt động kinh doanh khu vực Miền Trung Việt Nam qua 2 lĩnh vực khách sạn và dịch vụ phi hàng không. Trong đó mảng doanh thu dịch vụ phi hàng không đạt 304,4 tỷ đồng tăng trưởng 6,6% so với năm 2024. Mảng kinh doanh khách sạn ghi nhận 70,7 tỷ đồng tăng trưởng 3,3% so với năm trước. Kết quả kinh doanh của Taseco Đà Nẵng trong năm 2025 là 375,1 tỷ đồng.

65%

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO SÀI GÒN (TASECO SÀI GÒN)**

Trong năm 2025, Taseco Sài Gòn chịu trách nhiệm vận hành và quản lý các điểm kinh doanh phi hàng không tại sân bay Tân Sơn Nhất. Qua một năm nỗ lực mở rộng và phát triển hàng loạt điểm mới khai thác tại nhà ga T3 Tân Sơn Nhất, Taseco Sài Gòn đã gặt hái được những thành tựu đáng kể. Theo đó, tổng doanh thu Taseco Sài Gòn năm 2025 đạt 291,7 tỷ đồng tăng trưởng ấn tượng gần 76,9% so với năm 2024.

65%

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO PHÚ QUỐC (TASECO PHÚ QUỐC)**

Taseco Phú Quốc được thành lập với mục tiêu tập trung nguồn lực để quản lý thị trường đầy tiềm năng tại sân bay Phú Quốc. Được ưu ái gọi là hòn đảo ngọc của Việt Nam, Phú Quốc đã minh chứng sức hút rất lớn đối với khách du lịch đặc biệt là thị trường quốc tế. Từ đó, Taseco Phú Quốc tập trung nâng cao quản trị và nâng cấp mô hình kinh doanh phù hợp với tiềm năng “thiên đường du lịch” của Thành phố đảo Phú Quốc. Năm 2025, tổng doanh thu Taseco Phú Quốc đạt 100,5 tỷ đồng tăng 45,4% so với năm 2024.

51%

**CÔNG TY TNHH HÀNG MIỄN THUẾ JALUX TASECO (JALUX TASECO)**

Jalux Taseco phụ trách mảng kinh doanh miễn thuế trên cơ sở hợp tác kinh doanh với JALUX, INC - một đơn vị có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực miễn thuế tại Nhật Bản. Vì vậy, Jalux Taseco có lợi thế giới thiệu, bán các sản phẩm có xuất xứ từ Nhật Bản rất nổi tiếng được nhiều khách hàng tin dùng như: Rượu Choya, Sake, ...thuốc lá Mevius, bánh mochi, sô cô la tươ (Royce)...Năm 2025 tiếp tục ghi dấu ấn với sự khởi sắc của khách quốc tế, tổng doanh thu Jalux Taseco năm 2025 đạt 385,9 tỷ đồng tăng 14,7% so với năm 2024.

51%

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀ LINH (HÀ LINH)**

Hà Linh cùng với thương hiệu Sky mang đến làn gió mới đầy hiện đại và năng động cho các điểm kinh doanh, tạo nên không gian trẻ trung, sáng tạo và thu hút. Nhờ đó, kết quả kinh doanh năm 2025 của Hà Linh khá ấn tượng với tổng doanh thu 93,0 tỷ tăng trưởng 29,8% so với năm 2024.

29,29%

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (VINACS)**

VinaCS hoạt động trong lĩnh vực cung cấp suất ăn hàng không với 2 nhà máy chế biến suất ăn hàng không tại Sân bay quốc tế Nội Bài và Sân bay quốc tế Cam Ranh. Các nhà máy đều được đầu tư công nghệ hiện đại phục vụ nhu cầu suất ăn chất lượng cao, đa dạng của các hãng hàng không uy tín trên thế giới. VinaCS hiện đang có hợp đồng cung cấp suất ăn với nhiều khách hàng lớn cả trong và ngoài nước, tiêu biểu là các hãng hàng không như Qatar Airways, Vietjet Air, Bamboo Airways, China Southern Airlines, và Siberia Airlines, Philippine Airlines.... Ngoài ra, nhà máy chế biến suất ăn Long Thành dự kiến hoạt động vào năm 2026 góp phần mở rộng quy mô hoạt động và là động lực phát triển của VinaCS trong thời gian tới.

# KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH



## Tổng quan môi trường kinh doanh năm 2026

Năm 2026, nền kinh doanh toàn cầu được dự báo tăng trưởng ở mức trung bình, khoảng 2,6–2,8%, thể hiện xu hướng ổn định nhưng chưa bắt phá mạnh. Kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi trong bối cảnh lạm phát hạ nhiệt dần nhưng chi phí vốn và rủi ro địa chính trị vẫn hiện hữu. Động lực chính của tăng trưởng đến từ chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất và tối ưu chi phí. Chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục được tái cấu trúc theo hướng đa dạng hóa để giảm phụ thuộc và hạn chế rủi ro. Đầu tư vào công nghệ, hạ tầng, bán dẫn và năng lượng sạch được kỳ vọng duy trì vai trò dẫn dắt. Tuy nhiên, các rào cản thương mại và xu hướng bảo hộ có thể tạo áp lực lên hoạt động xuất nhập khẩu. Nợ công và nợ doanh nghiệp cao ở nhiều quốc gia cũng đòi hỏi chính sách tài khóa và tiền tệ thận trọng. Sự phân hóa giữa các khu vực và nền kinh tế có thể trở nên rõ nét hơn. Nhìn chung, năm 2026 là giai đoạn củng cố và thích ứng chiến lược hơn là tăng trưởng bùng nổ. Doanh nghiệp nào linh hoạt, đầu tư công nghệ sớm và quản trị rủi ro tốt sẽ có lợi thế cạnh tranh dài hạn.

Về nền kinh tế vĩ mô, năm 2026 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tích cực, hướng tới mục tiêu GDP đạt khoảng 10%. Động lực chính đến từ xuất khẩu, dòng vốn FDI và tiêu dùng nội địa duy trì ổn định. Lạm phát được kỳ vọng kiểm soát trong khoảng 3–4%, phù hợp mục tiêu điều hành. Đầu tư công và chuyển dịch sản xuất tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng. Tuy nhiên, rủi ro từ suy giảm nhu cầu toàn cầu và biến động thương mại quốc tế vẫn cần được theo dõi chặt chẽ.

Dự báo ngành hàng không toàn cầu năm 2026 cho thấy bức tranh tăng trưởng ổn định nhưng không mạnh mẽ. Theo dự báo của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA), năm 2026 ngành hàng không toàn cầu tiếp tục tăng trưởng tích cực với tổng doanh thu ước đạt khoảng 1.053 tỷ USD. Lợi nhuận ròng toàn ngành dự kiến đạt mức kỷ lục khoảng 41 tỷ USD, tuy nhiên biên lợi nhuận vẫn chỉ quanh mức 3,9%, cho thấy hiệu quả cải thiện nhưng còn khá mỏng so với chi phí vốn. Số lượng hành khách toàn cầu được dự báo đạt khoảng 5,2 tỷ lượt, cùng hệ số sử dụng ghế gần 84%, phản ánh nhu cầu đi lại duy trì mạnh. Doanh thu từ vận chuyển hành khách và các dịch vụ phụ trợ tiếp tục đóng vai trò chủ đạo trong cơ cấu thu nhập của các hãng. Dù vậy, ngành vẫn đối mặt với rủi ro từ biến động giá nhiên liệu, chậm giao máy bay mới và bất ổn địa chính trị toàn cầu.

## Giải pháp điều hành

- Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Công ty định hướng và tập trung vào một số giải pháp điều hành như sau:
- 1 Tiếp tục triển khai kiện toàn bộ máy tổ chức, bổ sung nhân sự và củng cố công tác quản trị, điều hành cho các Đơn vị trong toàn hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo sẵn sàng các nguồn lực để đáp ứng các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển trong thời gian tới.
  - 2 Bám sát tình hình thị trường, đánh giá nhu cầu của khách hàng, phân tích các đối thủ cạnh tranh để có những điều chỉnh phù hợp, tạo ra sự khác biệt với các sản phẩm mang thương hiệu riêng. Bên cạnh đó, thường xuyên quan tâm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và quảng bá, lan tỏa thương hiệu Taseco Airs đến với khách hàng.
  - 3 Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực hoạt động nhằm cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.
  - 4 Tăng cường kiểm soát chất lượng và ATVSTP, quản lý chặt chẽ nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa; xây dựng cơ chế kiểm tra, đánh giá định kỳ nhà cung cấp, bảo đảm chất lượng hàng hóa.
  - 5 Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và truyền thông thương hiệu, gia tăng mức độ nhận diện và lan tỏa hình ảnh Taseco Airs tới khách hàng.
  - 6 Thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể để triển khai đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, hình ảnh của các điểm kinh doanh trên toàn hệ thống.
  - 7 Chủ động xây dựng cơ cấu tổ chức Taseco Sài Gòn phù hợp với định hướng phát triển và kế hoạch thời gian tới.
  - 8 Tiếp tục bám sát các quy hoạch và tiến độ đầu tư xây dựng Tại các Cảng hàng không trọng điểm để tham gia hợp tác kinh doanh nhằm gia tăng quy mô và thị phần kinh doanh.

## Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2026 (dự kiến)

Trên cơ sở những phân tích và đánh giá những khó khăn, thách thức, cùng quyết tâm nỗ lực của Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên, dự kiến trong năm 2026, tổng doanh thu của Taseco Airs ước đạt 2.150,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất ước đạt 360,1 tỷ đồng.

Đơn vị : Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                    | Thực hiện 2025 | Kế hoạch 2026 | Tăng/ giảm |
|-----------------------------|----------------|---------------|------------|
| Doanh thu hợp nhất          | 1.726,9        | 2.150,6       | 24,5%      |
| Lợi nhuận sau thuế hợp nhất | 325,7          | 360,1         | 10,6%      |

- Kế hoạch SXKD năm 2026 được Công ty xây dựng dựa trên các giả định về sự tăng trưởng về lượng khách nội địa và quốc tế tại các cảng hàng không. Tuy nhiên, do những diễn biến khó đoán định của thị trường đặc biệt là biến động về xung đột chính trị, căng thẳng thương mại toàn cầu, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh kế hoạch SXKD để phù hợp với tình hình thực tế trong trường hợp cần thiết.



# 04

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ 2025

- 1 Báo cáo Hội đồng Quản trị
- 2 Báo cáo Ban kiểm soát
- 3 Công khai các giao dịch, lợi ích



# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Hoạt động của HĐQT năm 2025

### Các hoạt động chung:

Trước bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế còn nhiều biến động trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty theo hướng chủ động, thận trọng và thích ứng với tình hình thị trường. Các quyết định quản trị được xem xét trên cơ sở cân đối giữa mục tiêu duy trì ổn định hoạt động và yêu cầu nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp dưới hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến với tỷ lệ tham dự đạt 100%. Trên cơ sở các cuộc họp này, Hội đồng Quản trị đã ban hành 11 Nghị quyết liên quan đến công tác quản trị, điều hành và định hướng phát triển của Công ty, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và thông lệ quản trị áp dụng đối với Công ty niêm yết.

## Các cuộc họp của HĐQT

| STT | Thành viên HĐQT | Số phiên họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------|---------------------------|---------------|---------------------|
| 1   | Phạm Ngọc Thanh | 07/07                     | 100%          | –                   |
| 2   | Nguyễn Minh Hải | 07/07                     | 100%          | –                   |
| 3   | Lê Anh Quốc     | 07/07                     | 100%          | –                   |
| 4   | Lars Kjaer      | 07/07                     | 100%          | –                   |
| 5   | Kim HongJin     | 07/07                     | 100%          | –                   |
| 6   | Đặng Huy Khôi   | 07/07                     | 100%          | –                   |
| 7   | Lê Đức Long     | 07/07                     | 100%          | –                   |



## Các Nghị quyết của HĐQT

| STT | Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                       | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | 01/NQ-HĐQT    | 16/01/2025 | Phê duyệt và tổ chức thực hiện các Hợp đồng/Giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.                                                  | 100%            |
| 2   | 02/NQ-HĐQT    | 16/01/2025 | Phê duyệt chủ trương hợp tác đầu tư và phát triển các điểm kinh doanh của Công ty trong năm 2025.                                              | 100%            |
| 3   | 03/NQ-HĐQT    | 28/02/2025 | Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025.                                                                                              | 100%            |
| 4   | 04/NQ-HĐQT    | 28/02/2025 | Phê duyệt việc góp vốn tham gia Liên danh HTKD dịch vụ phi hàng không tại Nhà ga T3 – Cảng HKQT Tân Sơn Nhất.                                  | 100%            |
| 5   | 05/NQ-HĐQT    | 28/02/2025 | Phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Chương Dương.                                                        | 100%            |
| 6   | 06/NQ-HĐQT    | 28/03/2025 | Phê duyệt việc triệu tập ĐHCĐ thường niên 2025.                                                                                                | 100%            |
| 7   | 07/NQ-HĐQT    | 28/03/2025 | Phê duyệt việc tách Phòng Thị trường và Hàng hóa thành 02 Phòng ban chức năng là Phòng Hàng hóa và Phòng Thị trường và Phát triển thương hiệu. | 100%            |
| 8   | 08/NQ-HĐQT    | 28/03/2025 | Phê duyệt phương án đẩy mạnh các hoạt động quan hệ cổ đông năm 2025.                                                                           | 100%            |
| 9   | 09/NQ-HĐQT    | 06/05/2025 | Phê duyệt việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2024 bằng tiền.                                                       | 100%            |
| 10  | 10/NQ-HĐQT    | 23/07/2025 | Phê duyệt lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.                                                                      | 100%            |
| 11  | 11/NQ-HĐQT    | 06/10/2025 | Phê duyệt việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền.                                               | 100%            |

Các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị trong năm 2025 được ban hành và triển khai trên cơ sở tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty, đồng thời đáp ứng yêu cầu về tính minh bạch, nhất quán và hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp.

Kết quả giám sát của HĐQT:

Trước những diễn biến phức tạp của môi trường kinh doanh trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã duy trì việc theo dõi, giám sát hoạt động quản lý và điều hành của Công ty một cách thường xuyên, bảo đảm công tác điều hành được thực hiện đúng định hướng và có trọng tâm.Công tác giám sát được triển khai nhằm bảo đảm việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh phù hợp với định hướng đã được thông qua, đồng thời kiểm soát rủi ro trong quá trình vận hành. Các nội dung giám sát chủ yếu trong năm bao gồm:

Giám sát việc thực hiện chiến lược kinh doanh và kế hoạch tài chính

- Theo dõi và đánh giá việc triển khai chiến lược kinh doanh và kế hoạch tài chính thông qua các cuộc làm việc định kỳ với Ban Tổng Giám đốc, trên cơ sở phân tích diễn biến thị trường và điều kiện thực tế.
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc quản lý và sử dụng ngân sách, bảo đảm tuân thủ các quy định nội bộ và tăng cường kiểm soát rủi ro tài chính.
- Đôn đốc và giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- Giám sát việc lập và công bố Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên theo đúng quy định pháp luật.
- Thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty theo quy định.

Kiểm tra việc tuân thủ quy định pháp luật và các quy chế nội bộ

- Theo dõi hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo việc chấp hành các quy định pháp luật liên quan đến tài chính, thuế, lao động và quản trị doanh nghiệp.
- Kiểm soát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, bảo đảm thông tin được công bố đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn theo quy định.
- Rà soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với yêu cầu quản lý và vận hành.

Giám sát hoạt động quản trị

- Hội đồng Quản trị theo dõi việc tổ chức triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, bảo đảm các nội dung đã được thông qua được thực hiện đúng phạm vi và tiến độ.
- Đồng thời, Hội đồng Quản trị giám sát việc vận hành hệ thống quản trị rủi ro, tập trung đánh giá hiệu quả của các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và xử lý rủi ro nhằm hạn chế các tác động bất lợi đến hoạt động của Công ty.

Đánh giá chung:

Trong năm 2025, khi thị trường xuất hiện đồng thời các yếu tố thuận lợi và những yếu tố rủi ro, Hội đồng Quản trị đã phát huy vai trò giám sát, bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ quy định nội bộ và pháp luật, đồng thời nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản trị.

Hoạt động giám sát được triển khai có trọng tâm, bảo đảm các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị được thực hiện phù hợp với điều kiện thị trường và định hướng phát triển của Công ty, góp phần duy trì sự ổn định trong quản lý và điều hành.

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành theo hướng chủ động và linh hoạt, thực hiện các chiến lược và kế hoạch đã được thông qua, đồng thời từng bước nâng cao năng lực quản trị nội bộ và hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận.

Cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc được duy trì rõ ràng, tạo sự đồng bộ trong điều hành; công tác trao đổi thông tin giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và ra quyết định.

Song song với các mục tiêu hiệu quả hoạt động, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục quan tâm đến chính sách đối với người lao động, chú trọng ổn định nguồn nhân lực và cải thiện môi trường làm việc, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

Đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT

Trước yêu cầu quản trị ngày càng cao và những diễn biến khó lường của thị trường, Hội đồng Quản trị luôn bảo đảm sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong các hoạt động chung, góp phần nâng cao tính liên tục và hiệu quả trong công tác quản trị Công ty.

Trong phạm vi nhiệm vụ được giao, các thành viên Hội đồng Quản trị đã thực hiện chức trách theo phân công, góp phần hỗ trợ việc triển khai các quyết định quản trị và kế hoạch hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức điều phối hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định, chủ trì các cuộc họp và bảo đảm việc ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp với yêu cầu quản trị và điều hành.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia theo dõi, chỉ đạo các lĩnh vực và đơn vị được phân công, qua đó hỗ trợ việc triển khai kế hoạch sản xuất – kinh doanh của Công ty và các đơn vị thành viên.
- Hoạt động phối hợp với Ban điều hành được thực hiện thông qua các buổi làm việc định kỳ nhằm nắm bắt tình hình hoạt động, trao đổi thông tin và kịp thời đưa ra định hướng xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan

Các giao dịch giữa Công ty và các bên có liên quan được xem xét, phê duyệt và thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị áp dụng.

Những giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị được tổng hợp và công bố đầy đủ tại Báo cáo tình hình quản trị năm 2025 của Công ty theo quy định.



Đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

Trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy chế quản trị nội bộ, các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đã thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình trong hoạt động của Hội đồng Quản trị, góp phần bảo đảm tính khách quan, minh bạch và hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Trong quá trình tham gia Hội đồng Quản trị, các thành viên độc lập thực hiện chức năng tư vấn, phản biện và giám sát một cách độc lập, khách quan; tham gia cho ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị, qua đó hỗ trợ nâng cao chất lượng quyết sách và hiệu quả quản lý, điều hành của Công ty.

Trong nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị giai đoạn 2022-2027, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Airs có 02 thành viên Hội đồng Quản trị độc lập là Ông Đặng Huy Khôi và Ông Lê Đức Long. Các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và quy chế quản trị Công ty, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Việc tham gia đầy đủ các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng Quản trị cho phép các thành viên độc lập thực hiện việc đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị trên các khía cạnh tuân thủ, hiệu quả và quản trị rủi ro, phù hợp với yêu cầu quản trị Công ty trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng đặt ra yêu cầu cao về bảo vệ quyền lợi của cổ đông. Cụ thể, các nội dung đánh giá được thực hiện như sau:

|                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tham gia hoạt động của Hội đồng Quản trị</b>                                          | <ul style="list-style-type: none"><li>Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các hoạt động liên quan theo quy định.</li><li>Tham gia thảo luận, cho ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị.</li><li>Thực hiện quyền biểu quyết theo nguyên tắc độc lập, góp phần bảo đảm tính khách quan và minh bạch trong quá trình ra quyết định.</li><li>Đưa ra ý kiến độc lập nhằm bổ sung góc nhìn đa chiều trong xem xét các vấn đề quan trọng của Công ty.</li></ul>                            |
| <b>Đánh giá và giám sát hoạt động quản trị Công ty</b>                                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Tham gia đánh giá hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp theo quy định và thông lệ quản trị Công ty áp dụng.</li><li>Giám sát các quyết định liên quan đến tài chính, đầu tư và nhân sự quản lý cấp cao nhằm kiểm soát rủi ro và bảo đảm định hướng phát triển ổn định.</li><li>Theo dõi tính đầy đủ, minh bạch của báo cáo tài chính và thông tin công bố ra công chúng theo quy định.</li><li>Góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông thông qua hoạt động giám sát độc lập.</li></ul> |
| <b>Đóng góp vào chiến lược, cơ chế, chính sách và định hướng phát triển của Công ty</b>  | <ul style="list-style-type: none"><li>Tham gia cho ý kiến đối với chiến lược, kế hoạch và định hướng phát triển của Công ty trên cơ sở phân tích tình hình hoạt động và bối cảnh thị trường.</li><li>Đóng góp ý kiến trong việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản trị rủi ro, quản lý tài chính và sử dụng nguồn lực.</li><li>Đề xuất các nội dung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.</li></ul>                                                                                            |
| <b>Tham gia biểu quyết và đóng góp vào công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)</b> | <ul style="list-style-type: none"><li>Tham gia biểu quyết đối với chương trình, nội dung và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông theo thẩm quyền.</li><li>Tham gia cho ý kiến về chương trình nghị sự và phương thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định.</li><li>Thực hiện báo cáo, đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</li></ul>                                                                                                                                                         |

## Đóng góp nổi bật của thành viên HĐQT độc lập

Trong quá trình tham gia hoạt động của Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đã phát huy vai trò giám sát và phản biện độc lập, góp phần nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp và bảo đảm các quyết định quản trị được xem xét trên cơ sở khách quan, minh bạch. Các đóng góp nổi bật được thể hiện qua các nội dung sau:

- Góp phần tăng cường tính khách quan trong hoạt động của Hội đồng Quản trị thông qua việc đưa ra các ý kiến độc lập, hạn chế ảnh hưởng từ lợi ích nội bộ trong quá trình ra quyết định.
- Hỗ trợ nâng cao tính minh bạch và tuân thủ trong quản trị doanh nghiệp, đặc biệt thông qua việc giám sát công bố thông tin và chất lượng báo cáo tài chính theo quy định.
- Tham gia cho ý kiến đối với quyết định tài chính, đầu tư và nhân sự quản lý cấp cao, góp phần hoàn thiện công tác quản trị rủi ro và hạn chế các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của Công ty.
- Đóng góp ý kiến đối với chiến lược và định hướng phát triển trung và dài hạn, hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới phát triển bền vững.
- Góp phần cân bằng lợi ích giữa cổ đông và Ban điều hành thông qua vai trò giám sát độc lập và trách nhiệm giải trình.

Thông qua những đóng góp nêu trên, vai trò của các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập tiếp tục được khẳng định trong việc củng cố niềm tin của cổ đông và các bên liên quan, đồng thời tạo nền tảng cho việc nâng cao chất lượng quản trị và phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.



Hoạt động định hướng của HĐQT

Năm 2025 là giai đoạn Công ty tập trung củng cố và tiếp tục phát huy các nền tảng đã được xây dựng trong chiến lược phát triển. Hội đồng Quản trị đã kịp thời chỉ đạo và định hướng các hoạt động trọng tâm nhằm duy trì và nâng cao vị thế thương hiệu, mở rộng thị trường phù hợp, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả vận hành. Các định hướng này tạo cơ sở cho việc triển khai kế hoạch năm 2026 và góp phần bảo đảm tính nhất quán trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.



1

Củng cố nền tảng tổ chức và quản trị

Trên cơ sở kết quả tái cấu trúc tổ chức đã triển khai trong năm 2025, Hội đồng quản trị định hướng trong năm 2026 tiếp tục rà soát, hoàn thiện mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với chiến lược quản trị tập trung theo khu vực, vùng miền.

Công ty tiếp tục phát huy hiệu quả mô hình sau sáp nhập giữa Taseco Oceanview và Taseco Đà Nẵng, đồng thời tăng cường quản trị tại các đơn vị thành viên, hướng tới mục tiêu tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả kiểm soát chi phí và tăng tính linh hoạt trong điều hành hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các bộ phận chức năng, đặc biệt trong lĩnh vực thị trường và phát triển thương hiệu, nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu thị trường, quản trị khách hàng và xây dựng hình ảnh thương hiệu thống nhất, phục vụ cho chiến lược mở rộng kinh doanh trong giai đoạn tới.

2

Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu vận hành

Hội đồng quản trị xác định phát triển nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026. Trên nền tảng đã hoàn tất công tác tuyển dụng và đào tạo nhân sự trong năm 2025, Công ty tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu vận hành tại các khu vực, dự án trọng điểm.

Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo theo hướng chuẩn hóa, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý và chất lượng dịch vụ, bảo đảm đội ngũ nhân sự có khả năng thích ứng nhanh với yêu cầu vận hành trong bối cảnh hạ tầng hàng không tiếp tục được mở rộng. Đồng thời, tiếp tục kiện toàn đội ngũ nhân sự nhằm phục vụ kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

3

Triển khai các dự án trọng điểm

Trong năm 2026, Hội đồng quản trị định hướng tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc đưa vào vận hành hiệu quả các dự án chiến lược, trong đó trọng tâm là dự án Nhà máy suất ăn tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

Công ty tiếp tục phối hợp với các đối tác trong quá trình triển khai dự án, bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về pháp lý, kỹ thuật và tiến độ; đồng thời xây dựng phương án vận hành, khai thác phù hợp nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư. Dự án được kỳ vọng sẽ đóng vai trò là động lực tăng trưởng quan trọng, góp phần gia tăng doanh thu và nâng cao vị thế của Công ty trong chuỗi dịch vụ hàng không.

4

Chuẩn bị điều kiện mở rộng hoạt động kinh doanh

Trên cơ sở định hướng phát triển dài hạn, Hội đồng Quản trị chỉ đạo Công ty tiếp tục chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh tại các dự án hạ tầng hàng không trọng điểm.

Công ty tập trung chuẩn bị nguồn lực tài chính, nhân sự và năng lực triển khai để sẵn sàng tham gia đầu tư, khai thác tại các cảng hàng không lớn. Việc chuẩn bị sớm, đồng bộ giúp nâng cao khả năng cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro và tận dụng hiệu quả các cơ hội thị trường khi các dự án chính thức đi vào vận hành.

5

Tăng cường giám sát và quản lý vận hành

Hội đồng Quản trị tiếp tục tăng cường công tác giám sát đối với hoạt động của Ban Điều hành, bảo đảm việc triển khai kế hoạch sản xuất – kinh doanh phù hợp với định hướng chiến lược và tuân thủ các quy định pháp luật.

Công ty chú trọng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường quản trị tài chính, bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và quyền lợi hợp pháp của người lao động. Đồng thời, tiếp tục gắn hoạt động sản xuất – kinh doanh với các mục tiêu phát triển bền vững, qua đó nâng cao uy tín và giá trị thương hiệu của Công ty đối với đối tác và khách hàng.



Các định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị trong năm 2025 đã góp phần duy trì sự ổn định trong hoạt động, từng bước mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty. Trên cơ sở những kết quả đạt được, Công ty tiếp tục triển khai các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, mở rộng thị trường có chọn lọc và tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo trong năm 2026.

# BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

## Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 (ba) thành viên, cụ thể như sau:

| STT | Thành viên        | Chức vụ    | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ CP nắm giữ |
|-----|-------------------|------------|-------------------|------------------|
| 1   | Trần Thị Loan     | Trưởng Ban | 30.000            | 0,067%           |
| 2   | Nguyễn Thị Hường  | Thành viên | 0                 | 0%               |
| 3   | Phạm Thị Thu Hiền | Thành viên | 0                 | 0%               |

## Hoạt động của Ban Kiểm soát

### Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp nhằm triển khai các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và kế hoạch công tác đã đề ra. Nội dung các phiên họp tập trung vào các vấn đề trọng tâm sau:

- Xem xét và thông qua chương trình làm việc của Ban Kiểm soát năm 2025;
  - Thẩm tra Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025, đồng thời xem xét các báo cáo tài chính quý và bán niên năm 2025 của Công ty;
  - Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;
- Kiểm tra, đánh giá tổng thể tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh, tình hình tài chính và việc tuân thủ pháp luật của Công ty và các đơn vị thành viên trong năm 2025;
  - Xây dựng và thống nhất kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026.



## Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; chủ động triển khai công tác giám sát, kiểm tra và đưa ra các khuyến nghị cần thiết nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành, bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông. Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được thông qua, Ban Kiểm soát đã tập trung thực hiện các nội dung trọng tâm sau:

- Giám sát việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong năm 2025, bảo đảm tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp với mục tiêu, lợi ích chung của cổ đông.
  - Kiểm tra các quyết định quản trị, định hướng chiến lược, chính sách đầu tư và hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị nhằm đánh giá mức độ phù hợp với kế hoạch sản xuất – kinh doanh, cũng như bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong quá trình thực hiện.
  - Theo dõi và kiểm tra việc công bố, cung cấp thông tin, đặc biệt đối với các quyết định quan trọng của Hội đồng quản trị liên quan đến tình hình tài chính kế hoạch đầu tư và các giao dịch với bên liên quan, bảo đảm việc công khai thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.
  - Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng Giám đốc lập; kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2025 nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, sự tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam. Ban Kiểm soát đã phối hợp với Kiểm toán độc lập trong việc xem xét các vấn đề kế toán, kiểm toán trọng yếu và giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán viên (nếu có).
- Kiểm tra công tác quản lý, sử dụng vốn và chi tiêu tài chính, bảo đảm tuân thủ ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; trong đó tập trung rà soát các Hợp đồng lớn và các giao dịch tài chính trọng yếu nhằm bảo đảm tính hợp lý, hiệu quả và minh bạch.
  - Giám sát hoạt động quản trị, đầu tư vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác của Công ty theo phạm vi, thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
  - Phối hợp với các bộ phận chức năng để kiểm tra, rà soát hồ sơ, tài liệu và thông tin phục vụ công tác giám sát, bảo đảm việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời.
  - Theo dõi, đánh giá công tác quản trị rủi ro trong quá trình vận hành doanh nghiệp, bao gồm các rủi ro pháp lý, tài chính và rủi ro trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.
  - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

## Báo cáo tự đánh giá hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát

Trong năm 2025, các thành viên Ban Kiểm soát đều đáp ứng đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; không phát sinh trường hợp vi phạm điều kiện, tiêu chuẩn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Mỗi thành viên Ban Kiểm soát đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công, phát huy năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác; bảo đảm nguyên tắc độc lập, khách quan trong hoạt động giám sát và tư vấn đối với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Các thành viên tham gia đầy đủ các hoạt động kiểm tra, giám sát theo chương trình công tác của Ban Kiểm soát; đồng thời theo dõi, đánh giá kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến quản trị, tài chính và tuân thủ pháp luật của Công ty.

Bên cạnh đó, các thành viên Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định, tích cực trao đổi, đóng góp ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi giám sát, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và định hướng phát triển ổn định, bền vững của Công ty.



Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty

**Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính** Thống nhất với Báo cáo riêng và hợp nhất năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 30/03/2026 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam).

**Kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty** Trong năm 2025, trước những diễn biến của thị trường với các yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen, Ban điều hành đã chủ động triển khai các giải pháp điều hành phù hợp. Nhờ đó, cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan, thể hiện sự ổn định và cải thiện về hiệu quả hoạt động so với kỳ trước.

**Về công tác kế toán** Công tác kế toán của Công ty được tổ chức và thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật và các chuẩn mực kế toán hiện hành. Qua công tác kiểm tra, Ban Kiểm soát đánh giá bộ máy kế toán hoạt động hiệu quả, quy trình nghiệp vụ rõ ràng; chứng từ, hồ sơ kế toán được lập và lưu trữ đầy đủ, khoa học. Các số liệu kế toán phản ánh trung thực, chính xác và kịp thời tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.

**Về công tác tài chính**

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, đầu tư và hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở các kế hoạch, mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua trong năm 2025.
- Công ty chủ động xây dựng và triển khai các phương án cân đối tài chính phù hợp, sử dụng vốn hiệu quả. Tình hình tài chính trong năm 2025 được duy trì ổn định; dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh được bảo đảm, tỷ lệ nợ được kiểm soát ở mức an toàn, cơ cấu tài sản và nguồn vốn hợp lý.

**Đánh giá về giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan**

- Trong năm 2025, các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục phê duyệt theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ hiện hành.
- Các giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị đã được xem xét, quyết định đúng thẩm quyền và được tổng hợp, công bố đầy đủ tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025, bảo đảm yêu cầu về công khai, minh bạch thông tin.

**Kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Thông qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát ghi nhận Công ty đã triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025, cụ thể:

- Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025 phù hợp với nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.
- Thực hiện tạm ứng chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt, với tỷ lệ là 25% trên vốn điều lệ 450 tỷ đồng, bảo đảm đúng đối tượng và thời hạn theo quy định.

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban TGD

**Đánh giá hoạt động của HĐQT**

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động quản trị, chỉ đạo điều hành của Công ty trong năm 2025. Các văn bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định pháp luật trong công tác quản trị và tổ chức hoạt động sản xuất – kinh doanh. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành, đồng thời theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Đánh giá hoạt động của Ban TGD**

- Ban Kiểm soát thống nhất với đánh giá kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2026 do Ban Tổng Giám đốc trình bày.
- Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Kiểm soát ghi nhận sự quan tâm của Ban Tổng Giám đốc đối với việc bảo đảm chế độ, chính sách và quyền lợi hợp pháp của người lao động trong bối cảnh hoạt động sản xuất – kinh doanh còn gặp nhiều thách thức.
- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không phát hiện các dấu hiệu bất thường trong công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty. Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ đầy đủ từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban chức năng trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại Công ty và các đơn vị thành viên.
- Ban Kiểm soát được cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động của Công ty trong năm 2026.
- Đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi giám sát theo quy định.

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2026

Nhiệm vụ chung

Trong năm 2026, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng đại diện cho cổ đông trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất – kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát sẽ thực hiện kiểm tra, phân tích, đánh giá định kỳ hàng quý thông qua các Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị; đồng thời giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhằm kịp thời nhận diện, cảnh báo các rủi ro tiềm ẩn và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả giám sát và bảo đảm tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động của Công ty, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục:

- Tăng cường giám sát việc tuân thủ các quy định, quy chế trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh tại Công ty và các đơn vị thành viên;
- Phối hợp với các bộ phận chuyên môn để thực hiện kiểm tra định kỳ và kiểm tra chuyên sâu, bảo đảm việc tuân thủ pháp luật được thực hiện thống nhất và xuyên suốt;
- Chủ động đổi mới phương thức giám sát, kiểm tra, phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của Công ty.

Hoạt động cụ thể

Thẩm định và kiểm tra các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các báo cáo phản ánh tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.

Tăng cường giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh đã được phê duyệt.

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, các chế độ, chính sách của Nhà nước và các quy định nội bộ của Công ty.

Rà soát và kịp thời cập nhật các quy định, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

# CÔNG KHAI CÁC GIAO DỊCH, LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban TGD và người quản lý khác trong năm 2025:

Đơn vị tính: VNĐ

| STT       | Họ và tên               | Chức vụ                      | Lương, thưởng | Thù lao     | Tổng thu nhập | Ghi chú            |
|-----------|-------------------------|------------------------------|---------------|-------------|---------------|--------------------|
| 1         | Phạm Ngọc Thanh         | Chủ tịch HĐQT                |               | 72.000.000  | 72.000.000    |                    |
| 2         | Nguyễn Minh Hải         | Phó CT HĐQT                  |               | 60.000.000  | 60.000.000    |                    |
| 3         | Lê Anh Quốc             | Phó CT HĐQT<br>Tổng Giám đốc | 1.239.554.000 | 60.000.000  | 1.239.554.000 |                    |
| 4         | Lars Kjaer              | Thành viên HĐQT              |               | 60.000.000  | 60.000.000    |                    |
| 5         | Kim HongJin             | Thành viên HĐQT              |               |             | -             | Không nhận thù lao |
| 6         | Lê Đức Long             | Thành viên HĐQT độc lập      |               | 60.000.000  | 60.000.000    |                    |
| 7         | Đặng Huy Khôi           | Thành viên HĐQT độc lập      |               | 60.000.000  | 60.000.000    |                    |
| 8         | Nguyễn Quang Huy        | Phó TGD                      | 825.409.000   |             | 825.409.000   |                    |
| 9         | Nguyễn Thị Thanh Phương | Phó TGD                      | 1.025.553.000 |             | 1.025.553.000 |                    |
| 10        | Nguyễn Xuân Bằng        | Phó TGD                      | 1.009.553.000 |             | 1.009.553.000 |                    |
| 11        | Trần Thị Loan           | Trưởng BKS                   |               | 60.000.000  | 60.000.000    |                    |
| 12        | Nguyễn Thị Hương        | TV BKS                       |               | 36.000.000  | 36.000.000    |                    |
| 13        | Phạm Thị Thu Hiền       | TV BKS                       |               | 36.000.000  | 36.000.000    |                    |
| 14        | Đào Ngọc Thiết          | Kế toán trưởng               | 847.753.000   |             | 847.753.000   |                    |
| Tổng Cộng |                         |                              | 4.947.822.000 | 504.000.000 | 5.451.822.000 |                    |

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**  
Trong năm 2025 không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.



# 05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
& TRÁCH NHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TASECOAIRS



# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Để kiến tạo một tương lai phát triển bền vững, Taseco Airs tin rằng mọi sự thay đổi lớn lao đều khởi nguồn từ những hành động nhỏ bé nhưng ý nghĩa. Trong suốt hành trình trên 10 năm hình thành và phát triển, Công ty luôn kiên trì theo đuổi sứ mệnh phát triển bền vững, đặt lợi ích của doanh nghiệp, môi trường và xã hội vào một tổng thể hài hòa.

Taseco Airs xác định rằng phát triển bền vững phải được xây dựng trên ba trụ cột vững chắc: **nguồn nhân lực chất lượng cao, nền tảng tài chính ổn định và trách nhiệm đối với môi trường – xã hội**. Trên hành trình ấy, Công ty không ngừng đầu tư vào con người, tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và khuyến khích sự phát triển toàn diện của đội ngũ nhân sự. Đồng thời, Taseco Airs cam kết duy trì sự minh bạch và hiệu quả trong quản lý tài chính, đảm bảo nền tảng vững vàng để phát triển lâu dài.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của định hướng kinh doanh gắn liền với các giá trị phát triển bền vững, Taseco Airs không ngừng tích hợp các yếu tố **Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG)** vào chiến lược vận hành. Công ty chủ động áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu khí thải và sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, Taseco Airs còn tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng, chung tay góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của xã hội.

Với tầm nhìn dài hạn và những cam kết vững chắc, Taseco Airs tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong việc xây dựng một doanh nghiệp bền vững, không chỉ mang lại giá trị kinh tế mà còn đóng góp tích cực cho môi trường và cộng đồng.

# TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

Những thay đổi về khí hậu, thiên nhiên và sự đa dạng sinh học đang đẩy lên một hồi chuông cảnh tỉnh về sự suy giảm trầm trọng của môi trường tự nhiên trên quy mô toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Tại Hội nghị COP26, Việt Nam khẳng định và cam kết về việc giảm phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, giảm phát thải khí mê-tan 30% vào năm 2030 so với năm 2020. Tại Hội nghị COP27, dù là một nước đang phát triển và phải đương đầu với rất nhiều thử thách nhưng những cam kết về chống biến đổi khí hậu vẫn được Chính phủ Việt Nam xem là mục tiêu quan trọng và ưu tiên thực hiện. Đây là một trong những quyết định khó khăn và đầy thách thức đối với Chính phủ Việt Nam.

Taseco Airs nhận thức rất rõ rằng kế hoạch phát triển của Công ty cần phải gắn liền với trách nhiệm chung về môi trường và xã hội. Mỗi một quyết định được đưa ra trong hoạt động kinh doanh đều có thể tác động trực tiếp tới môi trường và sự phát triển của xã hội. Là một doanh nghiệp Việt Nam, Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực hết mình để cùng đồng hành với Chính phủ và người dân trong công cuộc chống biến đổi khí hậu. Taseco Airs luôn coi bảo vệ môi trường và phát triển xã hội là tiêu chí và mục tiêu hướng tới trong mọi hoạt động kinh doanh cũng như phát triển các dự án. Taseco Airs không chỉ nỗ lực gìn giữ và bảo vệ môi trường mà còn nhấn mạnh việc nâng cao nhận thức của khách hàng và cộng đồng để cùng hợp tác trong việc xây dựng và bảo vệ một môi trường lành mạnh.

Ý thức được tầm quan trọng và trách nhiệm của Taseco Airs trong công cuộc bảo vệ môi trường và phát triển xã hội, trong năm vừa qua, Công ty đã chủ động triển khai nhiều biện pháp tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường và phát triển xã hội:



## Về mức tiêu thụ năng lượng

Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 1.780.733 kWh/năm, bình quân tiêu thụ khoảng 148,394 kWh/tháng. Công ty luôn ưu tiên sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng và ban hành các quy định nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng. Bên cạnh đó, Taseco Airs còn áp dụng khoán định mức tiêu thụ năng lượng dựa trên hiệu quả kinh doanh tại các quầy hàng.



## Về mức tiêu thụ nước

Tổng mức tiêu thụ nước trong năm 2025 của Taseco Airs là 14.887m³, bình quân một tháng tiêu thụ khoảng 1.241m³/tháng. Công ty ban hành nhiều quy định về tiết kiệm và sử dụng nguồn nước hiệu quả trong quy trình sản xuất và kinh doanh.



## Về việc phân loại và tái chế rác thải

Công ty luôn tính nhu cầu và thói quen của khách hàng để có phương án nhập hàng hóa, sử dụng bao bì phù hợp, có khả năng tái chế và thân thiện với môi trường. Hạn chế việc hủy bỏ các hàng hóa thực phẩm. Mặt khác, Công ty đã có thêm các bước phát triển tích cực trong việc chuyển đổi từ việc sử dụng các vật liệu khó tái chế như nhựa, bao nylon, ... sang dùng các vật liệu có khả năng tái chế và bảo vệ môi trường như giấy, sợi thủy tinh, tre, sứ...



## Về việc tuân thủ pháp lý

Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, không có bất kỳ vi phạm nào về môi trường, Taseco Airs cũng bổ sung thêm các điều khoản vào hợp đồng khi ký với đối tác nhằm ràng buộc các nhà cung cấp về việc sản phẩm của họ phải là sản phẩm thân thiện với môi trường. Việc này góp phần không nhỏ tới việc lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường tới khách hàng, thúc đẩy và lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường tới người tiêu dùng sản phẩm của Công ty cũng như các bên đối tác.

# TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ chính sách cho người lao động của Taseco  
Airs luôn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp  
luật và hướng tới mục tiêu:

- 1

Đảm bảo công ăn việc làm  
ổn định cho người lao động
- 2

Cải thiện thu nhập cho  
người lao động
- 3

Quan tâm tới đời sống  
vật chất và tinh thần của cán bộ  
công nhân viên tại Công ty

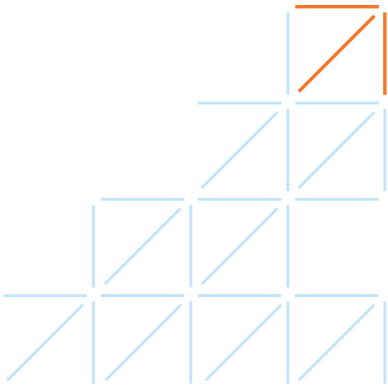
Taseco Airs luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với người lao động, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, công  
bằng và phát triển bền vững.



Công ty Taseco Airs luôn tạo điều kiện  
tốt nhất cho người lao động và đảm bảo  
quyền lợi và phúc lợi mà người lao  
động đáng được thừa hưởng. Công ty  
luôn cung cấp mức lương cạnh tranh,  
đảm bảo thu nhập ổn định cho người  
lao động. Các chính sách phúc lợi theo  
quy định pháp luật như bảo hiểm xã  
hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất  
nghiệp, chế độ thai sản... luôn được  
Công ty chú trọng và bảo đảm thực  
hiện theo đúng quy định nhằm tối đa  
các quyền và lợi ích cho người lao  
động, tổ chức các hoạt động khám  
sức khỏe định kỳ nhằm bảo đảm người  
lao động luôn có một sức khỏe tốt  
nhất. Ngoài ra, các chính sách khen  
thưởng, đãi ngộ hợp lý nhằm ghi nhận  
và khuyến khích sự đóng góp của  
nhân viên trong Công ty cũng đã và  
đang được triển khai một cách  
mạnh mẽ.

Taseco Airs luôn cố gắng tạo dựng  
một môi trường làm việc an toàn và  
lành mạnh cho người lao động. Áp  
dụng các tiêu chuẩn về an toàn lao  
động, đảm bảo trang thiết bị bảo hộ  
cho nhân viên làm việc trong các môi  
trường đặc thù. Tổ chức định kỳ các  
khóa học đào tạo về an toàn lao động  
và kỹ năng xử lý tình huống khẩn cấp  
cho người lao động như: tập huấn về  
an ninh hàng không; Phòng cháy chữa  
cháy, .... Công ty cũng đã có sự cải  
thiện và tạo ra cho người lao động một  
môi trường làm việc tối ưu nhất nhằm  
bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần  
của nhân viên. Công ty luôn luôn tạo  
điều kiện tốt nhất để khuyến khích  
người lao động sáng kiến, đổi mới  
nhằm tạo động lực cho nhân viên phát  
huy năng lực.

Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện và  
khuyến khích người lao động tham gia  
các hoạt động thiện nguyện, vì cộng  
đồng. Hỗ trợ nhân viên trong các tình  
huống khó khăn như đau ốm, thiên tai,  
tai nạn thông qua các quỹ hỗ trợ do  
nội bộ Công ty thành lập. Tổ chức các  
hoạt động gắn kết nội bộ, nâng cao  
tinh thần đồng đội và sự gắn bó giữa  
nhân viên và Công ty.



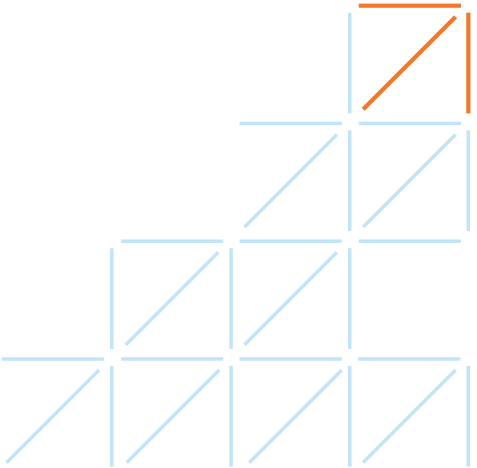
# TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Taseco Airs luôn ý thức rất rõ vai trò và trách nhiệm của  
mình đối với cộng đồng và xã hội. Không chỉ tập trung vào  
phát triển kinh doanh, Công ty luôn cam kết mang lại  
những giá trị thiết thực, góp phần xây dựng một xã hội văn  
minh, bền vững và phát triển toàn diện. Các hoạt động  
thiện nguyện đã và đang trở thành một nét đẹp trong văn  
hóa Công ty của Taseco Airs và đây cũng chính là một  
phần không thể tách rời trong các hoạt động của Công ty.

Ngày 24/10/2025, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không  
Taseco (Taseco Airs) đã trao tặng Ủy ban Mặt trận Tổ  
quốc Nhân dân xã Xuân Lương và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc  
Việt Nam phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh, mỗi đơn vị 500  
triệu đồng nhằm hỗ trợ khắc phục hậu quả do cơn bão số  
11 và đợt mưa lũ đặc biệt lớn do hoàn lưu của bão. Trước  
những thiệt hại nặng nề về người, nhà cửa và sản xuất,  
khiến cuộc sống của người dân bị ảnh hưởng sâu sắc,  
Taseco Airs mong muốn được sẻ chia và đồng hành cùng  
địa phương trong công tác khắc phục hậu quả thiên tai,  
góp phần giúp bà con sớm ổn định cuộc sống, khôi phục  
sản xuất và vươn lên sau khó khăn.



Ngày 05/12/2025, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không  
Taseco (Taseco Airs) đã phối hợp với UBND xã Sơn Điện tổ  
chức lễ khánh thành điểm trường khu Xa Mang, một điểm  
lê thuộc Trường Mầm non Sơn Điện 1, xã Sơn Điện (Quan  
Sơn), Thanh Hoá. Xa Mang cách điểm trường chính khoảng  
12 km, cách trung tâm xã khoảng 15 km – điều kiện cơ sở  
vật chất nơi đây còn rất khó khăn: lớp học lắp ghép bằng  
tôn, nóng bức mùa hè, lạnh mùa đông. Với sự hỗ trợ từ  
Taseco Airs, điểm trường được xây dựng gồm 03 phòng  
học (mỗi phòng khoảng 30 m²) và khu vệ sinh khép kín –  
công trình với tổng giá trị khoảng 700 triệu đồng.





Ngày 30/10/2025, Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng Không Đà Nẵng và đơn vị Chi nhánh tại Huế được sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo và Công đoàn Taseco Airs đã nhanh chóng triển khai công tác cứu trợ, trao gửi nhu yếu phẩm thiết yếu đến người dân bị ảnh hưởng bởi tình hình mưa lũ tại khu vực miền Trung. Đơn vị đã trực tiếp đến thăm và trao tặng quà cho: 07 thôn trên địa bàn xã Điện Bàn Tây – Thành phố Đà Nẵng và 03 tổ dân phố trên địa bàn xã Thủy Tân – Thành phố Huế với các phần quà bao gồm bánh mì, nước uống, sữa và các nhu yếu phẩm thiết yếu, nhằm hỗ trợ bà con khắc phục khó khăn trong sinh hoạt do bão lũ gây ra.

Taseco Airs luôn đề cao trách nhiệm với xã hội và tinh thần “Lá lành đùm lá rách” Công ty cam kết chung tay trong công tác lan tỏa những giá trị nhân văn, góp phần xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.



Theo sự chỉ đạo của UBND Thành Phố Hà Nội về việc chương trình thí điểm suất ăn bán trú miễn phí cho học sinh Tiểu học, ngày 29/08/2025, công ty Taseco Airs đã phối hợp với các đơn vị khác trong cùng tập đoàn chính thức triển khai chương trình này tại Trường Tiểu học Phú Cường và Phú Minh (xã Nội Bài), Trường Tiểu học Chi Đông (xã Quang Minh). Taseco Airs hân hạnh đồng hành, góp phần nhỏ bé cùng các trường chung tay nâng cao sức khỏe và điều kiện học tập của học sinh, đồng thời giảm bớt gánh nặng kinh tế cho phụ huynh. Suất ăn bán trú được sản xuất tập trung, đồng bộ theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt bởi Công ty Cổ phần dịch vụ suất ăn hàng không Việt Nam (VinaCS), đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn, chất lượng và dinh dưỡng cho học sinh trong năm học 2025–2026.

Bên cạnh đó, để góp phần nâng cao điều kiện học tập và sinh hoạt tại trường, Taseco Airs phối hợp các đơn vị khác trong cùng tập đoàn đã hỗ trợ trang thiết bị với tổng giá trị 3.377.341.000 đồng, gồm:

- 1000 bộ bàn ghế bán trú cho Trường Tiểu học Phú Cường & Phú Minh.
- 48 điều hòa, 400 bộ bàn ghế, 6 máy lọc nước cho Trường Tiểu học Chi Đông.

Với Taseco, việc đồng hành trong chương trình thí điểm này cũng là cách thể hiện trách nhiệm xã hội, hướng đến tạo dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện và đầy đủ hơn cho các em học sinh.

# HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Thị trường vốn xanh luôn được biết tới là nét nổi bật trong chính sách phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới hiện nay. Tuy nhiên, cần hiểu rõ rằng thị trường vốn xanh hướng tới đa lĩnh vực và định hướng phát triển lâu dài, đây là một chương trình mang tính lâu dài và liên tục, cần có sự tham gia của nhiều đơn vị trong các ngành nghề và lĩnh vực khác nhau. Nhận thức được tầm quan trọng của tài chính bền vững, Công ty đang nghiên cứu và xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động vốn xanh. Mục tiêu của Taseco Airs là đầu tư vào các dự án thân thiện với môi trường, áp dụng công nghệ sạch và thúc đẩy phát triển bền vững trong các lĩnh vực hoạt động. Taseco Airs cũng sẽ tìm kiếm các đối tác và các cơ hội hợp tác để xây dựng các sản phẩm tài chính xanh, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và tạo giá trị lâu dài cho cộng đồng.

Các loài cây bản địa như Rẻ, Giỏi, Tai chua, Mun, Sang được lựa chọn để trồng. Đây là những cây gỗ bản địa góp phần phục hồi đất, tạo thức ăn cho các loài hoang dã, trong đó, cây Mun có chất gỗ đặc biệt tốt và hiện đang nằm trong Sách Đỏ Việt Nam. Do đó, hoạt động trồng rừng còn có ý nghĩa tạo sinh cảnh sống bảo tồn các loài quý hiếm, phục hồi sinh thái, bảo vệ đa dạng sinh học và ứng phó biến đổi khí hậu.

Bằng tinh thần trách nhiệm trong việc hình thành chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp, Taseco Airs luôn quyết tâm và cố gắng đảm bảo sự phát triển bền vững, chú trọng việc bảo vệ môi trường cũng như thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

Hoạt động thiết thực đầu tiên đóng góp cho thị trường vốn xanh trong năm 2025 của công ty đã được thực hiện tại Vườn quốc gia Cúc Phương. Ngày 01/11/2025, Được sự chỉ đạo của Tập đoàn Taseco, Taseco Airs cùng các đơn vị thành viên khác đã phối hợp cùng Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên Gaia trồng 10.000 cây xanh. Hoạt động này gắn liền với chiến lược dài hạn của công ty và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc (Mục tiêu 13: Hành động vì khí hậu và Mục tiêu 15: Tài nguyên hệ sinh thái trên cạn). Đây cũng là cơ hội để lan tỏa trách nhiệm xã hội trong việc bảo vệ thiên nhiên của tất cả cán bộ nhân viên các Công ty trong Tập đoàn Taseco.



# 06

BÁO CÁO  
TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN 2025



## Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

### MỤC LỤC

|                                               | Trang   |
|-----------------------------------------------|---------|
| Thông tin chung                               | 1 - 2   |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc                 | 3       |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                     | 4 - 5   |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 6 - 8   |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 9 - 10  |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 11 - 12 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất        | 13 - 56 |

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

### THÔNG TIN CHUNG

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 12 tháng 8 năm 2025.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                     |                    |
|---------------------|--------------------|
| Ông Phạm Ngọc Thanh | Chủ tịch           |
| Ông Nguyễn Minh Hải | Phó Chủ tịch       |
| Ông Lê Anh Quốc     | Phó Chủ tịch       |
| Ông Lars Kjaer      | Thành viên         |
| Ông Kim Hongjin     | Thành viên         |
| Ông Lê Đức Long     | Thành viên độc lập |
| Ông Đặng Huy Khôi   | Thành viên độc lập |

#### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                      |                      |
|----------------------|----------------------|
| Bà Trần Thị Loan     | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Bà Nguyễn Thị Hường  | Thành viên           |
| Bà Phạm Thị Thu Hiền | Thành viên           |

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

### THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                            |                   |
|----------------------------|-------------------|
| Ông Lê Anh Quốc            | Tổng Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Quang Huy       | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Xuân Bằng       | Phó Tổng Giám đốc |

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

  
Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sak Gint Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/et\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 11872026/68681710-HN

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trịnh Xuân Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1



Lê Hồng Vân  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4432-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

### Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|------------|----------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   |             | <b>688.377.133.428</b> | <b>605.817.871.710</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>4</b>    | <b>212.283.636.271</b> | <b>134.540.302.448</b> |
| 111        | 1. Tiền                                      |             | 128.038.059.479        | 107.662.315.271        |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                |             | 84.245.576.792         | 26.877.987.177         |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         |             | <b>212.169.891.833</b> | <b>297.184.838.060</b> |
| 123        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 5           | 212.169.891.833        | 297.184.838.060        |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      |             | <b>113.854.094.639</b> | <b>62.717.781.624</b>  |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 6.1         | 71.125.808.491         | 30.673.923.627         |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 6.2         | 17.463.446.425         | 4.286.670.769          |
| 135        | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 29          | -                      | 1.500.000.000          |
| 136        | 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 7           | 26.112.935.644         | 26.440.163.035         |
| 137        | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 6.1         | (848.095.921)          | (182.975.807)          |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>8</b>    | <b>113.177.212.898</b> | <b>86.555.253.302</b>  |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                              |             | 113.177.212.898        | 86.555.253.302         |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              |             | <b>36.892.297.787</b>  | <b>24.819.696.276</b>  |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 9           | 8.426.611.650          | 6.318.011.027          |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 15          | 23.313.816.242         | 18.491.905.737         |
| 153        | 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước       | 15          | 5.151.869.895          | 9.779.512              |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN                              | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm             |
|-------|--------------------------------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| 200   | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>            |             | <b>342.880.515.809</b>   | <b>247.462.399.518</b> |
| 210   | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b> |             | <b>15.984.211.000</b>    | <b>6.917.310.490</b>   |
| 216   | 1. Phải thu dài hạn khác             | 7           | 15.984.211.000           | 6.917.310.490          |
| 220   | <b>II. Tài sản cố định</b>           |             | <b>206.609.792.325</b>   | <b>136.128.332.805</b> |
| 221   | 1. Tài sản cố định hữu hình          | 10          | 182.686.683.279          | 112.027.818.385        |
| 222   | Nguyên giá                           |             | 404.528.766.086          | 312.142.647.359        |
| 223   | Giá trị hao mòn lũy kế               |             | (221.842.082.807)        | (200.114.828.974)      |
| 227   | 2. Tài sản cố định vô hình           | 11          | 23.923.109.046           | 24.100.514.420         |
| 228   | Nguyên giá                           |             | 28.236.507.287           | 28.158.407.287         |
| 229   | Giá trị hao mòn lũy kế               |             | (4.313.398.241)          | (4.057.892.867)        |
| 240   | <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>  |             | <b>1.282.001.965</b>     | <b>1.425.750.826</b>   |
| 242   | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang   |             | 1.282.001.965            | 1.425.750.826          |
| 250   | <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>  | 12          | <b>83.724.545.724</b>    | <b>63.961.981.919</b>  |
| 252   | 1. Đầu tư vào công ty liên kết       |             | 74.142.555.697           | 57.066.287.519         |
| 253   | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác    |             | 6.405.140.700            | 6.405.140.700          |
| 254   | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn |             | (47.876.700)             | (1.107.420.700)        |
| 255   | 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn   |             | 3.224.726.027            | 1.597.974.400          |
| 260   | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>       |             | <b>35.279.964.795</b>    | <b>39.029.023.478</b>  |
| 261   | 1. Chi phí trả trước dài hạn         | 9           | 24.059.153.691           | 21.374.934.199         |
| 269   | 2. Lợi thế thương mại                | 13          | 11.220.811.104           | 17.654.089.279         |
| 270   | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>             |             | <b>1.031.257.649.237</b> | <b>853.280.271.228</b> |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN                                              | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm             |
|-------|--------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| 300   | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                  |             | <b>344.437.501.812</b>   | <b>234.980.632.497</b> |
| 310   | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                  |             | <b>344.437.501.812</b>   | <b>234.424.882.497</b> |
| 311   | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                         | 14.1        | 77.663.369.499           | 69.626.650.985         |
| 312   | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                   | 14.2        | 28.533.449.995           | 9.127.462.448          |
| 313   | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                 | 15          | 34.043.154.620           | 25.757.075.165         |
| 314   | 4. Phải trả người lao động                             |             | 81.108.937.907           | 54.931.117.362         |
| 315   | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                           | 16          | 35.176.180.717           | 16.117.810.924         |
| 319   | 6. Phải trả ngắn hạn khác                              | 17          | 18.375.282.840           | 4.964.478.099          |
| 320   | 7. Vay ngắn hạn                                        | 18          | 58.430.653.676           | 46.284.810.602         |
| 322   | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                           | 19          | 11.106.472.558           | 7.615.476.912          |
| 330   | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                  |             | -                        | <b>555.750.000</b>     |
| 338   | 1. Vay dài hạn                                         | 18          | -                        | 555.750.000            |
| 400   | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                               |             | <b>686.820.147.425</b>   | <b>618.299.638.731</b> |
| 410   | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                               | 20          | <b>686.820.147.425</b>   | <b>618.299.638.731</b> |
| 411   | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                              |             | 450.000.000.000          | 450.000.000.000        |
| 411a  | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết               |             | 450.000.000.000          | 450.000.000.000        |
| 421   | 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                   |             | 136.890.909.056          | 76.341.501.518         |
| 421a  | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước |             | 8.841.501.518            | 1.378.728.200          |
| 421b  | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay            |             | 128.049.407.538          | 74.962.773.318         |
| 429   | 3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                     | 21          | 99.929.238.369           | 91.958.137.213         |
| 440   | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                             |             | <b>1.031.257.649.237</b> | <b>853.280.271.228</b> |

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

Trần Văn Hưng  
Người lập

Đào Ngọc Thiết  
Kế toán trưởng

Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                           | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước         |
|-------|----------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 22.1        | 1.726.948.551.274 | 1.330.042.251.352 |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 22.1        | -                 | -                 |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22.1        | 1.726.948.551.274 | 1.330.042.251.352 |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp            | 23          | (630.835.882.617) | (516.898.973.738) |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   |             | 1.096.112.668.657 | 813.143.277.614   |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 22.2        | 15.760.332.254    | 17.902.719.380    |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                               | 24          | (4.117.416.292)   | (4.051.592.021)   |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                          |             | (3.918.734.584)   | (2.316.319.106)   |
| 24    | 8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết            | 12.1        | 17.076.268.178    | (3.161.706.960)   |
| 25    | 9. Chi phí bán hàng                                | 25          | (517.530.712.337) | (387.936.378.086) |
| 26    | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                   | 25          | (221.592.279.758) | (179.629.323.968) |
| 30    | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        |             | 385.708.860.702   | 256.266.995.959   |
| 31    | 12. Thu nhập khác                                  | 26          | 3.732.313.156     | 4.122.844.025     |
| 32    | 13. Chi phí khác                                   | 26          | (9.205.801.493)   | (4.301.474.979)   |
| 40    | 14. Lỗ khác                                        | 26          | (5.473.488.337)   | (178.630.954)     |
| 50    | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              |             | 380.235.372.365   | 256.088.365.005   |
| 51    | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 28.1        | (54.480.466.495)  | (53.709.527.593)  |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                           | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|-------|----------------------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN                        |             | 325.754.905.870 | 202.378.837.412 |
| 61    | 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ              |             | 250.170.276.714 | 148.621.058.440 |
| 62    | 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 21          | 75.584.629.156  | 53.757.778.972  |
| 70    | 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 30          | 5.359           | 3.179           |
| 71    | 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 30          | 5.359           | 3.179           |

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

  
Trần Văn Hưng  
Người lập

  
Đào Ngọc Thiết  
Kế toán trưởng

  
Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số                                          | CHỈ TIÊU                                                                                                  | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>01</b>                                      | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                                         |             |                         |                         |
|                                                | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                                               |             | <b>380.235.372.365</b>  | <b>256.088.365.005</b>  |
|                                                | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                                                                          |             |                         |                         |
| 02                                             | Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) |             | 39.682.950.361          | 34.317.991.996          |
| 03                                             | (Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng                                                                   |             | (394.423.886)           | 147.893.456             |
| 04                                             | (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ                 |             | (94.143.255)            | 58.810.679              |
| 05                                             | Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                                   |             | (30.803.975.337)        | (13.940.423.015)        |
| 06                                             | Chi phí lãi vay                                                                                           | 24          | 3.918.734.584           | 2.316.319.106           |
| <b>08</b>                                      | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                                      |             | <b>392.544.514.832</b>  | <b>278.988.957.227</b>  |
| 09                                             | Tăng các khoản phải thu                                                                                   |             | (68.195.128.686)        | (7.717.141.838)         |
| 10                                             | (Tăng)/giảm hàng tồn kho                                                                                  |             | (26.621.959.596)        | 14.004.902.357          |
| 11                                             | Tăng các khoản phải trả                                                                                   |             | 87.895.349.175          | 28.883.763.442          |
| 12                                             | Tăng chi phí trả trước                                                                                    |             | (4.792.820.115)         | (1.795.496.166)         |
| 14                                             | Tiền lãi vay đã trả                                                                                       |             | (3.905.966.426)         | (2.311.953.780)         |
| 15                                             | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                                         |             | (59.257.935.798)        | (45.231.769.317)        |
| 17                                             | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                                    |             | (7.055.651.530)         | (3.834.879.180)         |
| <b>20</b>                                      | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                                      |             | <b>310.610.401.856</b>  | <b>260.986.382.945</b>  |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b> |                                                                                                           |             |                         |                         |
| 21                                             | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác                          |             | (111.657.432.450)       | (44.749.162.372)        |
| 22                                             | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                         |             | 354.336.364             | 3.990.909.091           |
| 23                                             | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                                      |             | (139.410.599.904)       | (259.736.156.758)       |
| 24                                             | Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác                                                  |             | 224.298.794.504         | 202.398.800.000         |
| 27                                             | Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, lợi nhuận được chia                                                   |             | 14.367.003.652          | 15.100.291.472          |
| <b>30</b>                                      | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>                                                 |             | <b>(12.047.897.834)</b> | <b>(82.995.318.567)</b> |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Mã số                                              | CHỈ TIÊU                                                     | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước                |
|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |                                                              |             |                          |                          |
| 31                                                 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu  |             | -                        | 14.000.000.000           |
| 33                                                 | Tiền thu từ đi vay                                           | 18          | 221.255.048.581          | 131.419.417.402          |
| 34                                                 | Tiền trả nợ gốc vay                                          | 18          | (209.664.955.507)        | (110.913.129.787)        |
| 36                                                 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                      |             | (232.432.777.525)        | (179.052.056.745)        |
| <b>40</b>                                          | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b> |             | <b>(220.842.684.451)</b> | <b>(144.545.769.130)</b> |
| <b>50</b>                                          | <b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>   |             | <b>77.719.819.571</b>    | <b>33.445.295.248</b>    |
| <b>60</b>                                          | <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                      |             | <b>134.540.302.448</b>   | <b>101.106.964.799</b>   |
| 61                                                 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ      |             | 23.514.252               | (11.957.599)             |
| <b>70</b>                                          | <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                     | <b>4</b>    | <b>212.283.636.271</b>   | <b>134.540.302.448</b>   |

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

  
 Trần Văn Hưng  
 Người lập

  
 Đào Ngọc Thiết  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Anh Quốc  
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 12 tháng 8 năm 2025.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 1.798 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.520 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 6 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 7 công ty con), bao gồm:

| STT | Tên công ty                                                                      | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Trụ sở chính                                                                   | Hoạt động chính                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Công ty Taseco Đà Nẵng") (*) | 99,9%                | 99,9%             | Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam             | Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách, thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ phụ trợ khác. Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác. |
| 2   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Công ty Taseco Sài Gòn")     | 65%                  | 65%               | Số 57 Bạch Đằng, Phường 2, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ quảng cáo, thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ phụ trợ khác.                                                                                                            |

13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 6 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 7 công ty con), bao gồm (tiếp theo):

| STT | Tên công ty                                                                    | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Trụ sở chính                                                                                         | Hoạt động chính                                                                                                                                                         |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3   | Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Công ty Taseco Media")            | 99,9%                | 99,9%             | Tầng 1 tòa N02-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Dịch vụ quảng cáo, bán lẻ các mặt hàng thiết bị viễn thông: sim, thẻ cào điện thoại, dịch vụ đón tiễn, lưu trú ngắn ngày, thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ phụ trợ khác. |
| 4   | Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco ("Công ty Jalux Taseco")              | 51%                  | 51%               | Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                              | Kinh doanh bán hàng miễn thuế và các dịch vụ phụ trợ khác.                                                                                                              |
| 5   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Phú Quốc ("Công ty Taseco Phú Quốc") | 65%                  | 65%               | SS26-S06 Khu du lịch Sonasea Villas & Resort, Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam              | Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng và các dịch vụ phụ trợ khác.                                          |
| 6   | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh ("Công ty Hà Linh")                            | 51%                  | 51%               | Tầng 3, Nhà ga T1, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng và các dịch vụ phụ trợ khác.                                          |

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một công ty con là Công ty TNHH MTV Taseco Oceanview Đà Nẵng hoạt động trong lĩnh vực quản lý khách sạn và nhà hàng. Trong năm, công ty này đã được sáp nhập vào Công ty Taseco Đà Nẵng theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ngoài ra, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Đối với hàng tồn kho tại các nhà hàng, Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định bằng chi phí mua dựa trên phương pháp nhập trước, xuất trước.

Đối với hàng tồn kho tại địa điểm kinh doanh khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định bằng chi phí mua dựa trên phương pháp nhập trước, xuất trước.

#### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

118  
NG  
NH  
&  
TN  
OH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                              |            |
|------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc       | 3 - 25 năm |
| Máy móc, thiết bị            | 2 - 12 năm |
| Phương tiện vận tải          | 3 - 8 năm  |
| Thiết bị văn phòng           | 3 - 10 năm |
| Phần mềm                     | 3 - 13 năm |
| Tài sản cố định vô hình khác | 3 - 5 năm  |

Quyền sử dụng đất không thời hạn không khấu hao.

#### 3.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

119  
12-  
Y  
OU  
AM  
50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính từ 6,5 năm đến 10 năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

#### 3.12 Các khoản đầu tư

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Tập đoàn sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động chủ yếu do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

1802  
G TY  
JHH  
& Y  
C NA  
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Thông tin theo bộ phận (tiếp theo)

Các hoạt động kinh doanh được tổ chức và quản lý riêng biệt theo bản chất sản phẩm và dịch vụ cung cấp, và bao gồm hai bộ phận kinh doanh chính sau:

- ▶ Kinh doanh bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không (bao gồm các dịch vụ nhà hàng, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, vận tải hành khách, quảng cáo, thu đối ngoại tệ và các dịch vụ phụ trợ khác); và
- ▶ Kinh doanh dịch vụ khách sạn và nhà hàng (ngoài nhà ga và cảng hàng không).

Tập đoàn trình bày thông tin theo bộ phận tại Thuyết minh số 31.

#### 3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                        | Đơn vị tính: VND       |                        |
|----------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                        | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Tiền mặt                               | 9.046.392.724          | 6.475.856.443          |
| Tiền gửi ngân hàng                     | 118.879.873.878        | 100.967.516.859        |
| Tiền đang chuyển                       | 111.792.877            | 219.141.969            |
| Các khoản tương đương tiền             | 84.245.576.792         | 26.877.987.177         |
| - Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*) | 84.241.159.316         | 26.872.974.400         |
| - Khoản tương đương tiền khác (**)     | 4.417.476              | 5.012.777              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                       | <b>212.283.636.271</b> | <b>134.540.302.448</b> |

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn không quá 3 tháng, hưởng lãi suất từ 3%/năm tới 4,75%/năm (31 tháng 12 năm 2024: kỳ hạn không quá 3 tháng, hưởng lãi suất từ 1,6%/năm đến 4,75%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi với tổng giá trị 8,255 tỷ VND được một công ty con của Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

(\*\*) Khoản tương đương tiền khác là khoản tiền gửi không kỳ hạn tại một công ty chứng khoán.

1802  
G TY  
JHH  
& Y  
C NA  
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

|                                  | Đơn vị tính: VND       |                        |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng | 212.169.891.833        | 297.184.838.060        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                 | <b>212.169.891.833</b> | <b>297.184.838.060</b> |

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 2,9%/năm đến 6,9%/năm (31 tháng 12 năm 2024: có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 2,8%/năm đến 6%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn đã sử dụng một số khoản tiền gửi ngân hàng với tổng giá trị là 110.932 tỷ VND để bảo lãnh, bảo đảm thực hiện hợp đồng và làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                                   | Đơn vị tính: VND      |                       |
|---------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                   | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Công ty TNHH Du lịch Klook Việt Nam               | 13.946.379.090        | 1.581.331.065         |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam              | 12.217.493.665        | 9.191.978.375         |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam                 | 11.718.919.000        | -                     |
| Công ty TNHH Xây dựng và Quảng cáo Kim Ngân       | 9.288.822.273         | 5.269.577.961         |
| Các khoản phải thu khách hàng khác                | 21.873.938.915        | 14.463.020.576        |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29) | 2.080.255.548         | 168.015.650           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                  | <b>71.125.808.491</b> | <b>30.673.923.627</b> |

Dự phòng phải thu khó đòi (848.095.921) (182.975.807)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                                    | Đơn vị tính: VND      |                      |
|----------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                                    | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
| Công ty TNHH T.S.I Việt Nam                        | 4.825.000.000         | -                    |
| Công ty TNHH Xây dựng & hoàn thiện nội thất Milaco | 1.984.000.000         | 274.542.412          |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Việt                      | 1.974.047.600         | -                    |
| Công ty Cổ phần TNT Việt Nam                       | 1.428.000.000         | 6.816.960            |
| Công ty Cổ phần Giải pháp thông minh Linkcare      | 1.073.931.700         | -                    |
| Trả trước cho người bán khác                       | 6.178.467.125         | 4.005.311.397        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                   | <b>17.463.446.425</b> | <b>4.286.670.769</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

|                                                        | Đơn vị tính: VND      |          |                       |          |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                                        | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|                                                        | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| <b>Ngắn hạn</b>                                        |                       |          |                       |          |
| Tạm ứng cho nhân viên phục vụ hoạt động kinh doanh     | 10.805.250.228        | -        | 12.097.090.960        | -        |
| Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu, cho vay | 5.421.337.715         | -        | 6.378.018.155         | -        |
| Đặt cọc, ký quỹ, ký cược                               | 2.968.956.496         | -        | 2.928.225.312         | -        |
| Phải thu khác                                          | 6.917.391.205         | -        | 5.036.828.608         | -        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                       | <b>26.112.935.644</b> | <b>-</b> | <b>26.440.163.035</b> | <b>-</b> |

Trong đó:  
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 29) 1.923.463.180 - 887.152.353 -  
Phải thu khác 24.189.472.464 - 25.553.010.682 -

|                       |                       |          |                      |          |
|-----------------------|-----------------------|----------|----------------------|----------|
| <b>Dài hạn</b>        |                       |          |                      |          |
| Đặt cọc thuê mặt bằng | 15.981.211.000        | -        | 6.916.010.490        | -        |
| Phải thu khác         | 3.000.000             | -        | 1.300.000            | -        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>      | <b>15.984.211.000</b> | <b>-</b> | <b>6.917.310.490</b> | <b>-</b> |

Trong đó:  
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 29) 4.741.920.120 - 4.711.920.120 -  
Phải thu khác 11.242.290.880 - 2.205.390.370 -

8. HÀNG TỒN KHO

|                             | Đơn vị tính: VND       |          |                       |          |
|-----------------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|
|                             | Số cuối năm            |          | Số đầu năm            |          |
|                             | Giá gốc                | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Hàng hóa, nguyên vật liệu   | 105.856.020.646        | -        | 72.069.771.930        | -        |
| Hàng mua đang đi trên đường | 4.736.375.570          | -        | 12.736.372.328        | -        |
| Công cụ, dụng cụ            | 2.584.816.682          | -        | 1.749.109.044         | -        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>            | <b>113.177.212.898</b> | <b>-</b> | <b>86.555.253.302</b> | <b>-</b> |

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|                                 | Đơn vị tính: VND      |                       |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                 | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| <b>Ngắn hạn</b>                 |                       |                       |
| Công cụ, dụng cụ                | 1.891.833.793         | 1.219.971.340         |
| Chi phí đồng phục nhân viên     | 1.790.288.474         | 1.673.891.712         |
| Chi phí thuê mặt bằng           | 873.223.975           | 710.365.772           |
| Chi phí sửa chữa                | 831.262.781           | 543.752.348           |
| Chi phí bảo hiểm                | 334.768.809           | 325.751.155           |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 2.705.233.818         | 1.844.278.700         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>8.426.611.650</b>  | <b>6.318.011.027</b>  |
| <b>Dài hạn</b>                  |                       |                       |
| Công cụ, dụng cụ                | 11.666.258.375        | 10.019.429.008        |
| Chi phí sửa chữa                | 6.383.845.810         | 7.323.950.048         |
| Chi phí trả trước dài hạn khác  | 6.009.049.506         | 4.031.555.143         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>24.059.153.691</b> | <b>21.374.934.199</b> |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                                 |  | Đơn vị tính: VND       |                  |                     |                 |
|---------------------------------|--|------------------------|------------------|---------------------|-----------------|
|                                 |  | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Tổng cộng       |
| <b>Nguyên giá:</b>              |  |                        |                  |                     |                 |
| Số đầu năm                      |  | 204.005.410.946        | 56.202.464.026   | 43.861.356.128      | 312.142.647.359 |
| - Mua trong năm                 |  | -                      | 10.579.842.377   | 746.973.228         | 13.562.253.474  |
| - Xây dựng cơ bản hoàn thành    |  | 87.962.897.198         | 1.438.953.282    | -                   | 90.101.264.896  |
| - Thanh lý                      |  | -                      | (446.368.450)    | (1.118.123.636)     | (1.626.992.086) |
| - Giảm khác                     |  | (9.409.577.557)        | (205.685.000)    | -                   | (9.650.407.557) |
| Số cuối năm                     |  | 282.558.730.587        | 67.569.206.235   | 43.490.205.720      | 404.528.766.086 |
| <b>Trong đó:</b>                |  |                        |                  |                     |                 |
| Đã khấu hao hết                 |  | 84.693.045.653         | 30.626.809.159   | 9.335.635.295       | 129.286.134.294 |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b> |  |                        |                  |                     |                 |
| Số đầu năm                      |  | 135.574.971.444        | 39.359.555.728   | 20.310.500.523      | 200.114.828.974 |
| - Khấu hao trong năm            |  | 20.265.716.778         | 7.061.476.684    | 4.630.276.537       | 32.994.166.812  |
| - Thanh lý                      |  | -                      | (446.368.450)    | (1.118.123.636)     | (1.626.992.086) |
| - Giảm khác                     |  | (9.409.577.557)        | (195.198.336)    | -                   | (9.639.920.893) |
| Số cuối năm                     |  | 146.431.110.665        | 45.779.465.626   | 23.822.553.424      | 221.842.082.807 |
| <b>Giá trị còn lại:</b>         |  |                        |                  |                     |                 |
| Số đầu năm                      |  | 68.430.439.502         | 16.842.908.298   | 23.550.855.605      | 112.027.818.385 |
| Số cuối năm                     |  | 136.127.619.922        | 21.789.740.609   | 19.667.552.296      | 182.686.683.279 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                                | Đơn vị tính: VND  |                   |                      |                |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|----------------|
|                                | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Tài sản vô hình khác | Tổng cộng      |
| <b>Nguyên giá:</b>             |                   |                   |                      |                |
| Số đầu năm                     | 23.486.329.588    | 4.392.939.687     | 279.138.012          | 28.158.407.287 |
| - Mua mới                      | 78.100.000        | -                 | -                    | 78.100.000     |
| Số cuối năm                    | 23.564.429.588    | 4.392.939.687     | 279.138.012          | 28.236.507.287 |
| <b>Trong đó:</b>               |                   |                   |                      |                |
| Đã hao mòn hết                 | -                 | 3.286.582.505     | 267.592.000          | 3.554.174.505  |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b> |                   |                   |                      |                |
| Số đầu năm                     | -                 | 3.843.203.967     | 214.688.900          | 4.057.892.867  |
| - Hao mòn trong năm            | -                 | 221.461.506       | 34.043.868           | 255.505.374    |
| Số cuối năm                    | -                 | 4.064.665.473     | 248.732.768          | 4.313.398.241  |
| <b>Giá trị còn lại:</b>        |                   |                   |                      |                |
| Số đầu năm                     | 23.486.329.588    | 549.735.720       | 64.449.112           | 24.100.514.420 |
| Số cuối năm                    | 23.564.429.588    | 328.274.214       | 30.405.244           | 23.923.109.046 |

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

|                                 | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND      |                     |                       |                        |
|---------------------------------|-------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|------------------------|
|                                 |             | Số cuối năm           |                     | Số đầu năm            |                        |
|                                 |             | Giá gốc               | Dự phòng            | Giá gốc               | Dự phòng               |
| Đầu tư vào công ty liên kết     | 12.1        | 74.142.555.697        | -                   | 57.066.287.519        | -                      |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 12.2        | 6.405.140.700         | (47.876.700)        | 6.405.140.700         | (1.107.420.700)        |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 12.3        | 3.224.726.027         | -                   | 1.597.974.400         | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                |             | <b>83.772.422.424</b> | <b>(47.876.700)</b> | <b>65.069.402.619</b> | <b>(1.107.420.700)</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

|                                                                        | Tỷ lệ sở hữu |            |
|------------------------------------------------------------------------|--------------|------------|
|                                                                        | Số cuối năm  | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("Công ty VinaCS") | 29,29%       | 29,29%     |

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

Công ty VinaCS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107038831 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 16 tháng 10 năm 2015 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 25 tháng 7 năm 2019. Công ty có trụ sở chính tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty VinaCS là sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn phục vụ hành khách hàng không, dịch vụ ăn uống cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không, và các dịch vụ phụ trợ khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty VinaCS cũng có 2 công ty con là Công ty TNHH Suất ăn Hàng không VinaCS Cam Ranh và Công ty TNHH Suất ăn Hàng không VinaCS Long Thành.

Tập đoàn đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

|                                                     | Đơn vị tính: VND |                  |
|-----------------------------------------------------|------------------|------------------|
|                                                     | Công ty VinaCS   |                  |
| <b>Giá trị đầu tư:</b>                              |                  |                  |
| Số đầu năm                                          |                  | 95.534.334.282   |
| Số cuối năm                                         |                  | 95.534.334.282   |
| <b>Lợi thế thương mại:</b>                          |                  |                  |
| Số đầu năm                                          |                  | 10.871.665.718   |
| Số cuối năm                                         |                  | 10.871.665.718   |
| <b>Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:</b> |                  |                  |
| Số đầu năm                                          |                  | (49.339.712.481) |
| - Phần lãi từ công ty liên kết trong năm            |                  | 17.076.268.178   |
| Số cuối năm                                         |                  | (32.263.444.303) |
| <b>Giá trị còn lại:</b>                             |                  |                  |
| Số đầu năm                                          |                  | 57.066.287.519   |
| Số cuối năm                                         |                  | 74.142.555.697   |

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                    | Số cuối năm          |                     | Số đầu năm           |                      | Đơn vị tính: VND     |
|------------------------------------|----------------------|---------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|                                    | Giá gốc              | Dự phòng            | Giá trị hợp lý       | Giá gốc              | Giá trị hợp lý       |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*) | 6.405.140.700        | (47.876.700)        | 6.357.264.000        | 6.405.140.700        | 5.297.720.000        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   | <b>6.405.140.700</b> | <b>(47.876.700)</b> | <b>6.357.264.000</b> | <b>6.405.140.700</b> | <b>5.297.720.000</b> |

(\*) Đây là khoản đầu tư góp vốn vào một công ty hoạt động kinh doanh các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không. Công ty này có cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán và giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi tiết khoản dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| Đơn vị tính: VND                   |               |
|------------------------------------|---------------|
| Năm nay                            | Năm trước     |
| Số đầu năm                         | 943.008.700   |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | 164.412.000   |
| Trừ: Hoàn nhập trong năm           | -             |
| Số cuối năm                        | 1.107.420.700 |



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|                        | Số cuối năm          |                      | Số đầu năm           |                      | Đơn vị tính: VND |
|------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------------|
|                        | Giá gốc              | Giá trị ghi sổ       | Giá gốc              | Giá trị ghi sổ       |                  |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 2.724.726.027        | 2.724.726.027        | 1.097.974.400        | 1.097.974.400        |                  |
| Đầu tư trái phiếu (**) | 500.000.000          | 500.000.000          | 500.000.000          | 500.000.000          |                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>       | <b>3.224.726.027</b> | <b>3.224.726.027</b> | <b>1.597.974.400</b> | <b>1.597.974.400</b> |                  |

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là các khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại, có kỳ hạn trên 1 năm và hưởng lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,6%/năm (31 tháng 12 năm 2024: kỳ hạn trên 1 năm và hưởng lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,9%/năm). Tập đoàn đã sử dụng các khoản tiền gửi này để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

(\*\*) Trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm 5.000 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2033, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu với lãi suất trả hàng năm được tính bằng lãi suất tham chiếu + 1,3%/năm. Lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5,98%/năm.

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

|                         | Đơn vị tính: VND     |                 |
|-------------------------|----------------------|-----------------|
|                         | Công ty Jalux Taseco | Công ty Hà Linh |
| <b>Nguyên giá:</b>      |                      |                 |
| Số đầu năm              | 45.893.245.531       | 17.262.786.313  |
| Số cuối năm             | 45.893.245.531       | 17.262.786.313  |
| <b>Phân bổ lũy kế:</b>  |                      |                 |
| Số đầu năm              | 41.186.245.987       | 4.315.696.578   |
| Phân bổ trong năm       | 4.706.999.544        | 1.726.278.631   |
| Số cuối năm             | 45.893.245.531       | 6.041.975.209   |
| <b>Giá trị còn lại:</b> |                      |                 |
| Số đầu năm              | 4.706.999.544        | 12.947.089.735  |
| Số cuối năm             | -                    | 11.220.811.104  |



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

|                                                                                          | Đơn vị tính: VND      |                       |                       |                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                                          | Số cuối năm           |                       | Số đầu năm            |                       |
|                                                                                          | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| Jalux Inc                                                                                | 7.629.104.540         | 7.629.104.540         | 6.181.545.604         | 6.181.545.604         |
| JT International Singapore Pte. Ltd.                                                     | 7.158.902.439         | 7.158.902.439         | 3.033.491.373         | 3.033.491.373         |
| Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Phúc Linh                                                 | 5.668.939.197         | 5.668.939.197         | 5.287.568.627         | 5.287.568.627         |
| Công ty TNHH Pernod Ricard Hồng Kông                                                     | 3.259.411.429         | 3.259.411.429         | 8.197.934.869         | 8.197.934.869         |
| Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP | 810.642.523           | 810.642.523           | 8.348.827.703         | 8.348.827.703         |
| Phải trả cho người bán khác                                                              | 49.480.208.968        | 49.480.208.968        | 35.631.406.758        | 35.631.406.758        |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)                                       | 3.656.160.403         | 3.656.160.403         | 2.945.876.051         | 2.945.876.051         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                         | <b>77.663.369.499</b> | <b>77.663.369.499</b> | <b>69.626.650.985</b> | <b>69.626.650.985</b> |

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                                                         | Đơn vị tính: VND      |                      |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                                                         | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam                                    | 18.742.803.600        | 1.092.338.000        |
| Ngân hàng TMCP Nam Á                                                    | 6.200.000.000         | 2.200.000.000        |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam                                 | 2.122.304.663         | -                    |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Truyền thông Thiên Hy Long Việt Nam | -                     | 4.081.828.675        |
| Khách hàng khác                                                         | 1.468.341.732         | 1.753.295.773        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                        | <b>28.533.449.995</b> | <b>9.127.462.448</b> |

81180  
ÔNG T  
TNHH  
T & Y  
ỆT N  
HỒ H

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

|                            | Đơn vị tính: VND      |                        |                         |                       |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|
|                            | Số đầu năm            | Số phải nộp trong năm  | Số đã nộp trong năm     | Số cuối năm           |
| <b>Phải nộp</b>            |                       |                        |                         |                       |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 22.424.539.265        | 56.631.188.865         | (56.288.176.962)        | 22.767.551.168        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 345.339.187           | 9.103.131.301          | (8.941.272.633)         | 507.197.855           |
| Thuế giá trị gia tăng      | 2.947.383.197         | 32.403.798.777         | (26.836.520.446)        | 8.514.661.528         |
| Các loại thuế khác         | 39.813.516            | 4.123.134.765          | (1.909.204.212)         | 2.253.744.069         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>25.757.075.165</b> | <b>102.261.253.708</b> | <b>(93.975.174.253)</b> | <b>34.043.154.620</b> |
|                            | Số đầu năm            | Số phải thu trong năm  | Số đã nhận trong năm    | Số cuối năm           |
| <b>Phải thu</b>            |                       |                        |                         |                       |
| Thuế giá trị gia tăng      | 18.491.906.737        | 37.737.155.123         | (32.915.244.618)        | 23.313.816.242        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                     | 5.120.481.206          | -                       | 5.120.481.206         |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 9.779.512             | 21.809.177             | -                       | 31.388.689            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>18.501.685.249</b> | <b>42.879.245.506</b>  | <b>(32.915.244.618)</b> | <b>28.465.686.137</b> |

2-C.T.T.N.H.  
JUNG  
IM  
CHINH

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

|                                                                 | Đơn vị tính: VND      |                       |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                 | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Chi phí thuê kho, mặt bằng quầy hàng                            | 14.059.139.898        | 2.230.564.508         |
| Phải trả hàng mua chưa xuất hóa đơn                             | 6.515.683.987         | 6.520.792.549         |
| Chi phí hội nghị, khánh tiết và chi phí khác                    | 4.705.402.185         | -                     |
| Chi phí thuê căn hộ                                             | 4.345.870.056         | 4.286.505.113         |
| Chi phí phải trả khác                                           | 4.245.251.597         | 1.821.625.218         |
| Chi phí phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29) | 1.304.852.994         | 1.258.323.536         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                | <b>35.176.180.717</b> | <b>16.117.810.924</b> |

17. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

|                                                         | Đơn vị tính: VND      |                      |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                                         | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
| Bảo hiểm bắt buộc, kinh phí công đoàn                   | 1.265.640.920         | 774.945.574          |
| Nhận ký quỹ, ký cược                                    | 186.000.000           | 808.900.000          |
| Các khoản phải trả khác                                 | 2.559.141.920         | 3.053.632.525        |
| Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29) | 14.364.500.000        | 327.000.000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                        | <b>18.375.282.840</b> | <b>4.964.478.099</b> |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

18. VAY

| Thuyết minh           | Số đầu năm |                       | Số phát sinh trong năm |                        | Đơn vị tính: VND         |                       |
|-----------------------|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
|                       | Giá trị    | Số có khả năng trả nợ | Tăng                   | Giảm                   | Giá trị                  | Số có khả năng trả nợ |
| <b>Ngắn hạn</b>       |            |                       |                        |                        |                          |                       |
| Vay ngân hàng         | 18.1       | 42.602.810.602        | 42.602.810.602         | 211.255.048.581        | (195.982.955.507)        | 57.874.903.676        |
| Vay ngân hàng dài hạn |            |                       |                        |                        |                          |                       |
| đến hạn trả           | 18.2       | 3.682.000.000         | 3.682.000.000          | 555.750.000            | (3.682.000.000)          | 555.750.000           |
| Vay bên liên quan     |            | -                     | -                      | 10.000.000.000         | (10.000.000.000)         | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>      |            | <b>46.284.810.602</b> | <b>46.284.810.602</b>  | <b>221.810.798.581</b> | <b>(209.664.955.507)</b> | <b>58.430.653.676</b> |
| <b>Dài hạn</b>        |            |                       |                        |                        |                          |                       |
| Vay ngân hàng         | 18.2       | 555.750.000           | 555.750.000            | -                      | (555.750.000)            | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG</b>      |            | <b>555.750.000</b>    | <b>555.750.000</b>     | <b>-</b>               | <b>(555.750.000)</b>     | <b>-</b>              |



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

| Ngân hàng                                                                                                              | Số cuối năm (VND)     | Kỳ hạn trả gốc và lãi                                                                                                      | Lãi suất (%/năm)                                                               | Hình thức đảm bảo                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Quân Đô - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh                                                               | 21.955.878.941        | Kỳ hạn vay 5 tháng, với khoản trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 20 tháng 6 năm 2026. Lãi vay trả hằng tháng.                   | 6,76%                                                                          | Hợp đồng tiền gửi của Công ty Taseco Sài Gòn, công ty con của Công ty.                                              |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương                                                          | 18.651.968.807        | Kỳ hạn vay 5 tháng, với khoản cuối cùng đáo hạn vào ngày 16 tháng 3 năm 2026. Lãi vay trả hằng tháng.                      | 5,4% - 5,5%                                                                    | Một số khoản tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.                                                            |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân                                                             | 17.205.291.576        | Kỳ hạn vay từ 6 tháng đến 12 tháng, với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 15 tháng 12 năm 2026. Lãi vay trả hằng tháng. | 7,0% - 8,0%                                                                    | Một số khoản tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty.                                                            |
| Thẻ tín dụng phát hành bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh                       | 49.635.940            | Dư nợ thẻ tín dụng trả hàng tháng. Hạn mức thẻ tín dụng là 50.000.000 VND.                                                 | Lãi suất chậm trả được xác định là 0,3%/ngày chậm trả.                         | Hợp đồng tiền gửi của Công ty Taseco Sài Gòn, công ty con của Công ty.                                              |
| Thẻ tín dụng phát hành bởi Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình, Phòng giao dịch Tây Hồ | 12.128.412            | Thời gian duy trì hạn mức của thẻ tín dụng là 60 tháng. Dư nợ trả hằng tháng.                                              | Lãi suất trả chậm theo quy định của Ngân hàng phát hành thẻ theo từng thời kỳ. | Hợp đồng tiền gửi với giá trị 60 triệu VND tại ngân hàng cho vay của Công ty Jalux Taseco, công ty con của Công ty. |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                       | <b>57.874.903.676</b> |                                                                                                                            |                                                                                |                                                                                                                     |



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HOP NHẬT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

|                                                               |                    |                                                                                                                         |                  |                                                          |  |
|---------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------|--|
| <b>18. VAY</b> (tiếp theo)                                    |                    |                                                                                                                         |                  |                                                          |  |
| <b>18.2 Vay ngắn hạn dài hạn</b>                              |                    |                                                                                                                         |                  |                                                          |  |
| Chi tiết các khoản vay ngắn hạn dài hạn như sau:              |                    |                                                                                                                         |                  |                                                          |  |
|                                                               | Số cuối năm (VND)  | Kỳ hạn trả gốc và lãi                                                                                                   | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo                                        |  |
| Ngân hàng                                                     | 555.750.000        | Kỳ hạn trả gốc vay là 3 tháng một lần, với khoản cuối cùng đáo hạn vào ngày 4 tháng 3 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng. | 6,8% - 7,3%      | Một số khoản tiền gửi tại ngân hàng cho vay của Công ty. |  |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương |                    |                                                                                                                         |                  |                                                          |  |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                              | <b>555.750.000</b> |                                                                                                                         |                  |                                                          |  |
| Trong đó:                                                     |                    |                                                                                                                         |                  |                                                          |  |
| Vay dài hạn đến hạn trả                                       | 555.750.000        |                                                                                                                         |                  |                                                          |  |
| Vay dài hạn                                                   | -                  |                                                                                                                         |                  |                                                          |  |

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

|                                   | Đơn vị tính: VND      |                      |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                   | Năm nay               | Năm trước            |
| Số đầu năm                        | 7.615.476.912         | 4.981.990.970        |
| Trích lập quỹ (Thuyết minh số 20) | 9.772.647.176         | 6.071.365.122        |
| Sử dụng quỹ                       | (6.281.651.530)       | (3.437.879.180)      |
| Số cuối năm                       | <b>11.106.472.558</b> | <b>7.615.476.912</b> |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HOP NHẬT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

|                                                       |  |                 |                                   |                                 |                   |
|-------------------------------------------------------|--|-----------------|-----------------------------------|---------------------------------|-------------------|
| <b>20. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                             |  |                 |                                   |                                 |                   |
| <b>20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu</b> |  |                 |                                   |                                 |                   |
|                                                       |  |                 |                                   |                                 | Đơn vị tính: VND  |
|                                                       |  | Vốn cổ phần     | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng         |
| <b>Năm trước</b>                                      |  |                 |                                   |                                 |                   |
| Số đầu năm                                            |  | 450.000.000.000 | 55.366.478.200                    | 82.354.188.241                  | 587.720.666.441   |
| - Lợi nhuận thuần trong năm                           |  | -               | 148.621.058.440                   | 53.757.778.972                  | 202.378.837.412   |
| - Góp thêm vốn vào công ty con                        |  | -               | -                                 | 14.000.000.000                  | 14.000.000.000    |
| - Chia cổ tức bằng tiền                               |  | -               | (121.500.000.000)                 | (57.577.500.000)                | (179.077.500.000) |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                     |  | -               | (5.547.815.122)                   | (523.550.000)                   | (6.071.365.122)   |
| - Thù lao Hội đồng Quản trị                           |  | -               | (598.220.000)                     | (52.780.000)                    | (651.000.000)     |
| Số cuối năm                                           |  | 450.000.000.000 | 76.341.501.518                    | 91.958.137.213                  | 618.299.638.731   |
| <b>Năm nay</b>                                        |  |                 |                                   |                                 |                   |
| Số đầu năm                                            |  | 450.000.000.000 | 76.341.501.518                    | 91.958.137.213                  | 618.299.638.731   |
| - Lợi nhuận thuần trong năm                           |  | -               | 250.170.276.714                   | 75.584.629.156                  | 325.754.905.870   |
| - Chia cổ tức năm 2024 bằng tiền (*)                  |  | -               | (67.500.000.000)                  | -                               | (67.500.000.000)  |
| - Tam ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền (**)              |  | -               | (112.500.000.000)                 | -                               | (112.500.000.000) |
| - Chia cổ tức cho các cổ đông không kiểm soát (*)     |  | -               | -                                 | (66.795.750.000)                | (66.795.750.000)  |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)                |  | -               | (9.012.199.176)                   | (760.448.000)                   | (9.772.647.176)   |
| - Thù lao Hội đồng Quản trị (*)                       |  | -               | (608.670.000)                     | (57.330.000)                    | (666.000.000)     |
| Số cuối năm                                           |  | 450.000.000.000 | 136.890.909.056                   | 99.929.238.369                  | 686.820.147.425   |

(\*) Công ty và các công ty con chia cổ tức và trả thù lao Hội đồng Quản trị năm 2024 theo Nghị quyết số 01/NQ-AST-DHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ("Nghị quyết số 01") và các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng thành viên của các công ty con. Theo Nghị quyết số 01, cổ tức từ lợi nhuận cho năm 2024 cho các cổ đông của Công ty là 135.000.000.000 VND, trong đó 67.500.000.000 VND đã được Công ty tạm ứng bằng tiền trong năm 2024 và giá trị còn lại được công bố và chi trả trong năm 2025.

(\*\*) Công theo Nghị quyết số 01 và Nghị quyết số 11/NQ-AST-HĐQT ngày 6 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền với số tiền là 112.500.000.000 VND, và Công ty đã hoàn thành việc chi trả tạm ứng cổ tức trong năm 2025.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                                 | Số cuối năm            |                        |                 | Số đầu năm             |                        |                 |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------|------------------------|------------------------|-----------------|
|                                 | Tổng số                | Cổ phiếu thường        | Cổ phiếu ưu đãi | Tổng số                | Cổ phiếu thường        | Cổ phiếu ưu đãi |
|                                 |                        |                        |                 |                        |                        |                 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco | 229.500.000.000        | 229.500.000.000        | -               | 229.500.000.000        | 229.500.000.000        | -               |
| Cổ đông khác                    | 220.500.000.000        | 220.500.000.000        | -               | 220.500.000.000        | 220.500.000.000        | -               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>450.000.000.000</b> | <b>450.000.000.000</b> | <b>-</b>        | <b>450.000.000.000</b> | <b>450.000.000.000</b> | <b>-</b>        |

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

|                                         | Đơn vị tính: VND       |                        |
|-----------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                         | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b> | <b>450.000.000.000</b> | <b>450.000.000.000</b> |
| Số đầu năm                              | 450.000.000.000        | 450.000.000.000        |
| Số cuối năm                             | 450.000.000.000        | 450.000.000.000        |
| <b>Cổ tức đã công bố</b>                | <b>180.000.000.000</b> | <b>121.500.000.000</b> |

20.4 Cổ phiếu

|                                   | Đơn vị tính: cổ phiếu |                   |
|-----------------------------------|-----------------------|-------------------|
|                                   | Số cuối năm           | Số đầu năm        |
| <b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b> | <b>45.000.000</b>     | <b>45.000.000</b> |
| Cổ phiếu phổ thông                | 45.000.000            | 45.000.000        |
| <b>Cổ phiếu đã phát hành</b>      | <b>45.000.000</b>     | <b>45.000.000</b> |
| Cổ phiếu phổ thông                | 45.000.000            | 45.000.000        |
| <b>Cổ phiếu quỹ</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>          |
| Cổ phiếu phổ thông                | -                     | -                 |
| <b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>     | <b>45.000.000</b>     | <b>45.000.000</b> |
| Cổ phiếu phổ thông                | 45.000.000            | 45.000.000        |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.5 Cổ tức

|                                                                   | Đơn vị tính: VND       |                        |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                   | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>                                | <b>180.000.000.000</b> | <b>121.500.000.000</b> |
| Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông                                    |                        |                        |
| Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 1.200 VND/cổ phiếu                 | -                      | 54.000.000.000         |
| Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2024 (Đợt 1): 1.500 VND/cổ phiếu | -                      | 67.500.000.000         |
| Cổ tức bằng tiền cho năm 2024 (Đợt 2): 1.500 VND/cổ phiếu         | 67.500.000.000         | -                      |
| Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2025: 2.500 VND/cổ phiếu         | 112.500.000.000        | -                      |
| <b>Cổ tức đã trả trong năm</b>                                    | <b>179.993.027.525</b> | <b>121.489.556.745</b> |

21. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát                            |                        |                      |                        |                      |                  |                  | Đơn vị tính: VND  |  |
|----------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------|------------------|-------------------|--|
|                                                                | Công ty Taseco Đà Nẵng | Công ty Taseco Media | Công ty Taseco Sài Gòn | Công ty Jalux Taseco | Taseco Phú Quốc  | Công ty Hà Linh  | Tổng cộng         |  |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2025                                      |                        |                      |                        |                      |                  |                  |                   |  |
| Vốn đã góp                                                     | 50.000.000             | 15.000.000           | 17.500.000.000         | 17.909.500.000       | 3.500.000.000    | 9.800.000.000    | 48.774.500.000    |  |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                              | 354.380.310            | 55.462.485           | 46.439.652.096         | 124.295.893.147      | 16.482.871.813   | 22.397.238.518   | 210.025.498.369   |  |
| Cổ tức đã chia lũy kế                                          | (275.060.000)          | (52.000.000)         | (38.990.000.000)       | (82.383.700.000)     | (16.100.000.000) | (21.070.000.000) | (158.870.760.000) |  |
| TỔNG CỘNG                                                      | 129.320.310            | 18.462.485           | 24.949.652.096         | 59.821.693.147       | 3.882.871.813    | 11.127.238.518   | 99.929.238.369    |  |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025           |                        |                      |                        |                      |                  |                  |                   |  |
| Lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 63.463.539             | 24.616.050           | 17.910.684.402         | 35.240.909.579       | 10.664.268.267   | 11.680.687.319   | 75.584.629.156    |  |
| TỔNG CỘNG                                                      | 63.463.539             | 24.616.050           | 17.910.684.402         | 35.240.909.579       | 10.664.268.267   | 11.680.687.319   | 75.584.629.156    |  |



22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| Đơn vị tính: VND                                    |                   |                   |
|-----------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
|                                                     | Năm nay           | Năm trước         |
| Tổng doanh thu                                      | 1.726.948.551.274 | 1.330.042.251.352 |
| Trong đó:                                           |                   |                   |
| Doanh thu bán hàng                                  | 896.362.143.474   | 821.921.884.402   |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                          | 830.586.407.800   | 508.120.366.950   |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                        | -                 | -                 |
| Doanh thu thuần                                     | 1.726.948.551.274 | 1.330.042.251.352 |
| Trong đó:                                           |                   |                   |
| Doanh thu với các bên khác                          | 1.721.714.118.339 | 1.325.547.845.212 |
| Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 29) | 5.234.432.935     | 4.494.406.140     |

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| Đơn vị tính: VND                          |                |                |
|-------------------------------------------|----------------|----------------|
|                                           | Năm nay        | Năm trước      |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trái phiếu | 13.383.857.459 | 15.023.236.545 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá                     | 2.367.474.396  | 2.874.155.835  |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác        | 9.000.399      | 5.327.000      |
| TỔNG CỘNG                                 | 15.760.332.254 | 17.902.719.380 |

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| Đơn vị tính: VND                |                 |                 |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|
|                                 | Năm nay         | Năm trước       |
| Giá vốn hàng bán                | 326.256.864.235 | 284.969.733.796 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 304.579.018.382 | 231.929.239.942 |
| TỔNG CỘNG                       | 630.835.882.617 | 516.898.973.738 |

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| Đơn vị tính: VND                                                        |                 |               |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|
|                                                                         | Năm nay         | Năm trước     |
| Chi phí lãi vay (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 3.918.734.584   | 2.316.319.106 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                                                    | (1.059.544.000) | 164.412.000   |
|                                                                         | 1.258.225.708   | 1.570.860.915 |
| TỔNG CỘNG                                                               | 4.117.416.292   | 4.051.592.021 |



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

|                                     | Đơn vị tính: VND       |                        |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                     | Năm nay                | Năm trước              |
| <b>Chi phí bán hàng</b>             |                        |                        |
| Chi phí nhân công                   | 175.683.751.755        | 129.286.585.425        |
| Chi phí thuê kho, mặt bằng          | 237.918.542.505        | 181.863.338.122        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 60.834.136.184         | 43.731.211.195         |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu       | 16.041.224.982         | 12.841.963.244         |
| Chi phí khấu hao và hao mòn         | 21.763.403.580         | 13.851.288.354         |
| Chi phí khác                        | 5.289.653.331          | 6.361.991.746          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>517.530.712.337</b> | <b>387.936.378.086</b> |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b> |                        |                        |
| Chi phí nhân công                   | 129.519.828.888        | 107.257.451.733        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài           | 57.046.865.924         | 35.477.290.849         |
| Chi phí thuê mặt bằng               | 12.218.078.358         | 11.279.092.411         |
| Chi phí lợi thế thương mại phân bổ  | 6.433.278.175          | 8.786.777.943          |
| Chi phí khấu hao và hao mòn         | 4.163.728.833          | 4.248.954.665          |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu       | 4.605.839.002          | 4.168.823.446          |
| Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp (*)   | 1.217.592.593          | 1.262.071.086          |
| Chi phí khác                        | 6.387.067.985          | 7.148.862.035          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>221.592.279.758</b> | <b>179.629.323.968</b> |

(\*) Đây là chi phí dịch vụ chuyên nghiệp với các thành viên trong mạng lưới các công ty EY toàn cầu ("các Công ty EY").

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

|                                                                                              | Đơn vị tính: VND       |                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|
|                                                                                              | Năm nay                | Năm trước            |
| <b>Thu nhập khác</b>                                                                         |                        |                      |
| Thu nhập từ khuyến mại sim chủ và phát triển thuê bao, hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm | 2.401.393.773          | 1.519.037.813        |
| Lãi thanh lý tài sản cố định, công cụ, dụng cụ                                               | 362.398.652            | 2.127.183.914        |
| Các khoản khác                                                                               | 968.520.731            | 476.622.298          |
|                                                                                              | <b>3.732.313.156</b>   | <b>4.122.844.025</b> |
| <b>Chi phí khác</b>                                                                          |                        |                      |
| Chi phí quyền góp, từ thiện                                                                  | 5.563.921.200          | 2.040.000.000        |
| Chi phí nộp phạt, bồi thường                                                                 | 2.567.875.591          | 1.510.957.393        |
| Lỗ từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ                                              | 77.154.664             | 46.763.028           |
| Chi phí khác                                                                                 | 996.850.038            | 703.754.558          |
|                                                                                              | <b>9.205.801.493</b>   | <b>4.301.474.979</b> |
| <b>LỖ KHÁC THUẬN</b>                                                                         | <b>(5.473.488.337)</b> | <b>(178.630.954)</b> |

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

|                                    | Đơn vị tính: VND         |                          |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                    | Năm nay                  | Năm trước                |
| Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa  | 494.374.840.367          | 409.794.750.348          |
| Chi phí nhân công                  | 356.014.931.991          | 280.394.586.050          |
| Chi phí thuê kho, mặt bằng         | 282.957.613.415          | 232.516.945.670          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài          | 183.898.460.263          | 112.619.712.318          |
| Chi phí khấu hao và hao mòn        | 33.249.672.186           | 25.531.214.053           |
| Chi phí lợi thế thương mại phân bổ | 6.433.278.175            | 8.786.777.943            |
| Chi phí khác                       | 13.030.078.315           | 14.820.689.410           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   | <b>1.369.958.874.712</b> | <b>1.084.464.675.792</b> |

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố có bao gồm giá vốn hàng thương mại chủ yếu ở các cửa hàng bán lẻ của Tập đoàn.

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty Taseco Phú Quốc là 10% thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm tính từ năm 2022. Công ty này được miễn thuế TNDN trong 4 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

|                                                | Đơn vị tính: VND      |                       |
|------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                | Năm nay               | Năm trước             |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 55.982.485.690        | 51.498.830.670        |
| Chi phí thuế TNDN trích (thừa)/thiếu năm trước | (1.502.019.195)       | 2.210.696.923         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                               | <b>54.480.466.495</b> | <b>53.709.527.593</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

|                                                                             | Đơn vị tính: VND      |                       |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                             | Năm nay               | Năm trước             |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                           | 380.235.372.365       | 256.088.365.005       |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20%                                                | 76.047.074.473        | 51.217.673.001        |
| Các khoản điều chỉnh:                                                       |                       |                       |
| Phân bổ lợi thế thương mại                                                  | 1.286.655.635         | 1.757.355.589         |
| Khoản (lãi)/lỗ từ công ty liên kết                                          | (3.415.253.635)       | 632.341.391           |
| Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định hiện hành                      | (265.821.123)         | 149.372.019           |
| Chi phí thuế VAT nộp bổ sung cho các năm trước theo biên bản thanh tra thuế | 2.294.831.461         | -                     |
| Chi phí không được khấu trừ thuế khác                                       | 862.075.101           | 792.628.529           |
| Lỗ thuế năm trước mang sang                                                 | (14.732.742.268)      | (991.236.347)         |
| Chi phí thuế TNDN trích (thừa)/thiếu của năm trước                          | (1.502.019.195)       | 2.210.696.923         |
| Thuế TNDN được miễn, giảm                                                   | (6.095.580.611)       | (3.032.983.135)       |
| Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận                          | 1.246.657             | 973.479.623           |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                                                    | <b>54.480.466.495</b> | <b>53.709.527.593</b> |

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty và các công ty con có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

|                  | Đơn vị tính: VND         |                        |                                            |                                              |
|------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Năm phát sinh    | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế (*)       | Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 | Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 |
| 2020             | 2025                     | 46.944.868.313         | (46.944.868.313)                           | -                                            |
| 2021             | 2026                     | 97.980.689.736         | (97.980.689.736)                           | -                                            |
| 2022             | 2027                     | 11.897.046.067         | (11.897.046.067)                           | -                                            |
| 2023             | 2028                     | 13.786.808.458         | (13.786.808.458)                           | -                                            |
| 2024             | 2029                     | 4.861.878.542          | (4.749.651.399)                            | 112.227.143                                  |
| 2025             | 2030                     | 5.924.857              | -                                          | 5.924.857                                    |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                          | <b>175.477.215.973</b> | <b>(175.359.063.973)</b>                   | <b>118.152.000</b>                           |

(\*) Khoản lỗ tính thuế của Công ty và các công ty con được ước tính theo tờ khai thuế và chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Tập đoàn và/hoặc các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

| Bên liên quan                                                                         | Mối quan hệ                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần THT Phúc Linh                                                         | Công ty mẹ cấp cao nhất      |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco ("Tập đoàn Taseco")                                   | Công ty mẹ                   |
| Công ty VinaCS                                                                        | Công ty liên kết             |
| PENM IV Germany GmbH & Co. KG Company                                                 | Cổ đông lớn                  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco ("Công ty Taseco Land")                    | Công ty cùng Tập đoàn Taseco |
| Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế ("Công ty Quản lý Bất động sản Quốc tế") | Công ty cùng Tập đoàn Taseco |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ ("Công ty Phú Mỹ")                         | Công ty cùng Tập đoàn Taseco |
| Công ty Cổ phần Taseco Invest ("Công ty Taseco Invest")                               | Công ty cùng Tập đoàn Taseco |
| Công ty Cổ phần Alacarte Hạ Long ("Công ty Alacarte Hạ Long")                         | Công ty cùng Tập đoàn Taseco |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng                               | Công ty cùng Tập đoàn Taseco |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng                                        | Công ty cùng Tập đoàn Taseco |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không Việt Nam                                  | Công ty cùng Tập đoàn Taseco |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL                                              | Công ty cùng Tập đoàn Taseco |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nghỉ dưỡng Taseco Đà Nẵng                         | Công ty cùng Tập đoàn Taseco |
| Ông Đào Ngọc Thiết                                                                    | Kế toán trưởng               |

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

| Đơn vị tính: VND                               |                              |                                                |                |                |
|------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Bên liên quan                                  | Mối quan hệ                  | Nội dung nghiệp vụ                             | Năm nay        | Năm trước      |
| Tập đoàn Taseco                                | Công ty mẹ                   | Cổ tức đã được chia                            | 95.300.000.000 | 63.365.000.000 |
|                                                |                              | Mua hàng hóa, dịch vụ                          | 2.195.180.804  | 15.831.969.184 |
|                                                |                              | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ         | 166.722.477    | 180.176.812    |
| Công ty VinaCS                                 | Công ty liên kết             | Cho vay                                        | 1.500.000.000  | 8.500.000.000  |
|                                                |                              | Thu hồi gốc vay                                | 3.000.000.000  | 7.000.000.000  |
|                                                |                              | Đi vay                                         | 15.000.000.000 | -              |
|                                                |                              | Trả gốc vay                                    | 15.000.000.000 | 1.000.000.000  |
|                                                |                              | Mua hàng hóa, dịch vụ                          | 3.447.525.497  | 2.192.513.596  |
| Công ty Taseco Land                            | Công ty cùng Tập đoàn Taseco | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ         | 66.698.076     | 9.265.428      |
|                                                |                              | Mua hàng hóa, dịch vụ                          | 2.428.074.789  | 2.211.940.527  |
|                                                |                              | Mua hàng hóa, dịch vụ                          | 835.512.963    | -              |
|                                                |                              | Chỉ phí thuê mặt bằng, dịch vụ                 | 3.014.109.058  | 3.233.829.578  |
|                                                |                              | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ         | 2.059.850.711  | 1.395.431.157  |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng | Công ty cùng Tập đoàn Taseco | Chỉ phí thuê mặt bằng                          | 38.473.819.655 | 39.570.725.862 |
|                                                |                              | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ         | 70.475.689     | 207.678.703    |
| Công ty Alacarte Hạ Long                       | Công ty cùng Tập đoàn Taseco | Mua hàng hóa, dịch vụ                          | 616.126.521    | 986.110.218    |
|                                                |                              | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ         | 32.367.400     | -              |
| Các bên liên quan khác                         | Phó Chủ tịch                 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ         | 410.243.793    | 489.913.513    |
|                                                |                              | Chuyển tiền góp vốn tại Công ty Taseco Sài Gòn | -              | 8.000.000.000  |
| Ông Nguyễn Minh Hải                            |                              | Cổ tức được chia từ các công ty con            | 15.800.000.000 | 9.600.000.000  |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Phương                     | Phó Tổng Giám đốc            | Cổ tức được chia từ công ty con                | 1.250.000.000  | 500.000.000    |
| Bà Trần Thị Loan                               | Trưởng Ban kiểm soát         | Chuyển tiền góp vốn tại Công ty Taseco Sài Gòn | -              | 6.000.000.000  |
|                                                |                              | Cổ tức được chia từ các công ty con            | 19.365.750.000 | 10.200.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ mua/bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và cho vay/đi vay với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận giữa các bên.

Ngoại trừ khoản cho vay bên liên quan, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn (ngày 31 tháng 12 năm 2024: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà các bên liên quan đó hoạt động.

Các giao dịch với bên liên quan được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền của Công ty và các công ty con theo quy định tại Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 và Điều lệ của Công ty và Điều lệ của các công ty con.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| Đơn vị tính: VND                                             |                              |                                        |                      |                      |
|--------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Bên liên quan                                                | Mối quan hệ                  | Nội dung nghiệp vụ                     | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b> |                              |                                        |                      |                      |
| Tập đoàn Taseco                                              | Công ty mẹ                   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 41.799.798           | 4.665.600            |
| Công ty Taseco Land                                          | Công ty cùng Tập đoàn Taseco | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.569.527.800        | 124.960.750          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng      | Công ty cùng Tập đoàn Taseco | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 409.410.950          | 38.389.300           |
| Các bên liên quan khác                                       |                              | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 59.517.000           | -                    |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                             |                              |                                        | <b>2.080.255.548</b> | <b>168.015.650</b>   |
| <b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Mã số 135)</b>              |                              |                                        |                      |                      |
| Công ty VinaCS                                               | Công ty liên kết             | Cho vay                                | -                    | 1.500.000.000        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                             |                              |                                        | <b>-</b>             | <b>1.500.000.000</b> |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</b>             |                              |                                        |                      |                      |
| Công ty Taseco Land                                          | Công ty cùng Tập đoàn Taseco | Phải thu khác                          | 1.519.689.300        | 461.407.100          |
| Các bên liên quan khác                                       |                              | Phải thu khác                          | 403.773.880          | 425.745.253          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                             |                              |                                        | <b>1.923.463.180</b> | <b>887.152.353</b>   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

| Đơn vị tính: VND                                         |                              |                                   |                       |                      |
|----------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Bên liên quan                                            | Mối quan hệ                  | Nội dung nghiệp vụ                | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
| <b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 7)</b>          |                              |                                   |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng           | Công ty cùng Tập đoàn Taseco | Đặt cọc thuê mặt bằng             | 4.711.920.120         | 4.711.920.120        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng  | Công ty cùng Tập đoàn Taseco | Đặt cọc thuê mặt bằng             | 30.000.000            | -                    |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                         |                              |                                   | <b>4.741.920.120</b>  | <b>4.711.920.120</b> |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)</b> |                              |                                   |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng           | Công ty cùng Tập đoàn Taseco | Chi phí thuê mặt bằng             | 21.690.720            | 2.249.766.636        |
| Tập đoàn Taseco                                          | Công ty mẹ                   | Phải trả tiền thuê                | 450.801.405           | 437.947.789          |
| Công ty VinaCS                                           | Công ty liên kết             | Mua hàng hóa, dịch vụ             | 574.175.035           | 209.490.369          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng  | Công ty cùng Tập đoàn Taseco | Chi phí thuê mặt bằng             | 2.441.361.921         | 9.177.313            |
| Các bên liên quan khác                                   |                              | Mua hàng hóa, dịch vụ             | 166.131.322           | 39.493.944           |
|                                                          |                              |                                   | <b>3.656.160.403</b>  | <b>2.945.876.051</b> |
| <b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</b>     |                              |                                   |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng           | Công ty cùng Tập đoàn Taseco | Trích trước chi phí thuê          | 1.266.816.093         | 1.258.014.281        |
| Các bên liên quan khác                                   |                              |                                   | 38.036.901            | 309.255              |
|                                                          |                              |                                   | <b>1.304.852.994</b>  | <b>1.258.323.536</b> |
| <b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)</b>        |                              |                                   |                       |                      |
| Công ty VinaCS                                           | Công ty liên kết             | Phải trả lãi vay và phải trả khác | -                     | 300.000.000          |
| Tập đoàn Taseco                                          | Công ty mẹ                   | Cổ tức phải trả                   | 1.400.000.000         | -                    |
|                                                          |                              | Phải trả khác                     | -                     | 27.000.000           |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Phương                               | Phó Tổng Giám đốc            | Cổ tức phải trả                   | 500.000.000           | -                    |
| Ông Nguyễn Minh Hải                                      | Phó Chủ tịch                 | Cổ tức phải trả                   | 5.400.000.000         | -                    |
| Bà Trần Thị Loan                                         | Trưởng Ban Kiểm soát         | Cổ tức phải trả                   | 7.060.500.000         | -                    |
|                                                          |                              | Thủ lao HĐQT                      | 4.000.000             | -                    |
|                                                          |                              |                                   | <b>14.364.500.000</b> | <b>327.000.000</b>   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập (bao gồm tiền lương, thưởng và thù lao) của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty trong năm như sau:

| Đơn vị tính: VND              |                                     |                      |                      |
|-------------------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tên                           | Chức vụ                             | Năm nay              | Năm trước            |
| Ông Phạm Ngọc Thanh           | Chủ tịch HĐQT                       | 72.000.000           | 72.000.000           |
| Ông Nguyễn Minh Hải           | Phó Chủ tịch HĐQT                   | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Ông Lê Anh Quốc               | Phó Chủ tịch HĐQT/<br>Tổng Giám đốc | 1.299.554.000        | 1.197.925.000        |
| Ông Lars Kjaer                | Thành viên HĐQT                     | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Ông Kim Hongjin               | Thành viên HĐQT                     | -                    | -                    |
| Ông Đặng Huy Khởi             | Thành viên HĐQT                     | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Ông Lê Đức Long               | Thành viên HĐQT                     | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Ông Nguyễn Quang Huy          | Phó Tổng Giám đốc                   | 825.409.000          | 782.552.000          |
| Bà Nguyễn Thị Thanh<br>Phương | Phó Tổng Giám đốc                   | 1.025.553.000        | 963.006.000          |
| Ông Nguyễn Xuân Bằng          | Phó Tổng Giám đốc                   | 1.009.553.000        | 910.894.000          |
| Bà Trần Thị Loan              | Trưởng Ban Kiểm soát                | 60.000.000           | 60.000.000           |
| Bà Nguyễn Thị Hương           | Thành viên Ban Kiểm soát            | 36.000.000           | 36.000.000           |
| Bà Phạm Thị Thu Hiền          | Thành viên Ban Kiểm soát            | 36.000.000           | 36.000.000           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              |                                     | <b>4.604.069.000</b> | <b>4.298.377.000</b> |

611802  
NG TY  
(NHH  
& YOI  
T NA)  
S HOC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

| Đơn vị tính: VND                                                                                                            |                        |                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                                                                                             | Năm nay                | Năm trước              |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông                                                      | 250.170.276.714        | 148.621.058.440        |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                                                                                             | (9.012.199.176)        | (5.560.065.122)        |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b> | <b>241.158.077.538</b> | <b>143.060.993.318</b> |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                 | 45.000.000             | 45.000.000             |
| <b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>     | <b>45.000.000</b>      | <b>45.000.000</b>      |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                                                                                    | 5.359                  | 3.179                  |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu                                                                                                  | 5.359                  | 3.179                  |

Lợi nhuận thuần sau thuế dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay và năm trước được điều chỉnh cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- ▶ Bộ phận kinh doanh bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không (bao gồm các dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, vận tải hành khách, quảng cáo, thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ phụ trợ khác).
- ▶ Bộ phận kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn (ngoài nhà ga và cảng hàng không).

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

|                                                                       | Đơn vị tính: VND                                                                      |                                        |                   |
|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
|                                                                       | Kinh doanh bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không | Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn | Tổng cộng         |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày |                                                                                       |                                        |                   |
| Doanh thu                                                             | 1.659.987.611.497                                                                     | 66.960.939.777                         | 1.726.948.551.274 |
| Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                |                                                                                       |                                        |                   |
| Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận             | 2.712.963                                                                             | 5.468.569.631                          | (5.471.282.594)   |
| Tổng doanh thu                                                        | 1.659.990.324.460                                                                     | 72.429.509.408                         | 1.726.948.551.274 |
| Kết quả                                                               |                                                                                       |                                        |                   |
| Lợi nhuận(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận                            | 376.437.036.068                                                                       | (1.371.165.368)                        | 375.065.870.700   |
| Thu nhập(chi phí) không phân bổ (*)                                   |                                                                                       |                                        | 5.169.501.665     |
| Lợi nhuận thuần trước thuế                                            |                                                                                       |                                        | 380.235.372.365   |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp                                    |                                                                                       |                                        | (54.480.466.495)  |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                                              | (54.480.466.495)                                                                      | -                                      | 325.754.905.870   |
| Tài sản và công nợ                                                    |                                                                                       |                                        |                   |
| Tài sản bộ phận                                                       | 893.955.183.411                                                                       | 58.046.348.629                         | 950.757.829.540   |
| Tài sản không phân bổ (**)                                            | -                                                                                     | -                                      | 80.499.819.697    |
| Tổng tài sản                                                          | 893.955.183.411                                                                       | 58.046.348.629                         | 1.031.257.649.237 |
| Công nợ bộ phận                                                       | 332.101.093.683                                                                       | 13.580.110.629                         | 344.437.501.812   |
| Công nợ không phân bổ                                                 |                                                                                       |                                        | -                 |
| Tổng công nợ                                                          | 332.101.093.683                                                                       | 13.580.110.629                         | 344.437.501.812   |
| Các thông tin bộ phận khác                                            |                                                                                       |                                        |                   |
| Chi phí hình thành tài sản cố định                                    | 13.562.253.474                                                                        | -                                      | 13.562.253.474    |
| Tài sản cố định hữu hình                                              | 78.100.000                                                                            | -                                      | 78.100.000        |
| Tài sản cố định vô hình                                               | 90.101.264.896                                                                        | -                                      | 90.101.264.896    |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                                       | 30.094.537.752                                                                        | 3.155.134.434                          | 33.249.672.186    |
| Khấu hao và hao mòn                                                   |                                                                                       |                                        |                   |



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau (tiếp theo):

|                                                                       | Đơn vị tính: VND                                                                      |                                        |                   |
|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
|                                                                       | Kinh doanh bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không | Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn | Tổng cộng         |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày |                                                                                       |                                        |                   |
| Doanh thu                                                             | 1.261.395.400.135                                                                     | 68.646.851.217                         | 1.330.042.251.352 |
| Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài                | 399.039.912                                                                           | 2.871.094.371                          | (3.270.134.283)   |
| Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận             | 1.261.794.440.047                                                                     | 71.517.945.588                         | 1.330.042.251.352 |
| Tổng doanh thu                                                        |                                                                                       |                                        |                   |
| Kết quả                                                               |                                                                                       |                                        |                   |
| Lợi nhuận(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận                            | 275.556.878.975                                                                       | (7.341.398.112)                        | 268.215.480.863   |
| Thu nhập(chi phí) không phân bổ (*)                                   |                                                                                       |                                        | (12.127.115.856)  |
| Lợi nhuận thuần trước thuế                                            | (53.709.527.593)                                                                      | -                                      | 256.088.365.005   |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp                                    |                                                                                       |                                        | (53.709.527.593)  |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                                              |                                                                                       |                                        | 202.378.837.412   |
| Tài sản và công nợ                                                    |                                                                                       |                                        |                   |
| Tài sản bộ phận                                                       | 747.446.035.878                                                                       | 54.995.925.215                         | 790.916.263.709   |
| Tài sản không phân bổ (**)                                            | -                                                                                     | -                                      | 62.364.007.519    |
| Tổng tài sản                                                          | 747.446.035.878                                                                       | 54.995.925.215                         | 853.280.271.228   |
| Công nợ bộ phận                                                       | 221.382.360.570                                                                       | 25.123.969.311                         | 234.980.632.497   |
| Công nợ không phân bổ                                                 |                                                                                       |                                        | -                 |
| Tổng công nợ                                                          | 221.382.360.570                                                                       | 25.123.969.311                         | 234.980.632.497   |
| Các thông tin bộ phận khác                                            |                                                                                       |                                        |                   |
| Chi phí hình thành tài sản cố định                                    | 18.399.935.125                                                                        | 2.753.805.145                          | 21.153.740.270    |
| Tài sản cố định hữu hình                                              | 15.861.200.000                                                                        | -                                      | 15.861.200.000    |
| Tài sản cố định vô hình                                               | 7.032.193.473                                                                         | -                                      | 7.032.193.473     |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                                       | 22.615.357.151                                                                        | 2.915.856.902                          | 25.531.214.053    |
| Khấu hao và hao mòn                                                   |                                                                                       |                                        |                   |

(\*) Thu nhập(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm khoản thu nhập khác, chi phí khác, phần bổ lợi thể thương mại và phần lãi/lỗ được chia từ công ty liên kết.

(\*\*) Tài sản không phân bổ bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn (không bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT

*Thuế hoạt động*

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Thuê mặt bằng theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Nhà ga T1 và T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn kết thúc từ tháng 6 năm 2026 đến tháng 2 năm 2034;
- ▶ Thuê mặt bằng theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng với Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn kết thúc từ tháng 6 năm 2026 đến tháng 5 năm 2035;
- ▶ Thuê mặt bằng theo Hợp đồng cung cấp mặt bằng và các dịch vụ liên quan tại Nhà ga hành khách quốc tế - Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng với Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng với thời hạn kết thúc từ tháng 4 năm 2026 đến 13 tháng 3 năm 2027;
- ▶ Thuê mặt bằng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh mặt bằng phi hàng không nhà ga hành khách T2 tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn kết thúc vào tháng 4 năm 2026;
- ▶ Thuê mặt bằng theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh mặt bằng, các dịch vụ liên quan và hợp đồng cho thuê mặt bằng tại Nhà ga Quốc tế Cam Ranh - Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh với Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh với thời hạn kết thúc từ tháng 2 năm 2026 đến tháng 9 năm 2028;
- ▶ Thuê mặt bằng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất với Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn kết thúc từ tháng 3 năm 2026 tới tháng 4 năm 2035;
- ▶ Thuê mặt bằng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc với Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn kết thúc đến tháng 12 năm 2027;
- ▶ Thuê căn hộ theo Hợp đồng thuê lại các căn hộ thuộc Khách sạn A La Carte Đà Nẵng từ các cá nhân theo các Hợp đồng Tham gia Chương trình Cho thuê Căn hộ với đơn giá thuê hàng tháng với từng căn hộ được tính theo doanh thu phòng phân chia. Các hợp đồng có thời hạn từ 1 đến 3 năm; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Căn cứ theo một số hợp đồng thuê địa điểm với các Cảng Hàng không, Tập đoàn sẽ phải chia sẻ một phần doanh thu thu được từ các địa điểm thuê theo tỷ lệ được quy định trong các hợp đồng thuê hoặc theo số tiền thuê tối thiểu nếu doanh thu chia sẻ thấp hơn khoản tiền thuê tối thiểu đó. Đối với các hợp đồng thuê khác, tiền thuê được tính dựa trên diện tích sử dụng nhân với đơn giá thuê được quy định cụ thể tại từng hợp đồng thuê.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                  | Đơn vị tính: VND       |                        |
|------------------|------------------------|------------------------|
|                  | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| Đến 1 năm        | 180.348.062.060        | 164.920.946.616        |
| Trên 1 đến 5 năm | 397.638.996.337        | 174.632.487.242        |
| Trên 5 năm       | 93.836.340.960         | 50.508.904.320         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>671.823.399.357</b> | <b>390.062.338.178</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

33.1 *Ngoại tệ*

|                  | Số cuối năm |                      | Số đầu năm |                      |
|------------------|-------------|----------------------|------------|----------------------|
|                  | Nguyên tệ   | Tương đương VND      | Nguyên tệ  | Tương đương VND      |
| USD              | 163.117,16  | 4.252.213.327        | 225.711,50 | 5.660.930.648        |
| AUD              | -           | -                    | 5          | 77.130               |
| EURO             | 11.789,42   | 358.810.997          | 53.851,06  | 1.404.092.577        |
| JYP              | 26.030      | 4.456.042            | 11.185,2   | 1.769.051            |
| SGD              | 18          | 374.330              | 10         | 188.125              |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |             | <b>4.615.854.696</b> |            | <b>7.067.057.531</b> |

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2026

Trần Văn Hưng  
Người lập

Đào Ngọc Thiết  
Kế toán trưởng

Lê Anh Quốc  
Tổng Giám đốc

TASECOAIRS



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025